

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



**ISO 9001:2015**

**NGUYỄN TẮT THẮNG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**  
**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Hải Phòng - 2018**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NGUYỄN TẮT THẮNG

HOÀN THIỆN CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ  
HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU TẠI CHI CỤC HẢI QUAN CỦA  
KHẨU CẢNG HẢI PHÒNG KV3

LUẬN VĂN THẠC SĨ

NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

MÃ SỐ: 60 34 01 02

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. NGHIÊM SỸ THƯƠNG

## MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU .....	6
1.1. KHÁI QUÁT VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CÁC CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU .....	6
1.1.1. Khái quát về trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu.....	6
1.1.2. Nội dung chủ yếu các cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu theo Hiệp định trị giá GATT/WTO (GATT) .....	9
1.2. Kinh nghiệm của một số quốc gia trong khu vực, trên thế giới và khả năng áp dụng hiệp định trị giá GATT/WTO tại chi cục hqck cảng Hải Phòng KV3 .....	18
1.2.1. Kinh nghiệm của các quốc gia trong khu vực và thế giới trong quá trình áp dụng Hiệp định trị giá GATT/WTO .....	18
1.2.2. Bài học kinh nghiệm vận dụng đối với Việt Nam trong quá trình thực hiện GATT .....	23
Chương 2: THỰC TRẠNG CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU TẠI CHI CỤC HQCK CẢNG HẢI PHÒNG KV3 .....	25
2.1. Khái quát quá trình hình thành cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu của Việt Nam.....	25
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu của Việt Nam.....	25
2.1.2. Thực trạng cơ sở pháp lý của cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu theo GATT tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 .....	26

2.2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU TẠI CHI CỤC HQCK CẢNG HẢI PHÒNG KV3 HIỆN NAY .....	27
2.2.1. Thực trạng cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 .....	27
2.2.2. Thực trạng về khai báo và kiểm tra trị giá tính thuế hàng nhập khẩu ở Việt Nam và ở tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng KV3 .....	38
2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG .....	40
2.3.1. Kết quả thực hiện cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu ở Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng Kv3 .....	40
2.3.2. Những hạn chế, bất cập và nguyên nhân chủ yếu.....	50
Chương 3: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM.....	63
3.1. BỐI CẢNH HIỆN NAY VÀ QUAN ĐIỂM TIẾP TỤC HOÀN THIỆN CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU Ở VIỆT NAM.....	63
3.1.1. Bối cảnh chuyển đổi cơ chế xác định trị giá tính thuế theo phương pháp quốc gia sang phương pháp trị giá GATT/WTO.....	63
3.1.2. Quan điểm hoàn thiện cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu ở Việt Nam .....	70
3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU Ở CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG HP KV3.....	71
3.2.1. Từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan .....	71
3.2.2. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin trong thực hiện xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu .....	77
3.2.3. Hoàn thiện mô hình tổ chức kết hợp với việc đào tạo nâng cao năng lực cán bộ làm công tác quản lý trị giá tính thuế .....	82

3.2.4. Hoàn thiện cơ chế, tăng cường hiệu lực và hiệu quả của các công cụ kiểm tra, kiểm soát trị giá khai báo .....	86
3.2.5. Phát huy tối đa và đồng bộ các nguồn lực .....	89
3.2.6. Nâng cao năng lực nhận thức của hải quan và cộng đồng doanh nghiệp. Xây dựng chiến lược tự nguyện chấp hành pháp luật của doanh nghiệp .....	93
KẾT LUẬN .....	96
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	98

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu đồ 2.1: Tỷ lệ sử dụng phương pháp trị giá giao dịch tại các nước phát triển .....	28
Bảng 2.2: Xác định trị giá tính thuế hàng hoá miễn thuế chuyên mục đích sử dụng [2, tr.17].....	35
Bảng 2.3: Số hồ sơ tham vấn và điều chỉnh trị giá hải quan .....	41
Bảng 2.4: Số lượng tờ khai giai đoạn 2012 - 2016 .....	42
Bảng 2.6: Kết quả triển khai thực hiện Tuyên ngôn phục vụ khách hàng .....	47

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.2: Mạng WAN ngành hải quan.....	43
Sơ đồ 2.3: Mô hình tổ chức công tác xác định trị giá ngành Hải quan .....	49
Sơ đồ 3.1: Mô hình hệ thống khai hải quan điện tử .....	66
Sơ đồ 3.2: Quy trình ra quyết định quản lý rủi ro .....	67

## LỜI CẢM ƠN

Luận văn này là kết quả của quá trình học tập, sưu tầm, nghiên cứu, kết hợp với những kinh nghiệm thực tiễn có được trong quá trình công tác, cùng với sự nỗ lực cố gắng của bản thân.

Để hoàn thành được luận văn này, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới các thầy giáo, cô giáo Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, các đồng nghiệp và bạn bè đã nhiệt tình giúp đỡ. Đặc biệt, tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất đến PGS.TS. Nghiêm Sỹ Thương, là người trực tiếp hướng dẫn khoa học. Thầy đã dày công giúp đỡ tôi trong suốt quá trình thực hiện nghiên cứu và hoàn thành luận văn này.

Xin được gửi cảm ơn chân thành tới tập thể Lãnh đạo, cán bộ, công chức và các đơn vị trực thuộc Cục Hải quan TP Hải Phòng, các thương nhân, doanh nghiệp đã giúp đỡ, tạo điều kiện để luận văn được hoàn thành.

Mặc dù đã có sự nỗ lực, cố gắng hết mình nhưng chắc chắn luận văn này không thể tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy, cô giáo, bạn bè và đồng nghiệp để luận văn được hoàn thiện hơn.

***Xin chân thành cảm ơn!***

**NGUYỄN TẮT THẮNG**



## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi và được sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS.Nghiêm Sỹ Thương. Các nội dung nghiên cứu, kết quả trong đề tài này là trung thực và chưa công bố dưới bất kỳ hình thức nào trước đây. Những số liệu trong các bảng biểu phục vụ cho việc phân tích, nhận xét, đánh giá được chính tác giả thu thập từ các nguồn khác nhau đều đã được trích dẫn đầy đủ nguồn gốc.

Nếu có bất kỳ sự gian lận nào tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung luận văn của mình.

*Hải phòng, ngày      tháng      năm 2018*

**LỜI CAM ĐOAN**

**NGUYỄN TẮT THẮNG**

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Nguyên nghĩa
1	CBCC	Cán bộ, công chức
	GATT/WTO	Hiệp Định Giá
2	HQCK	Hải quan cửa khẩu
	KTSTQ	Kiểm tra sau thông quan
5	NK	Nhập khẩu
6	QLNN	Quản lý nhà nước
7	TNTX	Tạm nhập, tái xuất
8	TN	Tạm nhập
9	TX	Tái xuất
10	TTHQ	Thủ tục hải quan
11	TP	Thành phố
12	VNACCS/VCIS	Hệ thống thông quan hàng hóa tự động/Hệ thống thông tin tình báo hải quan (Viet Nam Automated Cargo Clearance Systems/Viet Nam Customs Intelligent System)
13	XNK	Xuất nhập khẩu
14	XK	Xuất khẩu

## DANH MỤC CÁC BẢNG

<i>Số bảng</i>	<i>Tên bảng</i>	<i>Số trang</i>
2.1	Tỷ lệ sử dụng phương pháp trị giá giao dịch tại các nước phát triển	
2.2	Xác định trị giá tính thuế hàng hoá miễn thuế chuyển mục đích sử dụng	
2.3	Số hồ sơ tham vấn và điều chỉnh trị giá hải quan	
2.4	Số lượng tờ khai giai đoạn 2012 – 2016	
2.5	Mạng WAN ngành hải quan	
2.6	Kết quả triển khai thực hiện Tuyên ngôn phục vụ khách hàng	

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Nền kinh tế thị trường đặt ra cho các nhà kinh doanh và đầu tư phải nắm bắt và xử lý thông tin chính xác, kịp thời nhằm đưa ra các quyết định tối ưu có lợi nhất cho mình. Trong nền kinh tế toàn cầu hoá và sự phát triển thương mại quốc tế hiện nay, một trong những kênh thông tin luôn thu hút sự quan tâm của các doanh nghiệp là các qui định về hệ thống thuế quan.

Theo quản lý hải quan hiện đại, trị giá hải quan là phần số liệu về trị giá được đưa ra hoặc đưa vào lãnh thổ hải quan, do cơ quan hải quan quản lý và sử dụng phục vụ cho các mục tiêu quản lý nhà nước về Hải quan, trong đó mục tiêu dùng để tính thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu là chủ yếu và gọi là trị giá tính thuế. Trị giá tính thuế là yếu tố quan trọng (cùng với số lượng hàng hoá và mức thuế suất đối với mỗi loại hàng hoá đó) cấu thành nên thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Bởi vậy xác định trị giá hải quan là một công tác quan trọng trong hệ thống thuế quan hiện đại đảm bảo cho qui trình thủ tục hải quan nói chung và kiểm tra tính thuế nói riêng được thuận lợi và chính xác.

Xác định trị giá tính thuế theo Bảng giá tối thiểu không còn phù hợp với thực tiễn khi Việt Nam hội nhập với khu vực và quốc tế. Với sức ép hội nhập và toàn cầu hoá nền kinh tế bắt buộc chúng ta phải thay đổi, phải có một cơ chế xác định trị giá phù hợp hơn, thuận tiện, khách quan và minh bạch hơn.

Từ năm 2002 về sau, qua một thời gian Việt Nam tham gia vào các tổ chức khu vực, liên khu vực như ASEAN, ASEM, AFTA,... để chuẩn bị các điều kiện tạo tiền đề cho Việt Nam gia nhập vào Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), về phương diện thuế quan, Việt Nam phải có nghĩa vụ thực hiện xác định trị giá tính thuế theo các nguyên tắc của Hiệp định thực hiện điều 7 Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (gọi tắt là Hiệp định trị giá GATT/WTO hay GATT), vì vậy Chính phủ đã ban hành Nghị định 60/2002/NĐ-CP ngày 06/06/2002 áp dụng cơ chế xác định giá tính thuế theo nguyên tắc của Hiệp định trị giá GATT/WTO và được hướng dẫn bằng Thông tư 118/2003/TT-BTC ngày 8/12/2003 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, mãi đến đầu năm 2004, các văn bản này mới chính thức được áp dụng để xác định giá

tính thuế đối với hàng hoá nhập khẩu đối với các quốc gia có tham gia ký kết trao đổi thương mại song phương với Việt Nam. Đến cuối năm 2004 đã áp dụng xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu cho 56 quốc gia và đến thời điểm hiện nay đã áp dụng đối với hầu hết các nước trên thế giới.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, yêu cầu đơn giản và hài hòa hóa thủ tục hải quan theo Công ước Kyoto và để có được những cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu khoa học, phù hợp với quốc tế và điều kiện thực tiễn Việt Nam hiện nay, đòi hỏi phải nhận thức đúng đắn về cơ sở lý luận và thực tiễn, từ đó đề ra những giải pháp thiết thực nâng cao hiệu quả công tác xác định giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu ở Việt Nam, tiến tới đạt được mục tiêu cải thiện môi trường kinh doanh xuất nhập khẩu và thu hút đầu tư, đảm bảo nguồn thu, chống thất thu cho NSNN là vấn đề hết sức bức xúc và thiết thực hiện nay.

Xuất phát từ lý do trên, tác giả chọn đề tài ***“Hoàn thiện cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Hải Phòng KV3”*** làm luận văn thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế, hy vọng góp phần tháo gỡ những vấn đề cấp thiết trên đây.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Ngay từ đầu những năm 2000, để chuẩn bị những tiền đề cho Việt Nam gia nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là tổ chức Thương mại quốc tế WTO, Chính phủ đã có Chỉ thị về từng bước áp dụng các phương pháp của Hiệp định trị giá GATT/ WTO để xác định trị giá tính thuế đối với hàng hoá nhập khẩu. Trên tinh thần đó, ngành Hải quan đã tổ chức nhiều hội thảo, cử nhiều đoàn cán bộ cao cấp đi tham quan, học hỏi kinh nghiệm ở nhiều nước trên thế giới và khu vực, đồng thời biên soạn nhiều tài liệu nghiên cứu với sự tham gia của nhiều nhà khoa học và các nhà hoạch định và điều hành chính sách, cụ thể như:

- Sách *“Các phương pháp xác định trị giá hải quan theo GATT và kiểm toán hải quan”* của tác giả Phạm ngọc Hữu biên soạn và hiệu đính- NXB Tài chính Hà nội - 1996

- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành mã số N08-2000 *“Xác định lộ*

*trình tiến tới thực hiện Hiệp định trị giá GATT/WTO và các giải pháp thực thi” do Cục Kiểm tra thu thuế xuất nhập khẩu thuộc Tổng cục Hải quan thực hiện năm 2000.*

- Sách “*Cộng đồng doanh nghiệp – cơ quan Hải quan và Hiệp định trị giá GATT/WTO*” do Tổng cục hải quan biên soạn tháng 5-2001

- Giáo trình “*Thuế và trị giá hải quan*” do Trường Hải quan Việt Nam biên soạn năm 2016.

- Sách “*Sổ tay kiểm tra trị giá hải quan của Tổ chức Hải quan thế giới WCO*” do Trường Hải quan Việt Nam thuộc Tổng cục Hải quan biên soạn tháng 4-2017.

- *Sổ tay Hiện đại hoá hải quan* do Ngân hàng Thế giới xuất bản (bản dịch năm 2017).

- Tài liệu “*Cải các thủ tục xuất nhập khẩu hướng dẫn cho đối tượng thực thi*” do Cab Doanh nghiệp vừa và nhỏ - Ngân hàng Thế giới xuất bản tháng 9/2018.

- Hiệp định trị giá GATT/WTO (GATT) bản tiếng Anh và tiếng Việt gồm:

- Các văn bản Luật Hải quan năm 2014; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Quản lý thuế; Luật Kế toán và các chuẩn mực kế toán hiện hành; Luật Ngân hàng, Luật Đầu tư,... nghiên cứu những điều qui định liên quan đến xác định trị giá tính thuế

- Các Nghị định của Chính phủ qui định chi tiết thi hành các Luật nêu trên và các thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành hữu quan, đặt biệt là các qui định riêng trong lĩnh vực kiểm tra, xác định trị giá tính thuế.

- Các văn bản của ngành Hải quan về qui trình nghiệp vụ, tổ chức hệ thống kiểm tra và xác định trị giá hải quan, về tờ khai trị giá, về thu thập, cập nhật khai thác thông tin dữ liệu giá tính thuế,... từ cơ quan Hải quan trung ương đến Cục Hải quan, Chi cục Hải quan địa phương.

(Phụ lục 8: Danh mục các văn bản Luật và các văn bản khác về xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3).

Các công trình nghiên cứu trên hầu hết mới chỉ đề cập đến các khía cạnh về kỹ thuật cũng như giới thiệu các phương pháp mang tính chất chung nhất, chưa có công trình nào đi sâu đánh giá thực trạng việc xác định trị giá tính thuế hiện nay để từ đó đưa ra những giải pháp hữu hiệu nhằm hoàn thiện cơ chế xác định trị giá tính thuế hiện nay cho phù hợp với thực tiễn Việt Nam hiện nay và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### ***3.1. Mục đích***

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận, phân tích thực trạng quá trình kiểm tra, xác định trị giá tính thuế, đề xuất giải pháp hoàn thiện cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu phù hợp với thực tiễn đất nước và quốc tế.

#### ***3.2. Nhiệm vụ***

+ Phân tích những đặc điểm, bất cập về cơ chế xác định trị giá tính thuế theo bảng giá tối thiểu trước thời điểm chính thức áp dụng hiệp định trị giá GATT/WTO (trước năm 2004).

+ Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về trị giá tính thuế theo các phương pháp của GATT/WTO và cơ chế xác định giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu theo Luật pháp Việt Nam hiện nay.

+ Đánh giá đúng thực trạng cơ chế xác định giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu hiện hành ở Việt Nam, chỉ ra những bất cập, hạn chế của công tác xác định giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu hiện hành.

+ Đề xuất giải pháp tiếp tục hoàn thiện cơ chế và nâng cao hiệu quả thực thi trong việc kiểm tra, xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu theo xu hướng hội nhập quốc tế.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### ***4.1. Đối tượng nghiên cứu***

Đối tượng nghiên cứu của đề tài: Cơ chế xác định trị giá tính thuế đối với hàng hoá nhập khẩu tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 hiện nay.

#### ***4.2. Phạm vi nghiên cứu***

Luận văn nghiên cứu trong phạm vi các vấn đề về cơ chế chính sách

kiểm tra, xác định trị giá (các phương pháp xác định, phương thức khai báo, qui trình thủ tục kiểm tra, xác định trị giá); cơ chế phối hợp giữa cơ quan hải quan và các cơ quan hữu quan trong việc xác định, kiểm tra giá; những điều kiện, cơ sở để thực hiện cơ chế xác định trị giá; biện pháp thanh tra, kiểm tra trị giá, xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp về trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu từ 2004 đến nay.

## **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Việc nghiên cứu đề tài dựa trên phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lê Nin, tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh, các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về những vấn đề liên quan đến xác định trị giá tính thuế.

Trên cơ sở đó, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu như: Tổng hợp, phân tích, so sánh, tích hợp số liệu kết hợp nghiên cứu lý luận với khảo sát thực tiễn; phương pháp xã hội học, điều tra, tiếp cận hệ thống.

## **6. Đóng góp mới của đề tài**

- Hệ thống hoá, phân tích, so sánh các cơ chế, chính sách liên quan đến xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu. Phân tích những cơ chế do ngành Hải quan ban hành, chính sách do Chính phủ và các ngành hữu quan ban hành mà Ngành hải quan phải thực hiện, qua đó đánh giá những thuận lợi, khó khăn của từng loại cơ chế, chính sách đối với hoạt động xác định trị giá hàng hoá nhập khẩu hiện nay.

- Đánh giá thực trạng hoạt động xác định giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu hiện nay trên cơ sở khảo sát, điều tra, thu thập, phân tích các dữ liệu giá tính thuế tại ngành Hải quan.

- Phân tích những khó khăn, thuận lợi và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện qui trình xác định trị giá tính thuế hiện nay về cơ chế chính sách, về điều kiện trang thiết bị làm việc và con người thực hiện, về quan hệ phối hợp trong và ngoài ngành, về nhận thức và tình hình chấp pháp của người nhập khẩu, doanh nghiệp.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận văn được kết cấu thành 3 chương, 7 tiết.



# Chương 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

### 1.1. KHÁI QUÁT VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CÁC CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

#### 1.1.1. Khái quát về trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu

##### 1.1.1.1. Khái niệm trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu

- *Trị giá hải quan (Custom Value)*

Theo quản lý hải quan hiện đại: “Trị giá hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu là phần số liệu về trị giá của hàng hoá được đưa ra hoặc đưa vào lãnh thổ hải quan do cơ quan hải quan quản lý và sử dụng phục vụ cho các mục tiêu quản lý Nhà nước về hải quan” [50, tr.92].

Theo điều 15 Hiệp định trị giá GATT/WTO: “Trị giá hải quan của hàng nhập khẩu là trị giá hàng hoá phục vụ cho đánh thuế theo trị giá hàng đối với hàng nhập khẩu” [36, tr.4]; [40, tr.156].

- *Trị giá tính thuế (Duty Value)*

+ Quan niệm giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu theo Hiệp định trị giá GATT/WTO: “Trị giá tính thuế là trị giá hải quan nhằm mục đích tính thuế. Xác định trị giá hải quan là xác định trị giá làm cơ sở tính thuế” [23, tr.300].

+ Khái niệm theo luật pháp Việt Nam: Điều 8 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016 quy định “Trị giá tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu là trị giá hải quan theo quy định của Luật hải quan”. Điều 4 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014 quy định “*Trị giá hải quan* là trị giá của hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ cho mục đích tính thuế, thông kê hải quan” [8, tr.1].

Như vậy, từ các khái niệm trên, thừa nhận một quan điểm chung đó là: “*Trị giá tính thuế đối với hàng hoá nhập khẩu là trị giá hải quan của hàng hoá nhập khẩu đó phục vụ mục đích tính thuế*”. Trên thực tế, tùy theo từng phạm vi và mục đích nghiên cứu, có tài liệu, văn bản (hầu hết là tài liệu nước

ngoài) sử dụng cụm từ “Trị giá hải quan”; có tài liệu, văn bản (chủ yếu các tài liệu trong nước) sử dụng cụm từ “trị giá tính thuế” nhưng phân tích dưới góc độ nhằm mục đích tính thuế thì 2 khái niệm này đồng nhất với nhau. Trong luận văn này, xin sử dụng chung một khái niệm là “*trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu*”

#### **1.1.1.2. Đặc điểm và vai trò của trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu**

- *Đặc điểm của trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu*

- Đặc điểm chung: Nhằm mục đích tính thuế (thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thu chênh lệch giá)

- Đặc điểm riêng: Với mỗi khái niệm kéo theo những đặc điểm khác nhau, chẳng hạn trị giá tính thuế theo khái niệm Việt Nam còn nhằm mục đích thống kê kim ngạch xuất nhập khẩu. Phương pháp xác định cũng khác nhau tùy theo chính sách xác định giá tính thuế từng giai đoạn.

- *Vai trò của trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu*

Trị giá tính thuế thể hiện vai trò cơ bản là:

- Trị giá tính thuế phục vụ mục tiêu quản lý và xây dựng chính sách xuất nhập khẩu hàng hoá trong nền kinh tế. Trị giá tính thuế còn cho biết tổng trị giá hàng hoá đã được thực xuất khẩu hay nhập khẩu qua từng thời kỳ. Đây chính là số liệu quan trọng để xây dựng bảng cân đối kim ngạch XNK của nền kinh tế, từ đó giúp cơ quan quản lý có thể biết được trong kỳ đó, thời điểm đó, giai đoạn đó nền kinh tế có đạt được sự cân bằng về cán cân thương mại hay không, có hiện tượng nhập siêu hay xuất siêu không để có chính sách điều chỉnh (về hạn ngạch hoặc về thuế) và quản lý kịp thời.

- Trị giá tính thuế là cơ sở để thực thi các chính sách quản lý hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu. Trong một số trường hợp, để bảo hộ nền sản xuất trong nước và điều chỉnh các chính sách đối ngoại song phương, các quốc gia thường sử dụng công cụ hạn ngạch (quota) như một hàng rào phi thuế quan. Trị giá tính thuế sẽ là cơ sở số liệu để cơ quan quản lý thương mại đánh giá hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đạt hay vượt hạn ngạch qui định, từ

đó có biện pháp điều chỉnh về chính sách thương mại hay chính sách thuế (thuế hạn ngạch).

- Trị giá tính thuế tham gia thực hiện nhiệm vụ thống kê nền kinh tế
- Trị giá tính thuế là cơ sở quan trọng cho việc tính toán, xác định thuế đánh vào hàng hoá xuất nhập khẩu. Đây là vai trò cơ bản của trị giá tính thuế. Với vai trò này trị giá tính thuế đồng nghĩa với trị giá hải quan.

### ***1.1.1.3. Ý nghĩa của trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu***

- Trước hết, trị giá tính thuế góp phần hình thành đúng giá cả hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu. Với một cơ chế tính thuế nhất định, xác định đúng trị giá tính thuế sẽ góp phần bình ổn giá cả thị trường hàng hoá xuất nhập khẩu.

- Trị giá tính thuế là yếu tố cơ bản cấu thành hệ thống thuế quan của một quốc gia, là căn cứ để xác định các loại thuế nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng, chênh lệch giá hàng nhập khẩu. Bởi vậy xét về mặt tài chính, trị giá tính thuế hàng nhập khẩu là cơ sở để tập trung nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, nhằm đẩy mạnh xuất khẩu, phát triển sản xuất trong nước đều có chính sách khuyến khích xuất khẩu, vì vậy thuế đối với hàng hoá xuất khẩu thường có mức thuế suất là 0%. Nguồn thu thuế quan chủ yếu từ hàng hoá nhập khẩu.

- Xác định đúng về trị giá tính thuế sẽ góp phần chống thất thu cho ngân sách Nhà nước, bảo hộ sản xuất trong nước phát triển, tạo sự minh bạch, bình đẳng trong cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thị trường, kích thích phát triển giao lưu thương mại quốc tế.

- Xác định đúng về trị giá còn góp phần xác định đúng về kim ngạch nhập khẩu, làm căn cứ số liệu để Chính phủ điều hành và quản lý hoạt động xuất nhập khẩu của mỗi quốc gia.

Chính vì những ý nghĩa trên, một số nhà nghiên cứu về trị giá hải quan đã nói một cách hình ảnh rằng: “Các phương pháp xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu là những khuôn mẫu hợp lý đúc nên những tấm bê tông tiêu chuẩn. Khi “trời yên bể lặng” nó là nhịp cầu nối cho các mối quan hệ

thương mại giữa các nước, nhưng khi “gió bão, nó dựng thành hàng rào thuế quan nghiệt ngã hay những pháo đài kiên cố trong cuộc chiến tranh thương mại vắng tiếng súng nhưng không kém phần khốc liệt” [36, tr.17].

### **1.1.2. Nội dung chủ yếu các cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu theo Hiệp định trị giá GATT/WTO (GATT)**

#### ***1.1.2.1. Tổng quan quá trình hình thành các hệ thống xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu trên thế giới***

Cùng với sự ra đời và phát triển của Nhà nước, thuế ra đời như là một công cụ tất yếu đảm bảo các nhu cầu chi tiêu của Nhà nước. Hơn thế nữa, thuế còn đảm đương những chức năng khác như điều tiết tiêu dùng, bảo hộ sản xuất,... Lịch sử loài người đã ghi nhận hai cách tính thuế cơ bản mà đến nay còn được áp dụng, đó là:

- Đánh thuế cụ thể (hay thuế tuyệt đối) tức là đánh theo lượng hàng hoá mà không tính đến trị giá của hàng hoá như việc đánh thuế hiện nay của một số nước chậm phát triển (Lào, các nước Nam phi), như việc đánh thuế đối với xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu vào Việt Nam hiện nay.

Thuế NK phải nộp = SL HHNK x Mức thuế tuyệt đối trên 1 đơn vị HHNK

- Thuế Tồng giá tức là thuế đánh theo trị giá hàng hoá và một tỷ lệ phần trăm nhất định.

Thuế NK phải nộp = SL HHNK x GTT x TS (%)

Một số quốc gia trên thế giới như Mỹ, Úc, Hàn quốc, Trung quốc, Nhật Bản, Việt Nam... áp dụng đồng thời cả hai hình thức trên để tính thuế nhập khẩu gọi là hình thức đánh thuế hỗn hợp (Combine Duty). Tuy nhiên, việc đánh thuế tuyệt đối chủ yếu áp dụng đối với một số mặt hàng cá biệt cần hạn chế nhập khẩu mà không thể kiểm soát được bởi chính sách phi thuế quan mà phải sử dụng chính sách thuế tuyệt đối để hạn chế hoặc việc kiểm soát về trị giá thực tế giao dịch rất khó khăn như việc đánh thuế xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu vào Việt Nam.

Đến nay, người ta cũng chưa xác định được chính xác thời điểm mà

thuế ra đời nhưng phần lớn các luận điểm cho rằng thuế quan ra đời trước công nguyên. Với bề dày lịch sử như vậy, nhưng thuế quan chỉ thực sự phát triển ở phạm vi quốc tế khi nhu cầu về giao lưu thương mại toàn cầu tăng lên với tốc độ lớn nhất là sau thế chiến thứ 2. Song cùng với sự hình thành và phát triển về thuế, trị giá hải quan cùng các yếu tố cơ bản khác như biểu thuế, xuất xứ hàng hoá đã trở thành hệ thống trong các nội dung thoả thuận về thuế quan và thương mại.

#### ***1.1.2.2. Các cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu của các quốc gia trên thế giới hiện nay***

- *Quan niệm về cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu*

Từ quan niệm trị giá tính thuế và từ thực tế tính thuế hàng nhập khẩu của các nước qua các thời kỳ, có thể khái quát về mặt lý thuyết quan niệm ***cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu*** như sau:

*Đó là hệ thống các quy định pháp lý, kỹ thuật, phương pháp, biện pháp, các công cụ liên quan với nhau trong việc xác định đúng đắn, trung thực, khách quan trị giá hàng hóa làm cơ sở để tính thuế hàng hóa nhập khẩu.*

Trong luận văn cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu được hiểu theo quan niệm trên đây.

Thực tế trên thế giới hiện nay vẫn song song tồn tại 3 cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu, đó là:

*Thứ nhất, cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu theo Định nghĩa Brussels BDV (Brussels Definition of Value)*

- *Về cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu theo BDV*

Định nghĩa Brussels đã chọn khái niệm về mặt lý thuyết để làm cơ sở xây dựng nguyên tắc xác định trị giá. Theo BDV thì trị giá hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu là "giá thông thường", tức là giá đó phù hợp với hàng hoá tại thời điểm nhập khẩu mà hải quan thực hiện việc thu thuế đối với việc mua, bán hàng hoá được thực hiện trong điều kiện cạnh tranh lành mạnh, hoàn hảo giữa người mua và người bán độc lập và bình đẳng với nhau, giá cả hàng hoá

hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi các điều kiện, các mối quan hệ giữa người bán và người mua.

- *Về ưu, nhược điểm của cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu theo BDV*

Xuất phát từ nội dung trên, cơ chế các định giá tính thuế theo BDV có những ưu, nhược điểm sau:

- *Ưu điểm*

+ Ưu điểm lớn nhất của BDV là có được một định nghĩa chung về trị giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu. Sự diễn đạt mạch lạc của văn bản Định nghĩa cho phép giải quyết được nhiều vấn đề. Hơn nữa ở đây luôn luôn tồn tại một trị giá tính thuế ngay cả khi không có giá nhập khẩu khai báo.

+ BDV đáp ứng được điều trăn trở về sự công minh mà điều này là một nguyên tắc cơ bản cho tất cả mọi dịch vụ công cộng. Bằng sự khách quan của mình BDV đã đặt tất cả các nhà nhập khẩu trên cùng một sự công bằng, tất cả những người phải nộp thuế đều bình đẳng trước các khoản thuế. Nó bảo hộ nhà nhập khẩu nghiêm chỉnh chống lại việc cạnh tranh hỗn độn và vì vậy tránh được những lắt léo trong buôn bán, có hại cho nền kinh tế của đất nước.

+ BDV không đòi hỏi việc tìm kiếm sâu sắc đối với những vụ việc cụ thể trong một giao dịch, nó chỉ cần biết đến giá cạnh tranh lành mạnh của các hàng hoá. Nếu cơ quan Hải quan cho rằng giá đã thanh toán không tương ứng với giá cạnh tranh lành mạnh thì cơ quan Hải quan có thể từ chối giá này. Vì vậy, cơ quan Hải quan luôn đứng trên thế mạnh.

- *Nhược điểm*

+ BDV đưa ra một định nghĩa còn đơn giản và trao một quyền lực rất lớn tùy ý quyết định cho cơ quan Hải quan. Các điều chỉnh phụ thuộc vào việc đánh giá của công chức Hải quan. Kết quả là đã tạo ra một số đánh giá mang tính chủ quan, thiếu bình đẳng, chính xác,... và là nhân tố không chắc chắn, không thuận tiện cho giao lưu thương mại thế giới.

+ BDV thiếu tính đồng bộ trong việc áp dụng. Thiếu sót này rất nhạy cảm trong các trường hợp mà không thể chấp nhận được trị giá giao dịch, nhất là đối với các giao dịch giữa các hãng có mối quan hệ đặc biệt và giao dịch giữa các hãng này ngày càng tăng lên trong giai đoạn hiện nay.

+ BDV được đưa ra từ những năm 1950, thời kỳ mà đa số các giao dịch thương mại đều tôn trọng các điều kiện cạnh tranh lành mạnh. Ngày nay, người ta nhận thấy rằng ngày càng có nhiều các giao dịch giữa các hãng có liên quan, có mối quan hệ đặc biệt với nhau. Do vậy, quy định của BDV trở thành cá biệt, lỗi thời, không thể chấp nhận được trong thế giới hiện đại ngày nay.

+ BDV không bao giờ đạt được sự nhất trí bền vững trên phạm vi thế giới. Các đối tác thương mại quan trọng như: Mỹ, Canada, New Zealand, Úc đã không tham gia vào áp dụng Định nghĩa này.

+ Sau cùng hệ thống này do đơn thuần mang tính lý thuyết nên có nguy cơ sẽ mất cả các mối liên hệ với các thực tế thương mại và ngày càng tăng thêm các nguy cơ bị cô lập.

*Thứ hai, cơ chế xác định giá tính thuế hàng nhập khẩu theo Hiệp định trị giá GATT/WTO GATT (Agreement Customs Value)*

GATT liên quan đến việc thực hiện Điều 7 của GATT được thông qua và có hiệu lực thực hiện từ ngày 01/01/1981. Mục đích và nguyên tắc cơ bản của GATT là xây dựng được các phương pháp xác định trị giá hải quan, thiết lập được một hệ thống xác định trị giá Hải quan tích cực, thống nhất, công minh và trung hoà đối với hàng hoá đồng thời tuân thủ điều kiện thực tế về quan hệ thương mại quốc tế nhằm loại bỏ việc xác định trị giá hải quan một cách tùy tiện hoặc giả tạo.

- *Về cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu theo GATT*

Nội dung chính của cơ chế xác định giá theo Hiệp định trị giá GATT/WTO là làm sao xác định trị giá hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu một cách chính xác đối với bản thân hàng hoá đó nhằm ngăn chặn xu hướng xử lý hàng hoá nhập khẩu một cách không công bằng và bảo vệ nền công

nghiệp trong nước nhưng đã biến trị giá hải quan thành hàng rào phi thuế quan trong quan hệ thương mại quốc tế.

Xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu theo GATT phải tuân thủ 03 nguyên tắc cơ bản sau đây:

*Một là*, trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu phải căn cứ vào trị giá thực của hàng hoá nhập khẩu, đó là trị giá dùng làm căn cứ tính thuế nhập khẩu. Trị giá này không được căn cứ vào giá trị của hàng hoá được sản xuất tại nước nhập khẩu hoặc trị giá hư cấu, áp đặt.

*Hai là*, trị giá này phải là giá cả được pháp luật của nước nhập khẩu xác định tại một thời điểm nhất định đối với hàng hoá đó hoặc hàng hoá giống hệt hoặc hàng hoá tương tự bán trong quá trình kinh doanh bình thường với các điều kiện cạnh tranh không hạn chế.

*Ba là*, nếu trị giá không xác định được theo nguyên tắc trên thì trị giá tính thuế sẽ được tính trên cơ sở trị giá tương đương gần nhất với trị giá mặt hàng mà người ta có thể xác định được.

Theo GATT, trị giá thực được hiểu là trị giá ghi trong hoá đơn thương mại (Commercial invoice) cộng thêm các khoản chi phí hợp lý chưa được tính vào trị giá, những khoản chi phí này là các bộ phận cấu thành của trị giá thực.

GATT đưa ra 06 phương pháp khác nhau theo thứ tự cho việc xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu và qui định trị giá tính thuế của hàng hoá nhập khẩu phải được xác định ở mức độ nhiều nhất có thể dựa trên trị giá giao dịch tức là giá đã hay sẽ phải thanh toán cộng thêm một số điều chỉnh. Khi không thể sử dụng được trị giá giao dịch do không có trị giá giao dịch hoặc mức giá giao dịch đã bị ảnh hưởng bởi một số điều kiện hạn chế nhất định, khi đó GATT cung cấp thêm 5 phương pháp khác áp dụng theo một trật tự nhất định. Như vậy tổng thể có 6 phương pháp đó là: [23, tr.305-306].

1. Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu (The Transaction Value).

2. Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu giống hệt (The Transaction value of Identical Goods).



3. Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu tương tự (The Transaction value of Similar Goods)
4. Phương pháp trị giá khấu trừ (The Deductive value Method)
5. Phương pháp trị giá tính toán (The Computed value Methode)
6. Phương pháp trị giá suy luận (The Fallback Method).

Như vậy khi xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu, cơ quan Hải quan phải áp dụng tuần tự từ phương pháp 1 đến phương pháp 6 và dừng ngay tại phương pháp xác định được trị giá tính thuế. Nguyên tắc này chỉ ngoại lệ đối với phương pháp thứ 4 (Phương pháp khấu trừ) và phương pháp thứ 5 (Phương pháp tính toán) và chỉ hai phương pháp này mới có thể đảo lộn thứ tự cho nhau.

- *Đánh giá ưu, nhược điểm của cơ chế xác định giá tính hàng nhập khẩu theo GATT*

- + *Ưu điểm của GATT: GATT là phương pháp xác định trị giá tính thuế hiện đại mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, đó là:*

- Trước hết trị giá tính thuế được xác định theo trị giá giao dịch của hàng nhập khẩu trong chừng mực lớn nhất hoặc được xác định theo trị giá gần gũi nhất với trị giá thực tế mua bán của hàng hoá. Hầu hết các vướng mắc về trị giá giao dịch sẽ được kiểm tra lại sau khi hàng hoá đã được thông quan. Doanh nghiệp chỉ phải nộp một khoản thuế đúng với trị giá thực thanh toán của hàng hoá nhập khẩu mà không phải chịu số thuế được tính toán trên cơ sở giá tính thuế áp đặt (chẳng hạn giá tối thiểu).

- GATT mang lại và góp phần nâng cao tính tích cực, chủ động trong kinh doanh của doanh nghiệp.

- GATT là một cơ chế xác định trị giá tính thuế ổn định, qui trình thủ tục xác định giá đơn giản, hàng hoá được giải phóng nhanh, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp bán hàng và thu hồi vốn.

- Doanh nghiệp được quyền tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình trước những quyết định về trị giá tính thuế của cơ quan hải quan mà họ cho là không đúng, bao gồm: quyền được biết các phương pháp đã sử dụng để xác

định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu; quyền yêu cầu được giải phóng hàng nếu bị trì hoãn xác định trị giá tính thuế; quyền được đảm bảo về bí mật thương mại; quyền được khiếu nại, khiếu kiện nếu chưa đồng ý với quyết định của cơ quan hải quan.

*\* GATT mang lại thuận tiện cho doanh nghiệp và cơ quan hải quan trên nguyên tắc khách quan, bình đẳng, minh bạch và chính xác*

Điều này thể hiện ở:

- GATT dễ thực hiện nếu có một trị giá thực tế đã thanh toán và sẽ phải thanh toán có thể chấp nhận được và đó là trường hợp phổ biến, áp dụng xác định trị giá tính thuế trong đa số hàng nhập khẩu.

- Các quy tắc và phương pháp xác định trị giá giản đơn và chặt chẽ đã làm giảm các tranh chấp giữa các nhà nhập khẩu và cơ quan Hải quan, nhờ đó làm giảm áp lực và gánh nặng công việc đối với cơ quan Hải quan.

- Các điều chỉnh về trị giá theo GATT rất ít khi xảy ra và được dựa trên các nhân tố khách quan, đáng tin cậy. Tính khả thi này đã cho phép làm giảm những suy luận thiếu căn cứ và đảm bảo sự an toàn và tính thống nhất trong việc áp dụng. Với sự an toàn của hệ thống đã đảm bảo được sự ổn định của nó. Tính chất này đặc biệt được các đối tác thương mại đánh giá cao và cho phép họ xác định trước cơ sở tính thuế các hàng hoá của họ mà không sợ những điều chỉnh thiếu căn cứ, mang tính áp đặt của cơ quan Hải quan.

*\* GATT là cầu nối và là nghĩa vụ bắt buộc khi tham gia giao lưu thương mại và hợp tác quốc tế*

- GATT là một hệ thống xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu thống nhất được áp dụng cho đa số các quốc gia toàn cầu hiện nay, tuy ở mỗi quốc gia, tùy theo điều kiện của mình có thể áp dụng từng phần hay toàn bộ Hiệp định.

- GATT theo sát với các thực tế thương mại, nó tạo ra cho cơ quan Hải quan và doanh nghiệp một công cụ hoàn thiện được đưa vào giao lưu kinh tế, thương mại quốc gia và quốc tế.

*+ Nhược điểm và hạn chế của GATT*

Tuy nhiên để thực thi GATT đòi hỏi một khuôn khổ pháp lý đồng bộ cả về cơ chế kiểm tra tư pháp, về thủ tục hành chính, cả về cơ cấu tổ chức, đào tạo và mức độ hiện đại hoá cơ sở vật chất, kỹ thuật trong quản lý hải quan, bởi vậy rất khó khăn cho các nước thời gian đầu áp dụng, nhất là các nước đang phát triển và kém phát triển, cụ thể là:

- Việc thiếu một định nghĩa lý thuyết đòi hỏi phải đặt ra một cơ sở pháp lý khá phức tạp để giải quyết các tình huống như trường hợp không có giá cho hàng hoá nhập khẩu hoặc khi giá đó không thể chấp nhận được.

- Áp dụng GATT trong một số trường hợp có thể đưa ra nhiều kết quả khác nhau. Mặc dù, Hiệp định cũng có đưa ra quy tắc xử lý trong trường hợp này là kết quả có trị giá thấp nhất sẽ được chọn làm trị giá tính thuế tuy phù hợp với thực tế nhưng có thể gây "sốc" cho Hải quan một số nước áp dụng BDV hoặc bảng giá tối thiểu trong thời gian đầu áp dụng GATT.

*Thứ ba, cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu theo hệ thống riêng của quốc gia*

• *Về cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu theo hệ thống riêng của quốc gia*

Đối với các quốc gia chưa áp dụng BDV và GATT, việc xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu phổ biến và chủ yếu là hệ thống xác định giá tính thuế dựa trên các bảng giá tối thiểu do nhà nước quy định.

\* Bảng giá tối thiểu: Cơ chế này thường quy định các mức giá tối thiểu cho từng loại hàng hoá cụ thể làm căn cứ so sánh với giá hợp đồng để xác định giá tính thuế. Những trường hợp hàng nhập khẩu nhưng chưa có giá tối thiểu (gọi là hàng mới phát sinh) thì giao cho các Cục hải quan địa phương xây dựng bổ sung để tính thuế.

\* Các yếu tố liên quan khác: Phương pháp xác định giá tính thuế dựa trên bảng giá tối thiểu chưa đề cập cũng như chưa thể hiện được sự tác động của yếu tố số lượng, yếu tố cấp độ thương mại, yếu tố bảo hành và chiết khấu.

• *Những ưu, nhược điểm của cơ chế xác định trị giá tính thuế theo hệ thống riêng của quốc gia*

+ Ưu điểm

- Đảm bảo cho ngân sách nhà nước có một nguồn thu ổn định;
- Xác định trị giá đơn giản, dễ áp dụng, giảm rủi ro cho cán bộ hải quan;
- Góp phần chống gian lận thương mại qua giá trong điều kiện quốc gia có nền kinh tế đang phát triển. Hệ thống bảng giá tối thiểu được coi là một trong những công cụ hữu hiệu góp phần chống gian lận giá. Bảng giá tối thiểu như là một "tấm lưới bảo hiểm", không cho phép giá khai báo của doanh nghiệp rơi xuống quá thấp, ảnh hưởng đến số thu ngân sách.

+ Nhược điểm

*Thứ nhất, hệ thống xác định giá tính thuế dựa trên bảng giá tối thiểu mang tính áp đặt chủ quan của cơ quan quản lý*

Xác định trị giá tính thuế cho hàng hoá nhập khẩu, cơ quan Hải quan phải căn cứ trước hết vào Bảng giá tối thiểu đã quy định, so sánh giá tối thiểu với giá khai báo của doanh nghiệp để ra quyết định cuối cùng về giá tính thuế. Doanh nghiệp không có quyền nộp thuế theo đúng giá trị của hàng hoá mà phải nộp thuế theo mức giá do cơ quan quản lý quyết định.

*Thứ hai, các mức giá được quy định cứng nhắc, không phù hợp với tính nhạy cảm của giá cả thị trường*

Giá cả là một yếu tố hết sức nhạy cảm, có thể biến động rất nhiều qua thời gian, không gian và tùy thuộc vào số lượng, cấp độ mua bán hàng hoá. Trong khi đó, các mức giá tối thiểu quy định trong các Bảng giá do cơ quan quản lý xây dựng lại dựa trên "giá CIF trung bình tại các cửa khẩu" hay "giá nhập khẩu thực tế thấp nhất" hoặc là "mức giá nhập khẩu phổ biến" mà các mức giá này chỉ đúng ngay tại thời điểm xác định ra nó.

*Thứ ba, cơ chế này không tôn trọng nỗ lực đàm phán giá cả của người nhập khẩu*

Trong điều kiện giao lưu thương mại trên thị trường quốc tế, để đáp ứng yêu cầu kinh doanh có hiệu quả, người kinh doanh không thể thờ ơ với việc ra sức đàm phán với đối tác nhằm đạt đến mức giá mua bán có lợi nhất. Vì vậy,

không lấy gì làm lạ khi người nhập khẩu này có thể mua hàng với mức giá rất thấp so với người nhập khẩu kia.

*Thứ tư, cơ chế xác định trị giá tính thuế dựa trên Bảng giá tối thiểu còn nhiều hạn chế*

Đó là: Không phát huy hết khả năng ngăn chặn và hạn chế gian lận thương mại qua giá; tạo nên một môi trường cạnh tranh không lành mạnh; nhà nước vẫn bị thất thu thuế.

Cơ chế xây dựng và cập nhật bảng giá tối thiểu phải qua nhiều cấp, mất nhiều thời gian khảo sát nên các mức giá tối thiểu quy định thường "lạc hậu" rất nhanh so với thị trường, thường là thấp hơn rất nhiều so với giá thực thanh toán, bảng giá tối thiểu trở thành một thứ "cột mốc" để doanh nghiệp làm căn cứ cho khai báo của mình. Nếu nhập khẩu với giá cao hơn giá tối thiểu thì doanh nghiệp ngay lập tức sẽ tìm cách khai báo giá nhập khẩu bằng hoặc chênh lệch rất ít so với giá tối thiểu. Bảng giá tối thiểu trở thành "bình phong hợp pháp" cho gian lận thương mại.

*Thứ năm, cơ chế xác định giá tính thuế dựa trên Bảng giá tối thiểu không tạo thuận lợi cho giao lưu thương mại quốc tế phát triển*

Khi áp dụng cơ chế này, doanh nghiệp không thể chủ động xác định trị giá tính thuế, doanh nghiệp chỉ có thể tự mình xác định trị giá tính thuế theo đúng giá mua bán để nộp thuế. Chỉ khi nào cơ quan Hải quan xác định chính thức số thuế phải nộp thì doanh nghiệp mới biết số thuế mình phải nộp vào ngân sách nhà nước là bao nhiêu.

## **1.2. Kinh nghiệm của một số quốc gia trong khu vực, trên thế giới và khả năng áp dụng hiệp định trị giá GATT/WTO tại chi cục hqck cảng Hải Phòng KV3**

### **1.2.1. Kinh nghiệm của các quốc gia trong khu vực và thế giới trong quá trình áp dụng Hiệp định trị giá GATT/WTO**

Như ta đã trình bày ở trên, thế giới hiện nay vẫn song hành tồn tại 3 cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu:

+ Cơ chế xác định trị giá tính thuế theo Định nghĩa Brusselle (BDV):

Chủ yếu áp dụng với các nước đang phát triển và chưa gia nhập WTO;

+ Cơ chế xác định trị giá tính thuế theo Hiệp định trị giá GATT/WTO (GATT), áp dụng với tất cả các thành viên WTO và một số nước đang phát triển khác.

+ Cơ chế xác định trị giá tính thuế riêng theo quốc gia: Chủ yếu áp dụng đối với các nước kém phát triển, có nền thương mại quốc tế hạn hẹp.

### ***1.2.1.1. Đối với các nước công nghiệp phát triển***

Theo qui định của WTO thì tất cả các thành viên WTO (đầu tiên chủ yếu là các nước có nền công nghiệp phát triển) đều phải thực hiện toàn bộ các Hiệp định của WTO, trong đó có Hiệp định trị giá GATT/WTO (GATT). Tuy nhiên, tùy theo điều kiện của từng quốc gia mà có cam kết trì hoãn hay bảo lưu một số điều khoản nhất định, đặc biệt GATT có qui định về đối xử đặc biệt và đối xử khác biệt (STD).

Qua kinh nghiệm của các nước phát triển đã tham gia GATT từ GATT 1947 đến GATT 1994 nhất là từ thời gian thành lập WTO (1995) đến nay, các nước phát triển đã có các qui trình xác định trị giá tính thuế với hải quan hiện đại, hiệu quả cần đảm bảo đồng bộ và hoàn chỉnh gồm các yếu tố sau:

- Có tinh thần làm chủ từ cơ quan quản lý nhà nước đến mỗi công chức, doanh nhân trong quá trình thực hiện GATT;

- Các chính sách thương mại và thuế quan đầy đủ, rõ ràng, minh bạch và đồng bộ giữa chính sách nội thương và ngoại thương; giữa thuế xuất nhập khẩu và thuế nội địa và phù hợp với sự phát triển hiện đại quốc tế, trong giao dịch điện tử đang ngày càng chiếm ưu thế;

- Hệ thống chính sách tài chính và hệ thống chuẩn mực kế toán đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với thông lệ quốc tế;

- Cơ quan hải quan được hiện đại hoá, nhất là công nghệ thông tin và các trang thiết bị kiểm soát đặc biệt, có thể khai thác, trao đổi thông tin giữa các ngành liên quan trong công tác quản lý và trao đổi thông tin với các quốc gia trên thế giới;

- Đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm, trình độ và thường xuyên được đào tạo kiến thức mới;

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ đảm bảo đáp ứng yêu cầu trong việc cập nhật, lưu trữ và kết xuất dữ liệu giá;

- Luôn chủ động, thường xuyên rà soát, nắm bắt thông tin giá, xây dựng một cơ sở dữ liệu giá hoàn chỉnh;

- Hệ thống pháp luật với những chế tài xử lý nghiêm minh, ngăn ngừa kịp thời những hành vi gian lận trốn thuế;

- Mối quan hệ với các Ủy ban xác định trị giá, Ủy ban kỹ thuật xác định trị giá của WTO được giữ thường xuyên, hỗ trợ tích cực về kỹ thuật và cung cấp các thông tin cần thiết, thông tin mới trong việc xác định trị giá;

Với các kinh nghiệm trên, chỉ qua một thời gian nhất định tham gia GATT, nhiều nước đã tham gia đầy đủ và khẳng định tính tiên tiến hiện đại của hệ thống GATT đồng thời là nòng cốt trong việc phát triển và truyền bá hệ thống GATT đến các nước đang phát triển. Đến nay, hầu hết các nước phát triển, trên 50% các nước đang phát triển đã tham gia đầy đủ GATT, số còn lại xin trì hoãn và bảo lưu một số điều theo tiến trình 5 năm qui định.

#### ***1.2.1.2. Đối với các nước đang phát triển và chậm phát triển***

Với ưu thế tiên tiến, hiện đại của GATT và yêu cầu hội nhập, toàn cầu hoá trong giao lưu thương mại quốc tế, các nước đang phát triển và chậm phát triển đã từng bước tham gia áp dụng GATT trên nền tảng điều kiện kinh tế, luật pháp và chính trị của quốc gia mình. Đến nay, theo lộ trình cam kết, đã có trên 50% các nước đang phát triển thực hiện đầy đủ các điều khoản của GATT, một số khác bảo lưu một số điều hoặc xin trì hoãn thời gian thi hành một số qui định. Số các nước đang phát triển còn lại và các nước chậm phát triển đang chuẩn bị các điều kiện để chuyển dần từ cơ chế xác định trị giá theo BDV và cơ chế riêng quốc gia sang cơ chế xác định trị giá tính thuế theo GATT.

Theo đánh giá của Tổ chức Hải quan Thế giới WCO, thì việc thực hiện GATT ở nhiều nước đang phát triển đang phải đối mặt với một số khó khăn nhất định. Các khó khăn cơ bản, đó là: [23, tr.309-313]

*- Thiếu tinh thần làm chủ*

Điều đó thể hiện cả ở các quan chức, công chức nhà nước đến các doanh nhân trong quá trình thực hiện GATT. Bằng chứng thực nghiệm cho thấy người ta vẫn chưa tính đến đầy đủ hay thậm chí hầu như đã bỏ qua những quan ngại của các nước đang phát triển về việc áp dụng hệ thống xác định trị giá GATT.

*- Thất thu thuế*

Một quan ngại lớn của các nước đang phát triển là tình trạng thất thu thuế. Mức độ tuân thủ thấp của các doanh nghiệp nộp thuế và các bất cập trong quản lý hành chính hải quan gây ra nhiều khó khăn trong việc kiểm tra các trường hợp ghi giá hóa đơn thấp hơn trị giá thực. Một lo ngại nữa là các doanh nghiệp nhập khẩu ngày càng có động cơ lớn hơn trong việc thực hiện hành vi gian lận trốn thuế qua giá với những mặt hàng nhập khẩu có mức thuế suất cao. Cũng không dễ để xác định được các khoản thất thu thuế do giai đoạn đầu áp dụng GATT vì các nước đã chính thức gia nhập GATT đều áp dụng một số qui định khác biệt đáng kể so với những quy định trong GATT với mục đích bảo đảm thu ngân sách. Đó là mối lo ngại của các lãnh đạo hải quan đối với công tác đảm bảo thu ngân sách vì đây là một trong những trách nhiệm chính của cơ quan hải quan. Mức độ phụ thuộc nặng nề vào số thu hải quan chắc chắn sẽ có tác động đến những lo ngại rằng việc thực hiện GATT sẽ dẫn đến thất thu thuế đáng kể.

*- Thuế suất cao*

Trong bối cảnh các hiệp định khu vực và đa phương, thuế suất tại nhiều nước tuy đã được cắt giảm song mức thuế suất trung bình ở các nước đang phát triển vẫn cao hơn các nước công nghiệp phát triển. Dữ liệu năm 2001 cho thấy tại các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD),



mức thuế suất nhập khẩu trung bình là 1,1% trong khi mức thuế suất trung bình tại các nước không thuộc OECD là 11,8%. Ở các nước đang phát triển, thuế suất nhập khẩu trung bình dao động từ mức 7% đến 17%.

*- Môi trường Thương mại với độ tuân thủ pháp luật kém*

Khối lượng hàng nhập khẩu trong khu vực không chính thức (ngoài vòng kiểm soát của các cơ quan chức năng) chiếm một tỷ trọng lớn. Khu vực này sử dụng các hoá đơn không đáng tin cậy, không áp dụng các chuẩn kế toán và ghi chép sổ sách hoặc nếu có cũng là những chuẩn không đạt yêu cầu, không có địa chỉ kinh doanh cố định hoặc thường thay đổi tên doanh nghiệp. Trong những điều kiện như vậy, rất khó áp dụng kiểm soát định giá dựa trên kiểm tra sau thông quan.

*- Hạn chế về qui chuẩn hành chính*

Nhiều nước đang phát triển còn thiếu năng lực hành chính để áp dụng có hiệu quả GATT. Việc áp dụng các phương pháp thay thế trong GATT theo đúng trình tự nghiêm ngặt là rất phiền hà, tốn kém và mất thời gian. Nó đòi hỏi cần có thông tin cập nhật trị giá của hàng hoá tương tự và hàng hoá giống hệt cũng như các thông tin khác hoặc không sẵn có hoặc đã có nhưng cần phải tính toán phức tạp. Để áp dụng phương pháp trị giá tính toán phải tiến hành điều tra tại các nước xuất khẩu.

Những hạn chế chủ yếu mà các nước đang phát triển và chậm phát triển gặp phải bắt nguồn từ:

+ Thiếu dữ liệu trị giá và phương tiện thu thập, trao đổi thông tin nghèo nàn khiến cho cơ quan hải quan ít hoặc không được tiếp cận với thông tin về giá cũng như có ít phương tiện thẩm định lại trị giá khai báo;

+ Khó khăn lớn về hành chính như thiếu cán bộ có năng lực; trang thiết bị cho đào tạo không có hoặc nghèo nàn, mức lương công chức thấp hơn rất nhiều so với mức lương tại khu vực tư, thông thường mức lương công chức không đủ để đảm bảo cuộc sống cho cán bộ hải quan hay không đủ để lôi kéo các cán bộ giỏi;

+ Hiện đại hoá hải quan, đặc biệt là hệ thống tự động hoá còn hạn chế và được quản lý yếu kém chỉ dừng lại ở mục đích chủ yếu là thống kê. Các quy trình thông quan không được tự động hoá, có quá nhiều cung đoạn thủ công tạo ra kẽ hở lớn cho cán bộ hải quan ra các quyết định chủ quan, tùy tiện;

+ Cơ cấu tổ chức không phù hợp và quản lý yếu kém kéo theo tình trạng không có sẵn các sổ tay hoạt động, giám sát hệ thống yếu, không có hệ thống kiểm toán nội bộ hoặc nếu có thì rất yếu, hệ thống thông tin quản lý không đầy đủ cũng như thiếu các trang thiết bị thiết yếu;

+ Thủ tục kiểm tra, tham vấn xác định trị giá phức tạp, chẳng hạn như trong trường hợp có nghi ngờ sự bất hợp lý về trị giá khai báo, cơ quan hải quan phải yêu cầu doanh nghiệp nhập khẩu bằng văn bản tiếp tục giải trình và cung cấp chứng từ bổ sung để chứng minh cho trị giá khai báo, cho phép doanh nghiệp nhập khẩu phúc đáp và sau đó thông báo quyết định cuối cùng của mình bằng văn bản cho doanh nghiệp nhập khẩu.

*- Trao đổi thông tin dữ liệu giá giữa các thành viên GATT hạn chế*

Các nước thành viên phải hợp tác và giúp đỡ phù hợp với qui định pháp luật và thủ tục nước đó. Hơn nữa, các mối quan ngại ngày càng tăng của một số nước đang phát triển về tính chính xác của trị giá khai báo hàng nhập khẩu, Ủy ban định giá hải quan đã hướng tới tìm kiếm và tiếp cận các phương tiện thực tiễn để giải quyết các mối quan ngại đó, trong đó có trao đổi thông tin về giá xuất khẩu. Hiện các cơ quan liên quan của WTO đang tiếp tục đàm phán và nghiên cứu việc thực hiện quyết định này cùng đề xuất đã đệ trình.

### **1.2.2. Bài học kinh nghiệm vận dụng đối với Việt Nam trong quá trình thực hiện GATT**

Qua đánh giá những bước tiến đạt được của những quốc gia phát triển, những khó khăn và quan ngại phải đối mặt của những quốc gia đang phát triển và chậm phát triển đối với việc áp dụng GATT để xác định trị giá tính

thuế hàng nhập khẩu như đã trình bày ở trên, rút ra bài học vận dụng đối với Việt Nam trong quá trình áp dụng Hiệp định như sau:

*Một là*, khẳng định cơ chế xác định trị giá tính thuế theo các nguyên tắc của Hiệp định trị giá GATT/WTO là cơ chế xác định trị giá tiên tiến và hiện đại, thể hiện sự minh bạch, chính xác, khách quan, bình đẳng và ổn định trong việc xác định trị giá tính thuế đối với hàng hoá nhập khẩu. Điều này đã được minh chứng là hầu hết các nước phát triển đã áp dụng đầy đủ Hiệp định và ngày càng nhiều các nước đang áp dụng xác định trị giá tính thuế theo Định nghĩa Brusselle và phương pháp quốc gia chuyển dần sang cơ chế xác định trị giá tính thuế theo Hiệp định.

*Hai là*, xác định Việt Nam tham gia và áp dụng đầy đủ Hiệp định là yêu cầu tất yếu khách quan và bắt buộc khi chúng ta đã là thành viên chính thức của WTO. Qua đó tạo cầu nối để Việt Nam hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu, thúc đẩy nhanh tốc độ giao lưu thương mại quốc tế, cân bằng cán cân thương mại và thanh toán, thu hút đầu tư nước ngoài.

*Ba là*, khẳng định Việt Nam có đủ khả năng và tiền đề để tham gia và áp dụng đầy đủ Hiệp định như: Môi trường pháp lý; nguồn nhân lực; cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công nghệ thông tin; nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp; công tác đào tạo cán bộ làm công tác xác định giá tính thuế.

*Bốn là*, Việt Nam có điều kiện và cơ hội học tập, đúc kết, rút kinh nghiệm quá trình áp dụng cơ chế GATT tại các nước trong khu vực và thế giới, các nước phát triển, các nước đang phát triển có cùng điều kiện làm tiền đề, chúng ta có những biện pháp thực hiện Hiệp định có hiệu quả, rút ngắn thời gian bảo lưu thực hiện toàn phần Hiệp định.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU TẠI CHI CỤC HQCK CẢNG HẢI PHÒNG KV3**

#### **2.1. Khái quát quá trình hình thành cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu của Việt Nam**

##### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu của Việt Nam**

Ở nước ta, trước thời điểm áp dụng xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu theo Hiệp định trị giá GATT/WTO phân ra 3 giai đoạn sau đây:

*\* Giai đoạn 1 trước năm 2002: Cơ chế xác định giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu của Việt Nam trước khi thực hiện Luật hải quan*

- Việt Nam chưa tham gia các cơ chế xác định trị giá tính thuế hiện đại trên thế giới như: BDV, GATT,... Thời kỳ này, cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu dựa trên các bảng giá tối thiểu do Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan ban hành và các Quyết định bổ sung giá tính thuế do các Cục Hải quan địa phương ban hành. Cụ thể là:

+ Bộ tài chính ban hành Bảng giá tối thiểu đối với các nhóm mặt hàng thuộc danh mục Nhà nước quản lý về giá (khoảng 9-16 nhóm mặt hàng);

+ Tổng cục Hải quan ban hành Bảng giá tối thiểu đối với các mặt hàng không thuộc danh mục mặt hàng Nhà nước quản lý về giá;

+ Cục Hải quan địa phương ban hành giá tính thuế đối với những mặt hàng mới phát sinh và áp dụng trong phạm vi của Cục Hải quan địa phương đó.

*\* Giai đoạn 2: Cơ chế xác định giá tính thuế từ khi có Luật Hải quan (năm 2002) đến trước năm 2004 (hiệu lực của Thông tư 118/2003/TT-BTC)*

Sự ra đời của Luật hải quan tạo tiền đề để Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế, trở thành thành viên của WTO và việc áp dụng Hiệp định trị giá GATT/WTO trong xác định giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu là một tất yếu trong dòng chảy của tự do hoá thương mại toàn cầu.

Là giai đoạn quá độ từ cơ chế xác định giá tính thuế theo các bảng giá tối thiểu sang cơ chế xác định giá tính thuế phù hợp với tự do hoá thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế. Quá trình chuyển đổi được đánh dấu bằng Nghị

định số 60/2002/NĐ-CP ngày 06/06/2002 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2002, quy định việc xác định trị giá tính thuế đối với hàng hoá nhập khẩu theo nguyên tắc của Hiệp định thực hiện Điều VII Hiệp định chung về thuế quan và thương mại.

*\* Giai đoạn 3: Cơ chế xác định giá tính thuế thời kỳ từ năm 2004 (hiệu lực của Thông tư 118/2003/TT-BTC) đến nay*

Đánh dấu từ sự ra đời của Thông tư số 118/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 8/12/2003, có hiệu lực từ 01/01/2004 hướng dẫn thi hành Nghị định 60/2002/NĐ-CP ngày 6/6/2002 qui định xác định trị giá tính thuế theo các nguyên tắc của Hiệp định trị giá GATT/WTO. Cơ chế xác định giá tính thuế theo qui định này chia hàng hoá nhập khẩu cần xác định trị giá tính thuế thành hai nhóm:

### **2.1.2. Thực trạng cơ sở pháp lý của cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu theo GATT tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3**

- Điều 22 phần IV Hiệp định trị giá GATT/WTO qui định về “Luật pháp quốc gia” khi tham gia Hiệp định như sau: “kể từ ngày áp dụng các qui định của Hiệp định này tại nước mình, mỗi nước thành viên phải đảm bảo các văn bản pháp luật, các qui định cùng các thủ tục hành chính của nước mình phù hợp với các qui định của Hiệp định này” [40, tr.162].

Trên tinh thần Hiệp định, để tiếp cận, áp dụng có bảo lưu và tiến tới áp dụng đầy đủ Hiệp định, ngay từ khi cam kết tham gia, Việt Nam đã luật hoá các qui định của Hiệp định, đưa vào điều luật, văn bản luật các qui định về xác định trị giá theo các phương pháp của Hiệp định để áp dụng trong phạm vi quốc gia.

- Cơ sở pháp lý quốc gia hiện nay được thể hiện qua các văn bản qui phạm pháp luật sau:

+ Điều 8 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016 quy định “Trị giá tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu là trị giá hải

quan theo quy định của Luật hải quan” và qui định “Chính phủ qui định cụ thể việc xác định trị giá tính thuế theo qui định tại Điều này” [5, tr.11].

+ Điều 4 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014 quy định “*Trị giá hải quan* là trị giá của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ cho mục đích tính thuế, thống kê hải quan” [8, tr.1].

+ Khoản 2 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan “Trị giá hải quan hàng nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên trên cơ sở áp dụng Hiệp định chung về thuế quan và thương mại hoặc theo các cam kết quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết” [5, tr.25].

## **2.2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU TẠI CHI CỤC HQCK CẢNG HẢI PHÒNG KV3 HIỆN NAY**

### **2.2.1. Thực trạng cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3**

#### ***2.2.1.1. Nhóm cơ chế xác định trị giá tính thuế theo GATT***

Thực hiện xác định trị giá tính thuế tuân tự theo các phương pháp xác định trị giá hải quan của Hiệp định và được luật hoá tại Nghị định 08/2015/NĐ-CP và Thông tư 39/2015/TT-BTC. Theo đó, trị giá tính thuế của hàng hoá nhập khẩu được xác định theo 6 phương pháp, với một trình tự bắt buộc từ phương pháp 1 đến phương pháp 6, tức là trước hết ưu tiên áp dụng phương pháp 1 (trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu), nếu không áp dụng được phương pháp 1 thì chuyển áp dụng phương pháp 2... cứ như vậy đến phương pháp cuối cùng. Khi xác định được trị giá tính thuế ở phương pháp nào thì dừng ngay lại ở phương pháp đó. Tuy nhiên Hiệp định cũng qui định có thể hoán đổi phương pháp 4 (trị giá khấu trừ) và phương pháp 5 (trị giá

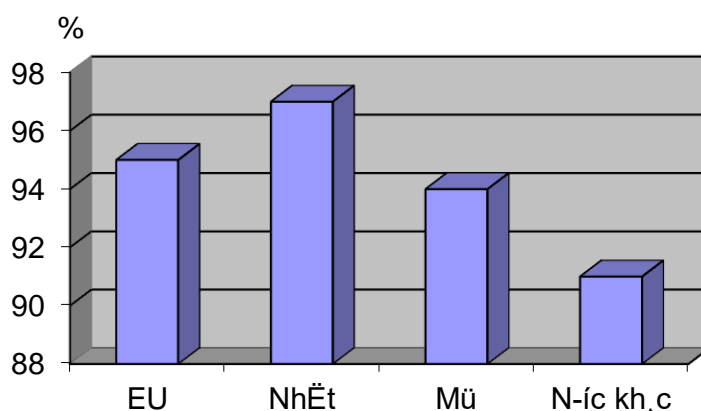
tính toán) cho nhau, nhưng việc hoán đổi chỉ thực hiện được khi doanh nghiệp yêu cầu và được cơ quan hải quan chấp nhận.

Các phương pháp xác định như sau:

*Một, phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu (The Transaction Value)*

Đây là phương pháp đầu tiên, quan trọng nhất, theo tổ chức Hải quan thế giới WCO thì có trên 90% tờ khai hàng hoá nhập khẩu tại các nước đã áp dụng đầy đủ GATT được xác định trị giá tính thuế theo phương pháp này (biểu đồ 2.1).

**Biểu đồ 2.1: Tỷ lệ sử dụng phương pháp trị giá giao dịch tại các nước phát triển**



*Nguồn: Tổ chức Hải quan thế giới (1998), - WCO/1998 [27, tr.54]*

- *Các khái niệm*

- Trị giá tính thuế của hàng hoá nhập khẩu trước hết phải trị giá giao dịch, đó là giá đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán của hàng hoá nhập khẩu đó khi được bán để xuất khẩu đến nước nhập khẩu sau khi đã được điều chỉnh theo qui định và các điều kiện. Trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá tính} \\ \text{thuế hàng} \\ \text{nhập khẩu} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá giao} \\ \text{dịch} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế đã} \\ \text{thanh toán hay sẽ} \\ \text{phải thanh toán} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản điều} \\ \text{chỉnh theo Điều 8} \end{array}$$

- “Trị giá giao dịch” là giá mà người mua thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán cho người bán để mua hàng hoá nhập khẩu, sau khi đã được điều chỉnh các chi phí theo quy định [8, tr.1].

- “Giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán” được xác định bằng tổng số tiền mà người mua đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán, trực tiếp hoặc gián tiếp cho người bán để mua hàng hoá nhập khẩu [8, tr.1].

- “Giao dịch bán hàng xuất khẩu” là giao dịch trong đó có sự chuyển nhượng quốc tế về quyền sở hữu hàng hoá, tức là quyền sở hữu hàng hoá được dịch chuyển từ nước xuất khẩu về Việt Nam, qua lãnh thổ hải quan của Việt Nam. Yếu tố quan trọng hàng đầu khi xem xét để áp dụng phương pháp này là bản chất của giao dịch đó có phải có sự chuyển nhượng quốc tế về quyền sở hữu hàng hoá. Những giao dịch sau không được coi là giao dịch bán hàng xuất khẩu, không xác định trị giá tính thuế theo phương pháp trị giá giao dịch, gồm: (i) giao dịch hàng đổi hàng; (ii) giao dịch gửi hàng để bán; (iii) giao dịch hàng quà tặng, quà biếu, hàng mẫu, hàng quảng cáo; (iv) giao dịch hàng hoá nhập khẩu của các đơn vị là văn phòng đại diện, chi nhánh không phải là pháp nhân độc lập; (v) giao dịch hàng hoá thuê mượn [8, tr.2].

- *Điều kiện để áp dụng trị giá giao dịch*

Trị giá giao dịch được áp dụng nếu thoả mãn đủ các điều kiện sau:

*Điều kiện thứ nhất:* Người mua không bị hạn chế quyền định đoạt hoặc sử dụng hàng hoá sau khi nhập khẩu, trừ một số hạn chế theo qui định như: việc dán nhãn mác bằng tiếng của nước nhập khẩu, hàng hoá nhập khẩu phải có giấy phép bán hàng tại nước nhập khẩu

*Điều kiện thứ hai:* Giá cả hoặc hoạt động bán hàng không phụ thuộc vào những điều kiện hay các khoản thanh toán mà vì chúng không xác định được trị giá của hàng hoá cần xác định trị giá tính thuế.

*Điều kiện thứ ba:* Sau khi bán lại, chuyển nhượng hoặc sử dụng hàng hoá nhập khẩu, người mua không phải trả thêm bất kỳ khoản tiền nào từ doanh thu mà họ đạt được cho người bán dù trực tiếp hay gián tiếp do việc



định đoạt hàng hoá nhập khẩu mang lại, không kể khoản chi phí điều chỉnh cộng theo quy định của Hiệp định.

*Điều kiện thứ tư:* Người mua và người bán không có mối quan hệ đặc biệt hoặc nếu có thì mối quan hệ đó không ảnh hưởng đến trị giá giao dịch.

- *Các yếu tố cấu thành trị giá giao dịch*

Trị giá giao dịch bao gồm các khoản sau đây:

- *Giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán, gồm có:*

- + Giá ghi trên hoá đơn.
- + Các khoản thanh toán gián tiếp.
- + Các khoản chiết khấu giảm giá.

Có 3 loại chiết khấu giảm giá theo qui định bao gồm: Chiết khấu thương mại; chiết khấu số lượng; chiết khấu thanh toán.

- *Các khoản chi phí điều chỉnh*

Điều 13 Thông tư 39/2015/TT-BTC qui định cụ thể những khoản chi phí nào thuộc vào (nằm trong) trị giá giao dịch thì phải cộng vào trị giá hoá đơn và những khoản chi phí nào không thuộc về trị giá giao dịch thì điều chỉnh trừ ra nếu chúng đã nằm trong giá hoá đơn. Chi phí điều chỉnh có [8, tr.11]: (i) *Các khoản điều chỉnh bắt buộc:* Là những khoản điều chỉnh pháp luật các quốc gia tham gia Hiệp định đều phải qui định bắt buộc cộng vào giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán. (ii) *Các khoản điều chỉnh không bắt buộc:* Là những khoản điều chỉnh mà tùy theo Pháp luật từng quốc gia tham gia Hiệp định mà có thể cộng hoặc loại trừ ra khỏi trị giá tính thuế. (iii) *Các khoản điều chỉnh khác:* Là những khoản điều chỉnh được loại trừ ra khỏi trị giá tính thuế nếu giá hoá đơn có phản ảnh các chi phí này và do người mua phải chịu (gọi là các khoản phải trừ).

(Phụ lục 1: Sơ đồ xác định trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu theo phương pháp trị giá giao dịch).

*Hai, phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá giao dịch của hàng hoá giống hệt*

Hàng hoá nhập khẩu trước hết được xem xét xác định trị giá tính thuế theo phương pháp trị giá giao dịch, tuy nhiên trong một số trường hợp trị giá tính thuế không thể xác định theo trị giá giao dịch, khi đó phải áp dụng phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá giống hệt.

Hàng hóa nhập khẩu về cơ bản giống nhau mọi phương diện nhưng có những khác biệt không đáng kể về bề ngoài như màu sắc, kích cỡ, kiểu dáng mà không làm ảnh hưởng đến trị giá của hàng hóa thì vẫn được coi là hàng hóa nhập khẩu giống hệt.” [9. tr.2].

Như vậy, hàng hoá giống hệt phải thoả mãn yêu cầu giống nhau về:

- *Tính chất vật lý của hàng hoá* như tiêu chuẩn bề mặt, vật liệu cấu thành, phương pháp chế tạo, tính năng và mục đích sử dụng,... của hàng hoá.

- *Chất lượng hàng hoá.*

- *Danh tiếng của hàng hoá*, chủ yếu là danh tiếng nhãn hiệu hàng hoá.

(Phụ lục 2: Sơ đồ xác định trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu theo phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa giống hệt).

*Ba, phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá giao dịch của hàng hoá tương tự*

Điều 2 Nghị định 39/2015/NĐ-CP định nghĩa:

Hàng hoá tương tự là những hàng hoá dù không giống nhau về mọi phương diện nhưng có các đặc điểm giống nhau, được làm từ các nguyên liệu giống nhau, thực hiện các chức năng giống nhau và có thể thay thế cho nhau về mặt thương mại được sản xuất ở cùng một nước, bởi cùng một nhà sản xuất hoặc nhà sản xuất khác theo sự ủy quyền của nhà sản xuất đó, được nhập khẩu vào Việt Nam [9. tr 2 ].

Thông tư 39/2015/TT-BTC qui định:

Nếu không xác định được trị giá tính thuế theo các phương pháp trị giá giao dịch của hàng nhập khẩu hoặc phương pháp trị giá giao dịch của hàng giống hệt thì trị giá tính thuế của hàng hoá nhập khẩu được xác định theo trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu tương tự, với điều kiện hàng hoá nhập khẩu

tương tự đã được cơ quan hải quan chấp nhận xác định trị giá tính thuế theo trị giá giao dịch, và có cùng các điều kiện mua bán, điều kiện về thời gian xuất khẩu với hàng hoá nhập khẩu đang xác định trị giá tính thuế [6. tr.8].

*Bốn, phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá khấu trừ*

Nếu không xác định được trị giá tính thuế theo 3 phương pháp trên đây thì trị giá tính thuế của hàng hoá nhập khẩu được xác định theo trị giá khấu trừ. Nội dung cơ bản của phương pháp này là căn cứ vào đơn giá bán hàng hoá nhập khẩu, hàng hoá nhập khẩu giống hệt hoặc hàng hoá nhập khẩu tương tự trên thị trường nội địa nước nhập khẩu và trừ (-) các chi phí hợp lý, lợi nhuận thu được sau khi bán hàng nhập khẩu.

*\* Điều kiện lựa chọn đơn giá bán trên thị trường nước nhập khẩu*

- Đơn giá bán trên thị trường nước nhập khẩu phải là đơn giá bán của hàng hoá nhập khẩu đang được xác định trị giá tính thuế, hàng hoá nhập khẩu giống hệt hoặc hàng hoá nhập khẩu tương tự, được bán nguyên trạng (không làm thay đổi bản chất hàng hoá như việc chế biến, gia công, tháo dỡ các chi tiết,...) như khi nhập khẩu.

- Lượng hàng hoá được bán ra với số lượng lũy kế lớn nhất ở mức đủ để hình thành đơn giá.

- Hàng hoá được bán ra vào cùng thời điểm hay cùng kỳ với lô hàng nhập khẩu, ngay sau khi nhập khẩu nhưng không quá 90 ngày sau ngày nhập khẩu;

- Giao dịch bán hàng cho người mua không có quan hệ đặc biệt với nhau.

*\* Nguyên tắc khấu trừ*

Việc xác định các khoản khấu trừ dựa trên cơ sở các số liệu kế toán, chứng từ hợp pháp, hợp lệ có sẵn và được ghi chép, phản ánh theo các quy định, chuẩn mực của kế toán nước nhập khẩu. Các khoản được khấu trừ là những khoản được phép hạch toán vào chi phí hợp lý, hợp lệ của doanh nghiệp theo pháp luật về kế toán nước nhập khẩu.

*\* Các khoản được khấu trừ khỏi đơn giá bán hàng:* (i) chi phí vận chuyển, phí bảo hiểm và chi phí cho các hoạt động khác liên quan đến việc

vận chuyển hàng hoá sau khi nhập khẩu tại nước nhập khẩu; (ii) các khoản thuế, phí và lệ phí phải nộp tại nước nhập khẩu khi nhập khẩu và bán hàng hoá nhập khẩu trên thị trường nội địa nước nhập khẩu; (iii) hoa hồng hoặc chi phí chung liên quan đến các hoạt động bán hàng hoá nhập khẩu tại nước nhập khẩu.

Căn cứ để xác định các khoản khấu trừ là số liệu được ghi chép và phản ánh trên chứng từ, sổ sách kế toán của người nhập khẩu, phù hợp với quy định, chuẩn mực của kế toán tại nước nhập khẩu. Số liệu này phải tương ứng với những số liệu thu được từ những hoạt động mua bán hàng hoá nhập khẩu cùng phẩm cấp hoặc cùng chủng loại tại nước nhập khẩu.

*Năm, phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá tính toán*

Nếu không xác định được trị giá tính thuế theo các phương pháp trên thì trị giá tính thuế của hàng hoá nhập khẩu được xác định theo trị giá tính toán.

\* Phương pháp trị giá tính toán là phương pháp xác định trị giá tính thuế của hàng hoá dựa trên các chi phí liên quan đến việc sản xuất và bán hàng để xuất khẩu đến nước nhập khẩu. Khi sử dụng phương pháp này phải dựa trên các yếu tố cấu thành trị giá tính toán của hàng hoá cùng với các thông tin có sẵn, khách quan về định lượng được ở nước nhập khẩu.

Thông tư 40 qui định, trị giá tính toán của hàng hoá nhập khẩu bao gồm các khoản: (i) chi phí trực tiếp để sản xuất ra hàng hoá nhập khẩu; (ii) chi phí chung và lợi nhuận phát sinh trong hoạt động bán hàng hoá cùng phẩm cấp hoặc cùng chủng loại với hàng hoá nhập khẩu đang xác định trị giá, được sản xuất ở nước xuất khẩu để bán hàng đến nước nhập khẩu; (iii) các chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các chi phí có liên quan đến việc vận chuyển hàng hoá nhập khẩu [6, tr.12-13].

*\* Căn cứ để xác định trị giá tính toán*

Là số liệu được ghi chép và phản ánh trên chứng từ, sổ sách kế toán của người sản xuất trừ khi các số liệu này không phù hợp các số liệu thu thập

được tại nước nhập khẩu. Số liệu này phải tương ứng với những số liệu thu được từ những hoạt động sản xuất, mua bán hàng hoá nhập khẩu cùng phẩm cấp hoặc cùng chủng loại do người sản xuất tại nước xuất khẩu sản xuất ra để xuất khẩu đến nước nhập khẩu.

(Phụ lục 5: Sơ đồ xác định trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu theo phương pháp tính toán).

*Sáu, phương pháp xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu theo suy luận (Phương pháp suy luận hay phương pháp dự phòng)*

Nếu không xác định được trị giá tính thuế theo thứ tự các phương pháp trên thì trị giá tính thuế được xác định theo phương pháp suy luận.

Phương pháp này cho phép sử dụng cách thức xác định trị giá hợp lý, nhất quán với nguyên tắc và qui định của Hiệp định trên cơ sở các tài liệu, số liệu khách quan, có sẵn ở nước nhập khẩu tại thời điểm xác định trị giá tính thuế.

*\* Điều kiện để xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu theo phương pháp suy luận*

- Không có giao dịch bán hàng để xuất khẩu hoặc có giao dịch nhưng không đủ điều kiện để xác định trị giá tính thuế theo trị giá giao dịch của hàng nhập khẩu.

- Không có hàng hoá giống hệt hoặc hàng hoá tương tự đã nhập khẩu hoặc sẽ nhập khẩu trong vòng 60 ngày.

- Không có hàng hoá nguyên trạng hoặc gia công một số bộ phận được bán tại nước nhập khẩu.

- Nhà sản xuất không biết hoặc từ chối cung cấp số liệu về chi phí liên quan đến sản xuất và bán hàng hoá xuất khẩu.

*\* Phương thức xác định trị giá theo phương pháp suy luận*

Trị giá tính thuế xác định theo phương pháp suy luận được xác định bằng cách áp dụng tuần tự và linh hoạt các phương pháp xác định trị giá tính thuế qui định từ phương pháp 1 đến phương pháp 6 của Hiệp định và dừng ngay tại phương pháp xác định được trị giá tính thuế.

(Phụ lục 6: Sơ đồ xác định trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu theo phương pháp suy luận).

### **2.2.1.2. Nhóm cơ chế xác định trị giá theo phương pháp quốc gia**

Những trường hợp xác định trị giá tính thuế theo phương pháp quốc gia thì tùy theo từng đối tượng hàng hoá nhập khẩu cụ thể mà qui định của Việt Nam có các phương pháp xác định trị giá khác nhau để vừa phù hợp với qui định của Hiệp định, vừa phù hợp với điều kiện quốc gia đảm bảo thu đúng, thu đủ, hạn chế thấp nhất trình trạng gian lận thương mại qua giá, thất thu cho NSNN. Cụ thể như sau:

1. Đối với hàng hoá nhập khẩu đã được miễn thuế, xét miễn thuế nhưng sau đó sử dụng vào mục đích khác với mục đích đã được miễn thuế, xét miễn thuế thì phải kê khai nộp thuế. Trong đó, trị giá tính thuế nhập khẩu được xác định trên cơ sở giá trị sử dụng còn lại của hàng hoá, tính theo thời gian sử dụng và lưu lại tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 (tính từ thời điểm nhập khẩu theo tờ khai hải quan đến thời điểm tính lại thuế) và được xác định cụ thể như sau:

**Bảng 2.2: Xác định trị giá tính thuế hàng hoá miễn thuế chuyển mục đích sử dụng [2, tr.17].**

Thời gian sử dụng và lưu lại tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3	Trị giá tính thuế nhập khẩu = (%) trị giá khai báo tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan ban đầu
Từ 6 tháng trở xuống (được tính tròn là 183 ngày)	90%
Từ trên 6 tháng đến 1 năm (được tính tròn là 365 ngày)	80%
Từ trên 1 năm đến 2 năm	70%
Từ trên 2 năm đến 3 năm	60%
Từ trên 3 năm đến 5 năm	50%

Từ trên 5 năm đến 7 năm	40%
Từ trên 7 năm đến 9 năm	30%
Từ trên 9 năm đến 10 năm	15%
Trên 10 năm	0%

2. Đối với phế liệu thu được trong quá trình sản xuất hàng gia công cho phía nước ngoài mà bên thuê gia công bán lại cho phía Việt Nam, thì trị giá tính thuế được xác định như sau:

+ Trường hợp có hợp đồng mua bán hàng hóa thì áp dụng các nguyên tắc và phương pháp xác định trị giá tính thuế theo các phương pháp của GATT để xác định trị giá tính thuế.

+ Trường hợp không có hợp đồng mua bán thì trị giá tính thuế được xác định như quy định trường hợp hàng hoá nhập khẩu không có hợp đồng mua bán (điểm 7 phần này).

3. Đối với hàng hoá nhập khẩu là hàng đi thuê mượn thì trị giá tính thuế là giá thực trả theo hợp đồng đã ký với nước ngoài, phù hợp với các chứng từ hợp pháp hợp lệ có liên quan đến việc đi thuê mượn hàng hoá.

4. Đối với hàng hoá nhập khẩu là hàng đem ra nước ngoài sửa chữa, gia công thì trị giá tính thuế là chi phí thực trả theo hợp đồng ký kết với phía nước ngoài, phù hợp với các chứng từ hợp pháp, hợp lệ liên quan đến việc sửa chữa, gia công hàng hoá, tức là trị giá tính thuế sẽ là phần trị giá tăng thêm so với khi xuất khẩu.

5. Hàng hoá nhập khẩu không có hợp đồng mua bán hàng hóa như: Hàng hoá mua bán trao đổi của cư dân biên giới; hàng hoá nhập khẩu của hành khách nhập cảnh, trong và ngoài tiêu chuẩn miễn thuế; hàng hoá là quà biếu, quà tặng, trong và ngoài định mức miễn thuế; hàng nhập khẩu của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, dịch vụ phát chuyển nhanh; và các loại hình khác không có hợp đồng mua bán hàng hóa, thì trị giá tính thuế được xác định theo qui định đối với từng trường hợp: (i) hàng hoá đơn lẻ; (ii) không phải là hàng đơn lẻ.

6. Hàng hoá nhập khẩu thừa so với hợp đồng mua bán hàng hoá đã ký với phía nước ngoài:

- Hàng nhập khẩu thừa giống hệt hoặc tương tự với hàng hoá nhập khẩu ghi trên hợp đồng thì trị giá tính thuế của hàng nhập khẩu thừa được xác định theo phương pháp xác định trị giá tính thuế của số hàng hoá nhập khẩu ghi trên hợp đồng.

- Hàng nhập khẩu thừa khác với hàng hoá nhập khẩu ghi trên hợp đồng, nếu được phép nhập khẩu thì trị giá tính thuế được xác định trên nguyên tắc áp dụng tuân tự các phương pháp xác định trị giá tính thuế theo qui định của GATT nhưng không xác định theo phương pháp trị giá giao dịch.

7. Hàng hoá nhập khẩu chưa phù hợp so với hợp đồng mua bán hàng hoá đã ký với phía nước ngoài:

- Hàng hoá nhập khẩu chưa phù hợp về qui cách, nếu được phép nhập khẩu, thì trị giá tính thuế là trị giá thực thanh toán cho hàng hoá nhập khẩu.

- Hàng hoá nhập khẩu không đúng với hợp đồng mua bán, nếu được phép nhập khẩu, thì trị giá tính thuế được xác định trên nguyên tắc áp dụng tuân tự các phương pháp xác định trị giá tính thuế quy định của GATT nhưng không xác định theo phương pháp trị giá giao dịch.

8. Hàng hoá nhập khẩu bị hư hỏng, tổn thất hoặc mất mát có lý do xác đáng trong quá trình vận chuyển, bốc xếp:

- Đối với số hàng hoá không bị hư hỏng, tổn thất hoặc mất mát, thì trị giá tính thuế là trị giá thực trả cho hàng hoá nhập khẩu (phần không bị hư hỏng, tổn thất, mất mát).

- Đối với phần hàng hoá bị hư hỏng, tổn thất thì trị giá tính thuế được tính theo trị giá tính thuế của số hàng nhập khẩu còn nguyên vẹn và được giảm phù hợp với mức độ tổn thất, hư hỏng hoặc mất mát, phù hợp với kết quả giám định và hồ sơ có liên quan.

9. Hàng hoá nhập khẩu để bù đắp cho các tổn thất nêu tại điểm 10 thì trị giá tính thuế được xác định theo các phương pháp xác định qui định của GATT.



10. Hàng nhập khẩu thực tế có sự chênh lệch về số lượng so với hoá đơn thương mại do tính chất của hàng hoá, phù hợp với điều kiện giao hàng và điều kiện thanh toán trong hợp đồng mua bán thì số tiền thuế nhập khẩu được xác định như sau:

- Về xác định số lượng hàng thực xuất, thực nhập: Khi đã thực hiện giám định thì căn cứ kết quả giám định để xác định lượng hàng thực xuất, thực nhập.

- Khi xác định trị giá tính thuế phải căn cứ vào hoá đơn thương mại và hợp đồng mua bán (điều kiện giao hàng, tỷ lệ dung sai, đặc tính tự nhiên của hàng hoá và điều kiện thanh toán). Trị giá tính thuế không được thấp hơn trị giá thực thanh toán ghi trên hoá đơn thương mại và các chứng từ có liên quan.

### **2.2.2. Thực trạng về khai báo và kiểm tra trị giá tính thuế hàng nhập khẩu ở Việt Nam và ở tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng KV3**

#### **2.2.2.1. Cơ chế khai báo trị giá, tờ khai trị giá**

Áp dụng GATT, cơ chế khai báo trị giá là việc người nhập khẩu phải hoàn thành tờ khai trị giá và nộp cho cơ quan hải quan cùng với thời điểm nộp tờ khai hải quan.

Tờ khai trị giá là một mẫu khai báo do cơ quan hải quan ban hành áp dụng thống nhất cho cho quốc gia nước nhập khẩu, trong đó chứa đựng các thông tin cần thiết để xác định trị giá hải quan theo các phương pháp của Hiệp định trị giá GATT/WTO và đi kèm với tờ khai hải quan dưới dạng phụ lục hoặc tờ khai riêng biệt, chi tiết như:

- *Về tư cách pháp nhân*: Họ tên, địa chỉ người bán, người mua, người nhập khẩu uỷ thác hoặc khai thuê.

- *Về điều kiện mua bán hàng hoá bao gồm*: Điều kiện giao hàng (FOB, CIF, C&F, CIP...); Số, ngày tháng lập hoá đơn thương mại; Số, ngày tháng ký kết hợp đồng mua bán hàng hoá;

- *Phương pháp xác định trị giá*: Người nhập khẩu phải khai báo phương pháp xác định trị giá của mình từ phương pháp 1 đến phương pháp 6.

- *Các điều kiện để áp dụng trị giá giao dịch:* Đó là các điều kiện áp dụng trị giá giao dịch theo Điều 1.1 của Hiệp định.

- *Khai báo về trị giá, gồm:* (i) giá hoá đơn, các khoản thanh toán gián tiếp, tỷ giá; (iii) các chi phí phải cộng; (iii) các chi phí được trừ.

- *Trị giá hải quan được xác định:* Phần nhà nhập khẩu khai báo, cam kết, ký tên,....

Mẫu tờ khai trị giá của Việt Nam ban hành theo Thông tư số 39/2015/QĐ-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

(Phụ lục III: Mẫu tờ khai trị giá hải quan HQ/2015-TG1).

#### ***2.2.2.2. Cơ chế kiểm tra trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu ở Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng KV3***

- *Qui trình kiểm tra trị giá:* Thực hiện theo Quyết định 1966/QĐ-TCHQ ngày 10/7/2015 của Tổng cục Hải quan ban hành qui trình kiểm tra, xác định trị giá tính thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu [55, tr.68].

Theo qui trình này thì kiểm tra trị giá tính thuế được thực hiện ở 2 khâu:

- Khâu thông quan: Tức là kiểm tra trong quá trình làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu ngay sau khi người khai hải quan nộp tờ khai cho cơ quan hải quan.

- Khâu sau thông quan: Tức là kiểm tra trị giá khi đã kết thúc thủ tục hải quan, hàng hoá nhập khẩu đã được giải phóng.

Về nguyên tắc, toàn bộ hàng hoá nhập khẩu thuộc đối tượng phải đánh thuế thì đều phải kiểm tra về trị giá, vì vậy việc kiểm tra ngay tại khâu thông quan là hết sức quan trọng vì một mặt vừa phải đảm bảo độ chính xác, vừa phải đảm bảo thời gian hoàn thành công việc. Kiểm tra trị giá tại khâu sau thông quan chỉ thực hiện trong trường hợp giá khai báo là thấp so với dữ liệu giá do cơ quan hải quan thu thập được nhưng qua kiểm tra, tham vấn cơ quan hải quan không đủ căn cứ để bác bỏ trị giá khai báo của lô hàng nhập khẩu đó thì phải chuyển kiểm tra sau thông quan để kiểm tra tiếp; hoặc cơ quan kiểm tra sau thông quan, cơ quan điều tra chống buôn lậu phát hiện có dấu hiệu

gian lận thương mại qua trị giá mà cần phải kiểm tra kịp thời để ngăn chặn.

(Phụ lục 10: Sơ đồ qui trình kiểm tra, xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu).

## **2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **2.3.1. Kết quả thực hiện cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu ở Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng Kv3**

Qua thời gian hơn 6 năm triển khai và trên 4 năm áp dụng thực tiễn GATT trong việc xác định trị giá tính thuế đối với hàng hoá nhập khẩu tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3, đã thu được một số kết quả sau:

*Thứ nhất*, từng bước ngày càng hoàn thiện cơ sở pháp lý cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 theo Hiệp định trị giá GATT/WTO gồm các Luật, Pháp lệnh và các văn bản pháp lý khác.

(Phụ lục 8: Danh mục các văn bản Luật và các văn bản khác về xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3).

*Thứ hai*, cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu hiện hành đã góp phần đẩy nhanh tiến trình hội nhập kinh tế, thể hiện được quyết tâm của Chính phủ Việt Nam trong việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình đàm phán gia nhập WTO.

*Thứ ba*, rút ngắn thời gian thông quan hàng hoá, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu nhờ cơ chế cho phép người nhập khẩu tự khai báo, tự xác định trị giá tính thuế dựa trên các nguyên tắc và phương pháp của GATT/WTO. Qua đó, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc kê khai trị giá giao dịch đối với hàng hoá nhập khẩu, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về Hải quan, nâng cao tính tự chủ của doanh nghiệp trong việc chủ động hạch toán về thuế, phí và các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Qui trình nghiệp vụ được hoàn thiện từng bước dần phù hợp và đầy đủ hơn với các nguyên tắc của Hiệp định GATT/WTO. Theo số liệu

thống kê của ngành Hải quan thì đối tượng được áp dụng hệ thống xác định giá tính thuế dựa trên các nguyên tắc và phương pháp của GATT/WTO chiếm 90% tổng kim ngạch nhập khẩu vào Việt Nam [47, tr.3]. Trong đó khoảng 99% các lô hàng nhập khẩu được xác định trị giá tính thuế theo phương pháp trị giá giao dịch [47, tr.4], do vậy đã rút ngắn được thời thông quan hàng hoá, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu đồng thời nâng cao trách nhiệm khai báo của doanh nghiệp.

Đối với công tác kiểm tra, tham vấn xác định trị giá: Đã và đang hoàn thiện các qui trình xác định trị giá theo quyết định 1966/QĐ-TCHQ phù hợp với qui trình thủ tục hải quan và nâng cao tính pháp lý về công tác kiểm tra trị giá của cơ quan hải quan.

**Bảng 2.3: Số hồ sơ tham vấn và điều chỉnh trị giá hải quan**

Năm	Tổng số hồ sơ tham vấn	Tổng số hồ sơ điều chỉnh sau tham vấn	TỶ LỆ	Số thuế truy thu sau tham vấn (Tỷ VND)
2015	3.034	546	18%	75
2016	5.769	734	13%	127
2017	4.593	1.042	23%	351
10 tháng 2018	3.840	1.252	33%	850
Tổng cộng	17.236	3.574	21%	1.403

*Nguồn: Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng Kv3*

Đảm bảo thông tin về doanh nghiệp ngày càng đầy đủ, xác thực hơn. Hiện tại, ngành Hải quan đã xây dựng được hệ thống thông tin về doanh nghiệp như: Danh bạ doanh nghiệp, thông tin doanh nghiệp về vi phạm pháp luật hải quan, doanh nghiệp bị cưỡng chế làm thủ tục; thông tin về các doanh nghiệp đối tác nước ngoài.

*Thứ tư*, bước đầu xây dựng và hiện đại hoá cơ sở vật chất cho quản lý hải quan đáp ứng yêu cầu của thương mại quốc tế và xu thế hội nhập.

Phương pháp xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu theo GATT là một phương pháp quản lý hiện đại dựa trên nền tảng cao về kỹ thuật, công nghệ đồng thời tuân thủ các thông lệ thương mại quốc tế. Để thực hiện tốt

phương pháp trị giá hải quan đòi hỏi cơ quan hải quan phải xây dựng một hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin phong phú được cập nhật thường xuyên, kịp thời về tình hình thương mại đang diễn ra trên toàn cầu.

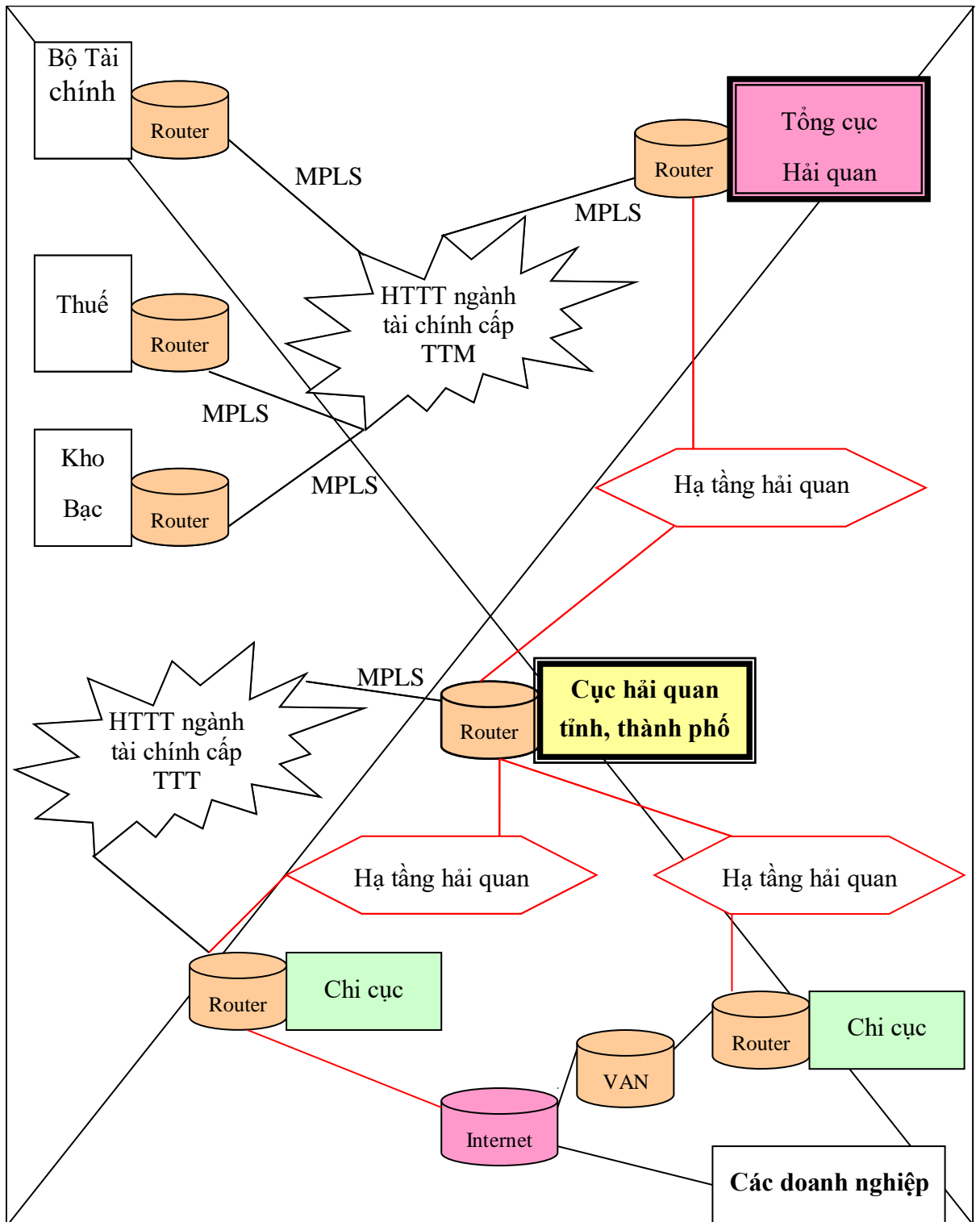
Số lượng tờ khai năm 2017 tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2016, trong đó lượng tờ khai xuất có tỷ lệ tăng cao hơn số lượng tờ khai nhập khẩu. Nguyên nhân chủ yếu là do sự thay đổi về chính sách quản lý quy định tại Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính.

**Bảng 2.4: Số lượng tờ khai giai đoạn 2012 - 2016**

Nội dung	SỐ LƯỢNG TỜ KHAI					
	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	TĐTTBQ (%)
<b>Xuất khẩu</b>	14.672	15.230	17.460	25.074	25.668	16,11
<b>Nhập khẩu</b>	20.147	22.896	24.387	33.158	38.392	17,98
<b>Tổng</b>	34.819	38.126	41.847	58.232	64.060	17,11

Hiện tại Hải quan Việt Nam đã trang bị được khoảng 250 máy chủ, 4.800 máy tính cá nhân hoạt động trên hai hệ thống mạng LAN và mạng WAN. Nếu tính theo đầu người thì tỷ lệ máy vi tính được trang bị hiện nay khoảng 1,6 người/máy. Hệ thống mạng máy tính cục bộ (LAN- Local Area Network) được xây dựng ở hầu hết các văn phòng Cục Hải quan tỉnh, thành phố, Chi cục hải quan và các dây chuyền làm thủ tục hải quan. đến thời điểm hiện nay, 33 Cục Hải quan tỉnh và các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục và hầu hết các Chi cục (nơi có Internet) đều đã được trang bị mạng LAN.

**Sơ đồ 2.2: Mạng WAN ngành hải quan**



Ngành Hải quan cũng đã xây dựng và triển khai được một số "Hệ thống phần mềm ứng dụng" phục vụ công tác quản lý, điều hành các mặt nghiệp vụ

hải quan nói chung, trị giá hải quan nói riêng như: cho công tác trị giá, hiện nay ngành hải quan triển khai các hệ thống sau:

*Chương trình khai hải quan điện tử VNACCS/VCIS* cho phép các doanh nghiệp có thể thực hiện thủ tục khai báo điện tử nhằm đơn giản hoá thủ tục hải quan, loại bỏ hồ sơ giấy và nâng cao tính tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp. Hiện nay, việc khai báo điện tử đang được áp dụng trên toàn quốc.

*Chương trình tin học quản lý hành chính (Cloudoffice)* cho phép thực hiện chỉ đạo, điều hành qua mạng máy tính, đảm bảo tính kịp thời và hiệu quả của công việc.

*Chương trình quản lý tờ khai hải quan* có nhiệm vụ thu nhập dữ liệu thông tin trên tờ khai hải quan về hàng hóa xuất nhập khẩu trên phạm vi toàn quốc. Trên cơ sở dữ liệu hàng hóa xuất nhập khẩu, có thể phân tích, dự báo, xây dựng kho dữ liệu điện tử hỗ trợ công tác trị giá hải quan.

*Chương trình dữ liệu trị giá tính thuế (GTT02)*: Là phần mềm chủ đạo để áp dụng phương pháp xác định trị giá hải quan từ khâu kiểm tra trị giá khai báo đến xác định trị giá tính thuế hàng hóa xuất nhập khẩu..

*Chương trình thông tin vi phạm pháp luật hải quan*: Thu thập, xử lý thông tin về tình hình vi phạm pháp luật hải quan của các tổ chức, cá nhân.

*Chương trình danh bạ doanh nghiệp* đang trong quá trình xây dựng. Với thông tin liên tục được cập nhật thì cơ quan hải quan sẽ có được bản lý lịch trích ngang của mỗi doanh nghiệp. Thông tin này rất có ích cho việc Kiểm tra sau thông quan trong lĩnh vực trị giá.

Ngoài ra, còn các chương trình: *Kế toán thuế 559, thông tin quản lý rủi ro,...*

Các chương trình này được thiết kế liên kết, tích hợp với nhau trên nền tảng của qui trình thủ tục hải quan, kiểm tra, xác định trị giá tính thuế.

*Thứ năm*, hạn chế căn bản việc áp đặt giá tính thuế, tạo sự công bằng trong kinh doanh thương mại, tôn trọng trị giá đàm phán giao dịch giữa người mua và người bán, khuyến khích thương mại quốc tế phát triển.

*Thứ sáu*, kiện toàn tổ chức xác định trị giá hải quan và từng bước nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ Hải quan, tạo tiền đề cho công tác cải cách hành chính và hiện đại hoá quản lý Hải quan nước ta.

- *Về nguồn lực con người*: Đội ngũ cán bộ ngành Hải quan hiện tại có khoảng 8.000 người trong đó 1% có trình độ sau đại học, 60% tốt nghiệp đại học, 24% cao đẳng và trung cấp, 15% sơ cấp. Hệ thống tổ chức bao gồm:

+ Các Vụ, Cục nghiệp vụ thuộc Tổng cục Hải quan có nhiệm vụ tham mưu giúp Tổng cục trưởng quản lý chỉ đạo hoạt động trong toàn ngành về các mảng chuyên môn, nghiệp vụ đối với các Cục Hải quan địa phương.

+ Cục Hải quan các địa phương được tổ chức theo mô hình gồm các phòng, ban tham mưu, các Chi cục Hải quan cửa khẩu và tương đương Đội Kiểm soát hải quan.

+ Các Chi cục Hải quan là đơn vị thực hiện thủ tục hải quan gồm các đội thủ tục, đội văn phòng.

### **Công tác xác định trị giá hải quan**

Đối với hàng nhập khẩu được quán triệt thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính. Kết quả trong năm 2017:

Chuyên tham vấn giá cấp Cục: 604 trường hợp;

Chuyên Chi cục kiểm tra sau thông quan: 85 trường hợp;

Chuyên Bộ phận KTSTQ Chi cục: 344 trường hợp

Sau khi có các văn bản chấn chỉnh các Chi cục hải quan trực thuộc trong toàn Cục về công tác cập nhật giá tính thuế và công tác kiểm tra giá để



xác định các tờ khai giá thấp... Chi cục đã quán triệt từng CBCC phải nghiêm túc thực hiện theo đúng ý kiến chỉ đạo của cấp trên, phải cập nhật giá ngay đối với tất cả các tờ khai nhập khẩu và cử cán bộ chuyên trách theo dõi việc cập nhật trị giá và kiểm tra giá tính thuế.

### **Công tác chống thất thu NSNN**

Qua công tác kiểm tra, rà soát mã số: 3.864 tỷ;

Qua công tác kiểm tra trị giá: 43.41 tỷ;

Qua công tác kiểm tra C/O: 45 triệu đồng.

### **Công tác kiểm tra sau thông quan**

Chi cục đã triển khai công tác kiểm tra sau thông quan tại chi cục theo QĐ 462/QĐ-HQHP ngày 29/2/2016 của Cục Hải quan TP Hải phòng, quyết tâm thực hiện hoàn thành kế hoạch chỉ tiêu dự toán, chỉ tiêu phấn đấu số thực thu NSNN qua công tác KTSTQ.

### **Công tác cải cách hành chính, hiện đại hóa hải quan**

Có sáng kiến cải tiến: Tham gia Tổ nghiên cứu xây dựng đề tài “Quản lý Hải quan đối với loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất” của Cục Hải quan TP Hải Phòng.

Triển khai xây dựng, cài đặt hệ thống lưu trữ dữ liệu theo mô hình điện toán đám mây (Cloud Server) phục vụ công tác nghiệp vụ tại Chi cục

Tập trung nguồn lực để thực hiện có hiệu quả hệ thống VNACCS/VCIS, góp phần giảm thời gian thông quan, giải phóng hàng theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ.

Triển khai có hiệu quả chương trình cải cách thủ tục hành chính theo Chương trình ISO 9001:2000, toàn bộ các văn bản chính sách được sắp xếp

có hệ thống, khoa học, đóng góp xây dựng quy trình thủ tục hải quan điện tử theo tiêu chuẩn ISO.

### **Kết quả triển khai thực hiện Tuyên ngôn phục vụ khách hàng.**

Được thể hiện qua bảng sau:

**Bảng 2.6: Kết quả triển khai thực hiện Tuyên ngôn phục vụ khách hàng**

Nội dung cam kết	ĐVT	Tổng số	Số thực hiện đúng theo cam kết tại tuyên ngôn	Tỷ lệ	Lũy kế
Thời hạn tiếp nhận, đăng ký tờ khai, giải quyết miễn thuế	Tờ khai	64.060	64.060	100%	
Thời hạn trả lời vướng mắc	Trường hợp yêu cầu	0	0	0	
Thời hạn giải quyết khiếu nại tố cáo	Trường hợp yêu cầu	0	0	100%	

#### *- Về mô hình tổ chức hệ thống quản lý trị giá*

Mô hình tổ chức hệ thống quản lý trị giá tính thuế của ngành Hải quan hiện nay được tổ chức thành 3 cấp:

- Cấp Hải quan trung ương: Tại cơ quan Tổng cục Hải quan không có phòng, ban riêng về trị giá mà chỉ có một tổ chuyên trách khoảng 17 cán bộ nằm trong Vụ kiểm tra thu thuế xuất nhập khẩu. Chức năng chủ yếu là hướng dẫn nghiệp vụ, cung cấp thông tin vĩ mô cho hải quan địa phương. Bộ phận giá được bố trí, phân công theo hướng chuyên sâu theo chương, nhóm mặt hàng để dần dần hình thành đội ngũ cán bộ giá có trình độ chuyên môn cao. Cán bộ, công chức làm công tác giá tại Tổng cục Hải quan mang tính ổn định cao và đều có thời gian công tác trong lĩnh vực trị giá từ 5 năm trở lên. Công tác đào tạo bồi dưỡng cũng được chú trọng, hiện đang đào tạo các giáo viên chuyên trách trong lĩnh vực trị giá.

- Cấp Cục Hải quan tỉnh, thành phố: Có 08 Cục Hải quan địa phương lớn được thành lập phòng trị giá tính thuế là: Cục Hải quan Hà Nội, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Vũng Tàu. Các Cục Hải quan địa phương khác không có phòng trị giá mà chỉ bố trí bộ phận trị giá riêng (khoảng 2-3 người) trực thuộc phòng Nghiệp vụ, ngoài công tác trị giá còn kiêm nhiệm một số công tác khác.

Nhiệm vụ chủ yếu của phòng trị giá hoặc bộ phận trị giá thuộc phòng Nghiệp vụ theo qui định tại Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 là tham mưu cho Cục trưởng về các công tác:

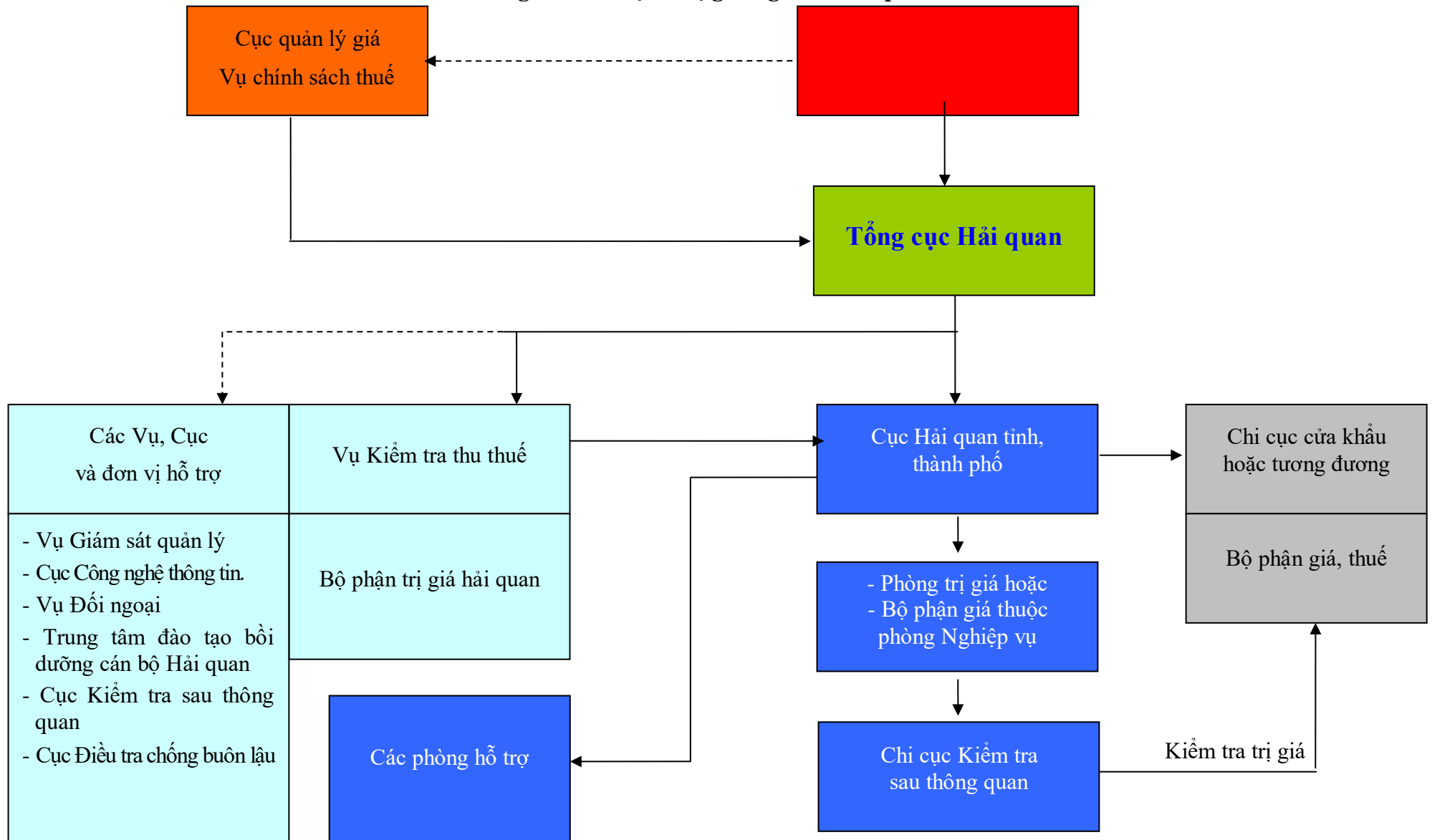
+ Hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác, kiểm tra xác định trị giá tại các Chi cục. Tổ chức tuyên truyền về xác định trị giá tính thuế theo nội dung của Hiệp định trị giá GATT/WTO

+ Tổ chức kiểm tra, tham vấn, xác định trị giá tính thuế đối với các lô hàng có nghi vấn về giá khai báo thấp, mà chủ yếu là hàng hoá nhập khẩu thuộc “danh mục dữ liệu giá hàng hoá QLRR” do Tổng cục ban hành, đó là những hàng hoá có thuế suất cao, trị giá lớn như ô tô, xe máy, hàng điện tử, điện lạnh... (các hàng hoá khác thường phân cấp cho các Chi cục tự kiểm tra, tham vấn và xác định trị giá);

+ Rà soát, kiểm tra, thẩm định lại giá do các Chi cục thực hiện. Rà soát các hàng hoá thường xuyên làm thủ tục nhập khẩu tại các Chi cục trực thuộc để ban hành “danh mục dữ liệu giá các mặt hàng trọng điểm” thực hiện chung trong toàn Cục.

- Cấp Chi cục Hải quan: Tại các Chi cục Hải quan có các tổ giá nằm trong Đội nghiệp vụ (đối với các Chi cục thành lập đội) hoặc cán bộ làm công tác giá (kiêm nhiệm một số công tác khác). Các tổ giá (hoặc cán bộ giá) là lực lượng trực tiếp thực hiện kiểm tra, xác định trị giá tính thuế cho các lô hàng nhập khẩu.

**Sơ đồ 2.3: Mô hình tổ chức công tác xác định trị giá ngành Hải quan**



## 2.3.2. Những hạn chế, bất cập và nguyên nhân chủ yếu

### 2.3.2.1. Những khó khăn, hạn chế của cơ chế xác định trị giá tính thuế hiện hành

- *Hạn chế về cơ sở pháp lý*

- Trước hết, việc ban hành văn bản hướng dẫn của ngành hải quan còn chậm, không kịp thời và thiếu đồng bộ: Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015; Thông tư 39/2015/TT-BTC hướng dẫn và 10/7/2015 mới có QĐ 1966/QĐ-TCHQ của Tổng cục Hải quan hướng dẫn về qui trình kiểm tra, xác định trị giá. Ngay văn bản hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra, xác định trị giá và văn bản qui định về tổ chức hệ thống xác định trị giá cũng thiếu đồng bộ, chẳng hạn như việc xây dựng, ban hành qui trình xác định trị giá tính thuế nhưng gần nửa năm sau mới ban hành văn bản qui định về con người thực hiện: ai làm, trình độ thế nào, đã được đào tạo các khoá tập huấn về công tác xác định trị giá hay chưa?... Hoặc có qui định nhưng không rõ ràng và thực hiện thiếu dứt khoát, chẳng hạn qui định của Ngành hải quan đối với công chức thừa hành là 3 năm phải đảo đổi, chuyên môn công tác một lần nên nhiều khi khó bố trí cán bộ có chuyên môn sâu về kiểm tra, xác định trị giá.

Sự thiếu đồng bộ còn thể hiện giữa văn bản ban hành của cơ quan hải quan, của Bộ Tài chính và các văn bản do các ngành khác hướng dẫn liên quan đến công tác xác định trị giá.

- Thứ ba, nội dung các văn bản hướng dẫn của cơ quan hải quan có lúc còn chưa phù hợp với quy định của Luật, Thông tư, Hiệp định và chậm được thay đổi: Công văn 905/TCHQ-TXNK quy định việc ấn định thuế sau khi tham vấn mà doanh nghiệp không khai báo bổ sung là trái với quy định tại Thông tư 38/2015/TT-BTC, do đó trên thực tế rất nhiều trường hợp truy thu thuế do xác định lại trị giá gặp nhiều khó khăn mà phần lớn là không thu được khoản chênh lệch thuế do xác định lại trị giá tính thuế cao hơn giá khai báo, gây ra khiếu nại, khiếu kiện kéo dài mà thuế thì vẫn không thu được.

- Thứ tư, ban hành một số văn bản pháp lý còn thiếu tính thực tế do đó cán bộ hải quan và doanh nghiệp gặp nhiều vướng mắc trong thực hiện: Quy định thẩm quyền tham vấn giá chủ yếu tập trung tại Cục Hải quan tỉnh, thành phố (do phòng Trị giá hoặc bộ phận giá thuộc phòng Nghiệp vụ thực hiện) dẫn đến tình trạng làm việc quá tải dẫn đến hậu quả là: (i) cán bộ trị giá hải quan làm việc qua loa, không chính xác, nhiều khi ra quyết định trị giá mang tính áp đặt; (ii) do công việc quá nhiều nên các thông báo tham vấn gửi đi doanh nghiệp chậm hàng vài tháng kể từ ngày thông quan hàng hóa.

- Thứ năm, các chế tài qui định về xử phạt VPHC do khai báo không trung thực về giá tính thuế còn thiếu hoặc có qui định nhưng chung chung, không có hướng dẫn cụ thể nên không thực hiện được .

- Thứ sáu, một số vấn đề thiếu cơ sở pháp lý cho một số hoạt động hỗ trợ việc kiểm tra và xác định trị giá như: Chi phí thẩm định, giám định giá trong trường hợp doanh nghiệp xuất trình hoá đơn không phù hợp với giá bán thực tế trên thị trường nội địa, chi phí trung cầu chuyên gia thẩm định giá, vấn đề sử dụng các thông tin giá do các cơ quan thương vụ, đại sứ quán, tình báo hải quan,... tại các nước cung cấp, chi phí giám định chứng từ nghi ngờ giá mạo,...

- Thứ bảy, cơ chế về quản lý tài chính, quản lý tiền tệ còn lỏng lẻo, thiếu đồng bộ: Việc kiểm tra các nguồn thanh toán của doanh nghiệp qua các kênh thanh toán còn rất khó khăn, đặt biệt hiện tượng sử dụng tiền mặt để thanh toán trong thương mại (cả nội địa lẫn quốc tế) còn diễn ra phổ biến rất khó khăn cho việc kiểm soát các khoản thanh toán của doanh nghiệp.

- Những hạn chế trong hệ thống tổ chức và sử dụng nguồn lực con người

Chưa xây dựng được một đội ngũ cán bộ xác định trị giá đồng đều từ Tổng cục Hải quan xuống các Chi cục, mô hình tổ chức còn nhiều bất cập, chưa thống nhất trong toàn ngành Hải quan [47, tr.8].

Trình độ cán bộ giá còn yếu, còn thiếu về số lượng, nguồn tuyển dụng chưa hợp lý, chưa có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ giá lâu dài hoặc có đào tạo nhưng lại sử dụng chưa hợp lý.

Thiếu cán bộ giá chuyên sâu, có khả năng đào tạo, tập huấn và hướng dẫn nghiệp vụ xác định trị giá tính thuế ở tầm chuyên gia trong lĩnh vực này.

Công tác bố trí, điều động, luân chuyển cán bộ giá trong toàn Ngành Hải quan còn chưa phù hợp, chưa mang tính chuyên sâu. Việc phối hợp trong công tác quản lý giá giữa 03 cấp: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan địa phương và các Chi cục Hải quan chưa được thực hiện hoặc được thực hiện nhưng mang tính sự vụ, manh mún, chưa có tính hệ thống [47, tr.9].

- *Những hạn chế về quy trình nghiệp vụ xác định giá tính thuế*

Quy trình kiểm tra xác định trị giá tính thuế ban hành tại Quyết định 1636/QĐ-TCHQ đã được sửa đổi, bổ sung phù hợp hơn so với các qui trình trước đây, tuy nhiên qui trình này vẫn còn một số hạn chế sau:

*Thứ nhất*, hầu như chỉ chú trọng việc kiểm tra, xác định trị giá tại khâu thông quan và tập trung hướng dẫn các bước kiểm tra, xác định trị giá thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu. Việc kiểm tra từ xa tại Cục Hải quan tỉnh được đề cập không nhiều, không cụ thể. Đặc biệt việc kiểm tra của bộ phận giá của Vụ Kiểm tra thu thuế - Tổng cục hải quan hầu như không được đề cập trong qui trình này.

*Thứ hai*, mối quan hệ phối hợp trong việc kiểm tra, xác định trị giá giữa khâu thông quan và khâu sau thông quan (Chi cục kiểm tra sau thông quan, đội kiểm soát chống buôn lậu, phòng tham mưu điều tra, thanh tra) được qui định trong qui trình đã được đề cập nhưng chưa rõ nét, chưa qui định rõ các trường hợp nào chuyển hồ sơ về bộ phận kiểm tra sau, chuyển những hồ sơ nào, qui trình luân chuyển hồ sơ thế nào, nhất là khâu cung cấp các thông tin nghi ngờ. Trường hợp nào bộ phận kiểm tra sau thông quan có thể yêu cầu cung cấp hồ sơ để kiểm tra nếu có thông tin về dấu

hiệu vi phạm của doanh nghiệp về giá mà không cần phải chờ Chi cục hay phòng giá chuyên theo phiếu chuyên nghiệp vụ.

*Thứ ba*, qui định về thẩm định hồ sơ, thẩm định về giá chưa được qui định trong qui trình như: Trường hợp nào phải thẩm định, thẩm định ở đâu, chi phí thẩm định do cơ quan hải quan hay doanh nghiệp chịu và chịu trong trường hợp nào (chẳng hạn, nếu doanh nghiệp sai thì doanh nghiệp phải chịu chi phí, doanh nghiệp đúng thì hải quan phải chịu)

*Thứ tư*, qui định về thời gian kiểm tra tham vấn trong khâu thông quan là 30 ngày (ngày theo lịch) kể từ ngày mở tờ khai hải quan là chưa phù hợp vì tại thông tư 39/2018/TT-BTC thì không còn khái niệm hiệu lực của tờ khai là 15 ngày kể từ ngày đăng ký.

*Thứ năm*, cũng như Thông tư 39, qui trình chưa đề cập đến việc xử phạt hành chính khi doanh nghiệp vi phạm khai báo giá thấp hơn thực tế mua bán dẫn đến việc tham vấn nhiều, ùn tắc hồ sơ.

*Thứ sáu*, qui trình hiện hành phân chia hàng hoá nhập khẩu làm 3 loại để tiến hành các bước kiểm tra, xác định trị giá khác nhau là bất cập: Hàng hoá thuộc diện QLRR về giá (dữ liệu giá do Tổng cục Hải quan ban hành); hàng hoá trọng điểm (do Cục hải quan địa phương rà soát và ban hành) và hàng hoá khác. Trong đó qui định hàng hoá khác này không phải tham vấn, kể cả trường hợp có nghi ngờ về mức giá khai báo. Mức giá dữ liệu của hàng hoá QLRR và hàng hoá trọng điểm cũng được ban hành theo dạng giá "chuẩn" để làm cơ sở xác định nghi vấn về giá. Điều này dễ dẫn đến tình trạng doanh nghiệp cố tình khai sai tên hàng, model, sai xuất xứ... để được xếp vào loại hàng khác nhằm tránh tham vấn của cơ quan hải quan.

*Thứ bảy*, qui định về phương pháp tham vấn chưa được đổi mới, chủ yếu theo ba rem định sẵn, không phát huy được tính sáng tạo của cán bộ làm công tác tham vấn, vì vậy hồ sơ tham vấn nhiều mà đạt hiệu quả công tác tham vấn còn rất thấp. Do vậy, hiện nay đa phần chấp nhận trị giá khai báo sau tham vấn (chiếm tỷ lệ từ 70 đến 80% trên tổng số lô hàng phải tham vấn giá), việc bác bỏ trị giá khai



báo sau tham vấn chiếm tỷ lệ rất thấp chỉ đạt từ 20 đến 30% trên tổng số lô hàng tham vấn [47, tr.7].

- *Những hạn chế về hệ thống thông tin dữ liệu giá*

Hệ thống thông tin dữ liệu giá bước đầu đã đem lại hiệu quả nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu công tác quản lý giá hiện nay. Cụ thể là:

- *Đối với nguồn thông tin theo cơ sở dữ liệu giá GTT02*: Còn có những bất cập về mặt hạ tầng thông tin, bao gồm: Trang thiết bị phần cứng, hệ thống phần mềm, kỹ năng khai thác,....

- + Thiết bị, máy móc của ngành hải quan hiện nay chưa đáp ứng kịp đòi hỏi của công tác xác định trị giá. Tỷ lệ máy vi tính được trang bị phục vụ công tác còn thấp, trang thiết bị hỗ trợ còn chủ yếu mang tính thủ công.

- + Các phần mềm kỹ thuật phục vụ công tác trị giá hiện nay chưa đồng bộ, mang tính chắp vá gây nhiều khó khăn cho cán bộ hải quan trong việc cập nhật và khai thác dữ liệu. Các phần mềm quản lý đăng ký tờ khai, quản lý trị giá GTT02, thống kê số liệu hải quan, kê khai hải quan điện tử, cưỡng chế thuế, kế toán thuế xuất nhập khẩu v.v.. hoạt động chưa hoàn toàn tương thích và tích hợp được với nhau.

- + Thông tin dữ liệu giá trong hệ thống GTT02 thiếu độ tin cậy cao, đa số mức giá khai báo của doanh nghiệp ở trạng thái "ngghi ngờ" (dòng đỏ), dữ liệu giá ở trạng thái "dòng đen" hay "đã kiểm tra" có khoảng thời gian đến ngày tra cứu trong vòng 60 ngày là rất ít. Chưa tổ chức thu thập và cập nhật từ các nguồn thông tin khác như: giá bán trên các tạp chí, sách báo, giá trên internet, giá thị trường,... cũng như mức giá đã điều chỉnh sau tham vấn để hỗ trợ ngăn chặn xu hướng doanh nghiệp hạ thấp dần mức giá khai báo.

Việc đánh giá, phân loại các lô hàng nghi ngờ sau khi chấp nhận trị giá khai báo còn chưa chính xác, nhiều lô hàng nhập khẩu giống hệt tại cùng một Chi cục Hải quan trong cùng một thời điểm nhưng lô hàng có trị giá khai báo thấp hơn lại không xác định dấu hiệu nghi ngờ vào hệ thống.

Nhiều đơn vị cập nhật dữ liệu giá như: Cục Hải quan Quảng Nam, Cục Hải quan Nghệ An, Cục Hải quan Bình Dương,...[47, tr.10].

*- Nguồn thông tin dữ liệu giá hàng hoá QLRR do Tổng cục ban hành và danh mục dữ liệu giá hàng trọng điểm do Cục Hải quan địa phương ban hành*

*Thứ nhất:* Danh mục mặt hàng còn hạn chế, mức giá ban hành chưa nhiều và chưa sát giá thực, phải chỉnh sửa nhiều lần.

*Thứ hai:* Quy chế áp dụng dữ liệu chưa phù hợp với qui định của Hiệp định, như qui định thời điểm áp dụng dữ liệu cho tờ khai hải quan kể từ thời điểm nào đó về sau, tức là nếu tờ khai chỉ mở sau một vài ngày kể từ ngày hiệu lực của văn bản dữ liệu thì không được lấy dữ liệu của văn bản dữ liệu để so sánh, kiểm tra trị giá cho tờ khai đó, trong khi Hiệp định cho phép lấy dữ liệu trước thời điểm mở tờ khai 60 ngày, thậm chí đến 90 ngày.

*Thứ ba:* Danh mục và mức giá hàng trọng điểm chỉ được xây dựng và áp dụng trong phạm vi Cục Hải quan địa phương dẫn đến tình trạng cùng mặt hàng nhập khẩu nhưng mỗi Cục Hải quan xác định một mức giá khác nhau gây thiếu công bằng cho doanh nghiệp. Đặc biệt đối với những đơn vị hải quan làm thủ tục trong nội địa thường xác định mức giá thấp để thu hút các doanh nghiệp về làm thủ tục nhằm mang lợi ích cho địa phương mình.

*- Nguồn thông tin giá nội địa như giá chào bán trên internet, thông tin nhanh thị trường hoặc khảo sát giá thực tế thị trường không chính xác*

Nguồn thông tin này thường không chính xác vì nhiều khi doanh nghiệp nhập khẩu lại chính là người đưa giá chào bán trên mạng với mức giá chào bán tương ứng với giá khai báo cộng thêm các khoản thuế, phí và một chút lợi nhuận để đánh lừa cơ quan hải quan nhất là những mặt hàng nhập khẩu do một hoặc một vài doanh nghiệp, cá nhân độc quyền phân phối và chi phối thị trường.

- *Hạn chế trong quan hệ phối hợp của hệ thống kiểm tra, kiểm soát trị giá tính thuế*

- Sự phối hợp giữa các khâu nghiệp vụ trong nội bộ cơ quan hải quan chưa đáp ứng được yêu cầu cả về cơ chế phối hợp và thực tiễn thực hiện: Như sự phối hợp giữa các Chi cục, phòng giá với bộ phận kiểm tra sau thông quan, bộ phận kiểm soát, điều tra chống buôn lậu trong việc trao đổi thông tin nghi vấn, cung cấp hồ sơ xác định trị giá; Sự phối hợp giữa các Cục Hải quan địa phương với nhau trong việc tham khảo mức giá xác định, học tập kinh nghiệm về kỹ năng, kỹ thuật tham vấn, xác định trị giá; về xác minh hồ sơ,... Sự chỉ đạo của bộ phận giá Tổng cục đến Cục Hải quan địa phương có nhiều trường hợp chưa sát và thiếu tính kịp thời.

- Công tác phối kết hợp với các ngành khác trong việc xác định trị giá tính thuế cũng chưa áp dụng yêu cầu.

Sự phối hợp giữa cơ quan hải quan với Ngân hàng trong việc cung cấp thông tin các khoản tiền thanh toán của doanh nghiệp tuy đã có qui chế phối hợp nhưng việc xác minh cũng rất khó khăn vì cơ chế quản lý tiền tệ của Việt Nam còn quá lỏng lẻo, doanh nghiệp có thể mở một lúc nhiều tài khoản ở các Ngân hàng khác nhau mà cơ quan hải quan không thể kiểm soát được.

### ***2.3.2.2. Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, trở ngại của cơ chế xác định giá tính thuế hiện hành***

*Một, nhóm các nguyên nhân liên quan đến việc ban hành hệ thống văn bản pháp quy điều chỉnh về trị giá tính thuế hàng nhập khẩu*

- Giai đoạn đầu thực hiện việc chuyển đổi từ cơ chế xác định giá tính thuế chủ yếu dựa trên bảng giá tối thiểu sang áp dụng các cơ chế xác định giá tính thuế hiện đại trên thế giới, chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm lập quy nhằm nội luật hoá các điều ước quốc tế liên quan đến lĩnh vực trị giá tính thuế hàng nhập khẩu, nhiều văn bản pháp quy ban hành trong thời gian qua chưa tiên liệu hết các tình huống phát sinh trong thực

té dẫn đến tình trạng bất cập giữa quy định hiện hành và công tác thực tiễn tại các đơn vị Hải quan.

- Hải quan là cơ quan đang phải thực hiện rất nhiều loại văn bản liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều ngành khác nhau. Tính hệ thống và tính đồng bộ của các loại văn bản này chưa cao, thậm chí còn chồng chéo lẫn nhau, rất khó khăn cho việc thực hiện.

- Đồng thời vẫn tiếp tục áp dụng (trong phạm vi hạn chế) giá tính thuế tối thiểu đối với một số mặt hàng nhập khẩu để bảo vệ lợi ích của Nhà nước và sản xuất trong nước như thuế tuyệt đối (không phụ thuộc vào giá khai báo là bao nhiêu) đối với xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu.

*Hai, nhóm các nguyên nhân liên quan đến công tác tổ chức cán bộ và đào tạo nguồn lực con người*

- Lãnh đạo nhiều đơn vị từ cấp Cục trở xuống chưa quan tâm đúng mức đến việc đào tạo, bố trí và sử dụng cán bộ trong lĩnh vực xác định trị giá. Việc đào tạo vẫn còn thụ động trông chờ vào kế hoạch của cấp trên. Việc bố trí cán bộ không đúng chuyên môn đào tạo, cán bộ làm công tác giá không có trình độ kiến thức về kinh tế, tài chính, kế toán hoặc ngoại thương nên năng lực xử lý nghiệp vụ bị hạn chế; Công tác tuyển dụng, đề bạt và luân chuyển, chuyển chuyển cán bộ không mang tính kế thừa, không gắn với mục đích chuyên sâu, cán bộ làm công tác giá tại một số địa phương chưa qua các khoá đào tạo về xác định trị giá tính thuế hoặc đã qua đào tạo nhưng thiếu kinh nghiệm thực tiễn; cán bộ làm công tác giá một số nơi còn kiêm nhiệm các công tác khác nên không đủ thời gian nghiên cứu, xử lý chuyên sâu những vấn đề liên quan đến công tác xác định trị giá tính thuế.

- Hệ thống tổ chức trong công tác quản lý giá tính thuế còn chưa đồng bộ và chưa được chú trọng đúng mức, chưa xây dựng được mối liên kết giữa các cấp Hải quan (Tổng Cục - Cục - Chi Cục). Lực lượng làm công tác xác định trị giá còn mỏng (tại Tổng cục khoảng 17 người, tại

Cục Hải quan địa phương nơi có phòng trị giá khoảng 6-8 người, nơi không có phòng giá khoảng 1-2 người), cán bộ giá tại Chi cục còn kiêm nhiệm nhiều việc khác.

- Trình độ, năng lực của một bộ phận không nhỏ cán bộ làm công tác trị giá còn nhiều hạn chế, chưa am hiểu và thực hiện đúng các quy trình nghiệp vụ xác định giá tính thuế hiện hành.

*Ba, nhóm các nguyên nhân liên quan đến quy trình nghiệp vụ và cơ chế xử lý hành chính*

- Việc triển khai thực hiện các quy trình nghiệp vụ xác định trị giá tính thuế tại một số Cục Hải quan địa phương chưa tốt, chưa đầy đủ. Còn xuất hiện tư tưởng làm việc “cầm chừng, nghe ngóng” tình hình thực hiện tại các địa phương khác, xuất hiện tư tưởng “buông xuôi” không tổ chức hoạt động tham vấn giá hoặc chỉ tổ chức mang tính hình thức sau đó vẫn chấp nhận trị giá khai báo để “hút hàng” về địa phương mình làm thủ tục nhập khẩu.

- Chưa xây dựng được mối liên kết giữa các Cục Hải quan địa phương trong việc trao đổi thông tin, kinh nghiệm khi tham vấn và đấu tranh bác bỏ trị giá khai báo đối với các lô hàng có nghi ngờ nên đã xuất hiện xu hướng các doanh nghiệp “chạy” từ địa phương này sang địa phương khác để khai báo trị giá thấp làm thất thu cho ngân sách Nhà nước.

- Công tác tuyên truyền về trị giá hải quan đến doanh nghiệp chưa được quan tâm đúng mức, chưa có hệ thống và hiệu quả không cao dẫn đến nhiều doanh nghiệp chưa am hiểu một cách đầy đủ, tường tận quy trình xác định trị giá tính thuế hiện hành nên nhận thức về quyền và nghĩa vụ còn hạn chế. Đa số các doanh nghiệp chỉ nhận thức về mặt quyền lợi (được áp giá tính thuế theo trị giá giao dịch thực tế, không bị áp đặt theo trị giá tối thiểu như trước kia) nhưng chưa tự giác thực hiện các nghĩa vụ như: Khai báo trung thực trị giá, cung cấp các thông tin về giá và trả lời các câu hỏi nghi vấn của cơ quan Hải quan trong quá trình tham vấn...

- Ý thức chấp hành pháp luật của doanh nghiệp chưa cao, có hiện tượng doanh nghiệp lợi dụng sự lỏng lẻo của chính sách giá để khai báo trị giá thấp nhằm mục đích trốn thuế gây thất thu cho ngân sách.

- Chế tài về xử lý hành chính trong việc doanh nghiệp khai thiếu thuế do giá khai báo thấp hơn giá thực tế mua bán chưa được quy định rõ ràng và trên thực tế toàn ngành Hải quan chưa xử phạt hành chính đối với doanh nghiệp nào với hành vi khai báo giá thấp hơn thực tế mặc dù đã tiến hành bác bỏ trị giá khai báo, xác định lại trị giá tính thuế, ấn định số thuế phải nộp cao hơn mức thuế khai báo và doanh nghiệp đã chấp nhận nộp phần thuế chênh lệch này.

*Bốn, nhóm các nguyên nhân liên quan đến nguồn thông tin dữ liệu giá và hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin*

*\* Nguyên nhân về nguồn thông tin dữ liệu giá*

- Nguồn thông tin dữ liệu phục vụ công tác tham vấn giá còn thiếu và yếu. Nguồn thông tin trong nước về giá hàng hoá bán ra hạn chế và không chính xác, thậm chí bị bung bít nhất là đối với hàng hoá có thuế suất cao, trị giá lớn như ô tô, xe máy, hàng điện tử, điện lạnh,... Điều đó là do:

+ Những loại hàng hoá này thường do một vài chủ đầu nậu kết nối, hiệp tác với nhau chi phối, khống chế việc nhập khẩu và bán hàng, giá bán hàng thường được thống nhất trên thị trường cả nước.

+ Cơ chế quản lý hoá đơn của cơ quan thuế nội địa còn lỏng, việc doanh nghiệp bán hàng viết hoá đơn thấp hơn nhiều (thường chỉ bằng 60-70%) so với giá thực tế mua bán diễn ra phổ biến trên thị trường nội địa (thường giá bán ghi trên hoá đơn bán hàng nội địa chỉ xấp xỉ cao hơn giá thành hàng hoá nhập khẩu, tức là giá nhập khẩu + thuế các loại + chi phí quản lý). Cơ quan thuế nội địa cũng đã có những chế tài quản lý chẳng hạn quy định nếu doanh nghiệp ghi giá hoá đơn thấp hơn 10% giá bán thực tế thì áp giá bán thực tế để xác định thu nhập doanh nghiệp nhưng với gần 350.000 doanh nghiệp trong cả

nước với nhiều thủ đoạn mua bán vòng vèo, việc thanh tra, kiểm tra chỉ đủ sức làm đại diện khoảng 7-10% thì việc kiểm soát giá của cơ quan thuế nội địa cũng không thể nào kiểm soát hết được.

+ Chính sách thương mại điện tử cũng đã được luật hoá theo Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005 nhưng hiệu ứng thực tế chưa cao. Việc Doanh nghiệp đưa “giá bán ma” tức là giá bán thấp hơn thực tế chào trên các trang Web thông dụng trong nước, thậm chí cả những trang Web nước ngoài hoặc trang Web của chính doanh nghiệp nhằm đối phó với cơ quan hải quan cũng đã diễn ra nhiều mà chưa có chế tài quản lý cũng như biện pháp ngăn chặn.

- Nguồn thông tin giá thu thập từ nước xuất khẩu và từ các hãng sản xuất hạn chế nhiều do Việt Nam chưa có các tùy viên hải quan, tình báo hải quan, cơ sở hay đặc tình của hải quan,... tại các nước xuất khẩu, chưa có cơ chế về việc cung cấp thông tin giá và thẩm định chứng từ, thẩm định doanh nghiệp xuất khẩu nước ngoài từ các đại sứ quán, từ các tùy viên thương mại, từ cơ quan tình báo hải quan khu vực, từ Ủy ban định giá hải quan của WCO,... cho Hải quan Việt Nam. Nguồn dữ liệu giá xuất khẩu chủ yếu dựa vào thông tin trên các trang Web của các hãng sản xuất. Việc xác định các chi phí sản xuất, lưu thông phát sinh tại nước xuất khẩu làm căn cứ xác định trị giá tính thuế theo phương pháp tính toán đã được qui định tại Thông tư 39/2015/TT-BTC nhưng thực tế hầu như chưa thực hiện được vì không thu thập được những thông tin về các loại chi phí này.

- Nguồn dữ liệu giá hiện nay chủ yếu dựa trên các mức giá khai báo và giá tính thuế đã xác định được tổng hợp từ các Chi cục theo chương trình quản lý giá GTT02. Theo đánh giá hiện nay có tới 70% mức giá trong dữ liệu giá này là thấp hơn giá thực thể mua bán.

*\* Nguyên nhân về cơ sở hạ tầng và kỹ thuật công nghệ thông tin*

- Việc đầu tư hệ thống mạng cục bộ (LAN), mạng diện rộng (WAN) của Ngành Hải quan thời gian qua được chú trọng nhưng chưa đồng bộ.

Tình trạng “ngheñ mạch”, “rót mạng” trong quá trình truyền, nhận thông tin về giá tính thuế giữa các cấp hải quan vẫn còn xảy ra khá phổ biến trong thời gian qua.

- Hệ thống phần mềm quản lý giá tính thuế GTT02 còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được nhu cầu tác nghiệp thực tế như: Thiếu thông tin từ các nguồn thông tin thu thập từ trị giá khai báo của doanh nghiệp để phục vụ công tác kiểm tra, xác định trị giá của cơ quan Hải quan; danh mục dữ liệu giá GTT02 không được cập nhật, bổ sung kịp thời trên hệ thống để phục vụ công tác tra cứu, thực hiện; việc kết xuất thông tin phục vụ công tác thống kê, báo cáo chưa được tiện ích.

- Về mặt chủ quan còn do ý thức trách nhiệm của một bộ phận cán bộ công chức còn chưa cao, chưa thấy được tầm quan trọng của việc cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin về trị giá vào hệ thống dữ liệu giá tính thuế của toàn Ngành. Việc cập nhật thông tin chưa thực hiện nghiêm túc theo qui trình thủ tục hải quan và qui trình xác định giá bởi vậy dữ liệu thường không đồng bộ và độ chính xác của dữ liệu không cao.

*Năm, nhóm các nguyên nhân liên quan đến hệ thống kiểm tra, kiểm soát*

Ngành Hải quan chưa xây dựng quy chế phối hợp trong công tác kiểm tra, kiểm soát giá tính thuế cả theo chiều dọc lẫn chiều ngang.

*Theo chiều dọc:*

- Chưa xây dựng quy chế phối hợp giữa lực lượng làm công tác giá thuộc Hải quan các cấp (giữa Tổng cục Hải quan - các Cục Hải quan địa phương - các Chi cục Hải quan, giữa các cục Hải quan địa phương và giữa các Chi cục Hải quan với nhau). Phần mềm quản lý thông tin trị giá tính thuế của ngành Hải quan hiện nay chưa có chức năng cung cấp thông tin về tình hình tham vấn, kết quả xác định giá tính thuế, bác bỏ giá tính thuế, điều chỉnh giá tính thuế, tình hình gian lận thương mại giữa các địa phương với nhau, giữa Tổng Cục Hải quan với Hải quan địa phương để hỗ trợ đắc lực cho công tác kiểm tra, kiểm soát trị giá khai báo. Chưa xây



dựng được “*Sổ tay (hay cẩm nang) công tác kiểm tra, tham vấn xác định trị giá*” làm kinh nghiệm chung cho toàn ngành.

- Chúng ta chưa thiết lập tốt mối quan hệ giữa Ủy ban định giá Hải quan thuộc WCO và hải quan Việt Nam để được hỗ trợ về kỹ thuật tham vấn, thẩm định giá tại nước xuất khẩu, thẩm định chứng từ,...

*Theo chiều ngang:*

Chưa xây dựng quy chế phối hợp giữa lực lượng làm công tác xác định trị giá Hải quan với lực lượng kiểm tra sau thông quan trong việc kiểm tra các lô hàng sau tham vấn nhưng vẫn còn nghi ngờ về tính trung thực của trị giá khai báo; giữa lực lượng làm công tác xác định trị giá Hải quan với lực lượng điều tra chống buôn lậu để kịp thời phát hiện hình thức, phương thức thủ đoạn gian lận thương mại qua giá; giữa lực lượng làm công tác xác định trị giá Hải quan với các cơ quan như: Thuế nội địa, công an, ngân hàng, cơ quan thương vụ Việt Nam ở nước ngoài,... để xác minh trị giá khai báo đối với những trường hợp phức tạp có dấu hiệu gian lận thương mại lớn, tổ chức kiểm tra sau thông quan đối với các lô hàng sau tham vấn nhưng vẫn còn nghi ngờ về tính trung thực của trị giá khai báo.

### **Chương 3**

## **QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM**

### **3.1. BỐI CẢNH HIỆN NAY VÀ QUAN ĐIỂM TIẾP TỤC HOÀN THIỆN CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU Ở VIỆT NAM**

#### **3.1.1. Bối cảnh chuyển đổi cơ chế xác định trị giá tính thuế theo phương pháp quốc gia sang phương pháp trị giá GATT/WTO**

- *Bối cảnh nền thương mại quốc tế của nước ta hiện nay liên quan đến việc chuyển đổi cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu*

Để đưa ra các giải pháp hoàn thiện cơ chế xác định trị giá hải quan, cần thiết phải nghiên cứu những tác động của bối cảnh thương mại quốc tế ở nước ta hiện nay ảnh hưởng đến yêu cầu quản lý hải quan trong lĩnh vực trị giá cũng như yêu cầu đổi mới trong hiện đại hoá quản lý hải quan.

*- Bối cảnh môi trường kinh doanh xuất nhập khẩu*

Trong lĩnh vực hải quan, một trong những nguyên tắc chúng ta phải thực hiện đó là xác định trị giá hàng nhập khẩu theo Hiệp định trị giá WTO. Để triển khai tốt nguyên tắc này nhưng vẫn bảo vệ được môi trường kinh doanh bình đẳng, từng bước tăng cường khả năng cạnh tranh thương mại cho hàng hoá và doanh nghiệp Việt Nam, đòi hỏi Chính phủ và ngành hải quan phải nội luật hoá một cách linh hoạt các nội dung của Hiệp định.

Có thể nói trong thời gian tới môi trường kinh doanh của Việt Nam sẽ có những biến đổi căn bản theo những chiều hướng xuất hiện các loại hình hoạt động kinh tế, nhiều loại hình kinh tế mang tính đặc trưng:

*Hình thành nên nhiều doanh nghiệp có vốn nước ngoài có qui mô ngày càng mở rộng:* Về cơ bản, đối tác nước ngoài lựa chọn loại hình doanh nghiệp này nhằm giảm bớt rủi ro do về mặt chính sách. Về lâu dài, thuế quan không phải là trở ngại vì các sắc thuế sẽ phải giảm dần theo lộ trình hội nhập, nhưng những hàng rào phi thuế quan như văn hoá tiêu dùng, điều kiện về kỹ thuật v.v.. sẽ là những vấn đề lớn. Hình thức đầu tư liên doanh này sẽ phát triển mang tính đột phá vì thị trường Việt Nam là thị trường tiềm năng để các công ty nước ngoài tìm đến. Tình trạng nhập khẩu nguyên liệu, thành phẩm sẽ trở nên phức tạp hơn bởi các mối quan hệ phức tạp giữa các đối tác kinh doanh. Đây là một thách thức lớn trong xác định trị giá giao dịch thực tế của các hoạt động ngoại thương vì các điều kiện thương mại đa dạng hơn, phương thức thanh toán linh hoạt hơn. Thực tế này đòi hỏi phải hoàn thiện, nâng cao tầm hiểu biết của cán bộ trị giá hải quan về lĩnh vực thương mại và thanh toán ngân hàng.

Với tiềm lực và thế lực lớn mạnh, các tập đoàn kinh tế thông qua việc tài trợ một khoản ưu đãi cho nước chủ nhà để tạo sức ép với Chính phủ can thiệp vào công việc của các công ty thành viên nhằm có được lợi thế cạnh tranh. Hình thức này thể hiện rất rõ đối với các tập đoàn kinh tế của Nhật Bản tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 như Honda, Cannon v.v.. Họ có mối quan hệ cổ đông với các ngân hàng lớn của Nhật Bản mà những ngân hàng này tài trợ cho Việt Nam dưới các dạng vốn ODA, vốn vay ưu đãi JIBIC. Thời gian qua, các công ty này luôn đàm phán với Chính phủ để được hưởng mức ưu đãi lớn về mặt thủ tục, chính sách, thuế các loại v.v.. Với cách xâm nhập thị trường như vậy có khả năng dẫn tới các gian lận về chuyển giá nhằm trốn thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khai tăng giá làm tăng giá trị khấu hao tài sản cố định v.v.. Áp lực với cơ quan hải quan là phải hoàn thiện cơ sở đảm bảo thông tin giá cả thị trường nước xuất khẩu, về mối quan hệ kinh tế giữa các công ty trong các tập đoàn kinh tế.

*Lộ trình nội địa hoá theo kế hoạch:* Về bản chất, nội địa hoá là một quá trình dần dần mở rộng sự tham gia của các thể nhân và pháp nhân thuộc Việt

Nam vào trong mọi công đoạn hoạt động của công ty. Nội địa hóa theo kế hoạch có thể giúp sinh lời và rất thiết thực với các nhà đầu tư, tạo thêm nhiều việc làm cho nhân công trong nước, sử dụng được nhiều nguồn lực quốc nội, mang lại giá trị gia tăng và đóng thuế nhiều hơn cho Nhà nước.

Tuy nhiên, sản xuất nội địa hóa dễ bị lợi dụng để tránh hàng rào thuế quan cao như hiện tượng xé lẻ, tháo rời sản phẩm nguyên chiếc có thuế suất cao thành linh kiện rời nhập khẩu với mức thuế suất thấp. Với những trường hợp tỷ lệ nội địa hóa được xác định trên cơ sở tỷ lệ giữa giá phần linh kiện nhập khẩu và giá thành sản phẩm thì khả năng gian lận qua giá sẽ xảy ra bằng cách giảm giá linh kiện đầu vào, tăng giá phần linh kiện sản xuất. Làm như vậy doanh nghiệp sẽ tăng được tỷ lệ nội địa hóa từ đó giảm thuế suất thuế nhập khẩu. Thực trạng này đặt ra yêu cầu phải xây dựng cơ sở thông tin về doanh nghiệp, bám sát hoạt động của doanh nghiệp, hoàn thiện các phương pháp kiểm tra sau thông quan trong lĩnh vực giá, đặc biệt là phương pháp kế toán, kiểm toán.

*Các hình thức kinh doanh theo kiểu gia công, nhập nguyên liệu sản xuất hàng xuất khẩu sẽ phát triển mạnh mẽ:* Lợi thế của hình thức này là khai thác được vốn từ nước ngoài đồng thời tận dụng được nguồn nhân công giá rẻ trong nước. Lợi dụng chính sách miễn thuế khi nhập khẩu nguyên liệu đối với loại hình gia công bằng cách khai thấp trị giá, nên khi chuyển đổi mục đích sử dụng doanh nghiệp thường được hưởng mức giá tính thuế thấp. Trước thực trạng này đòi hỏi phải hoàn thiện cơ sở pháp lý về qui trình xác định giá riêng cho loại hình gia công, nhập sản xuất hàng xuất khẩu.

*- Bối cảnh hiện đại hoá công tác quản lý hải quan*

Hải quan Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi từ “tư duy quản lý” với những “đặc quyền, đặc ân” của cơ quan công quyền sang “tư duy phục vụ”, xem đối tượng phục vụ là đối tác trong cộng đồng Doanh nghiệp - Hải quan nhằm đáp ứng sự phát triển kinh tế quốc tế và hài hoà với phương thức hoạt động của tổ chức hải quan thế giới. Yêu cầu cấp bách là phải cải cách, đổi mới phương thức quản lý của cơ quan hải quan theo hướng hiện đại hoá, đặc biệt là trong lĩnh vực xác định trị giá. Mọi sự đổi mới đều nhằm phục vụ yêu cầu khả năng giải phóng hàng nhanh; thủ tục hải quan gọn nhẹ, linh hoạt; nghiêm túc trong thực thi cơ chế chính sách phù hợp pháp luật quốc gia và

thông lệ quốc tế; xác định thuế chính xác, đảm bảo nguồn thu cho NSNN; đảm bảo thực thi các điều ước quốc tế đã cam kết.

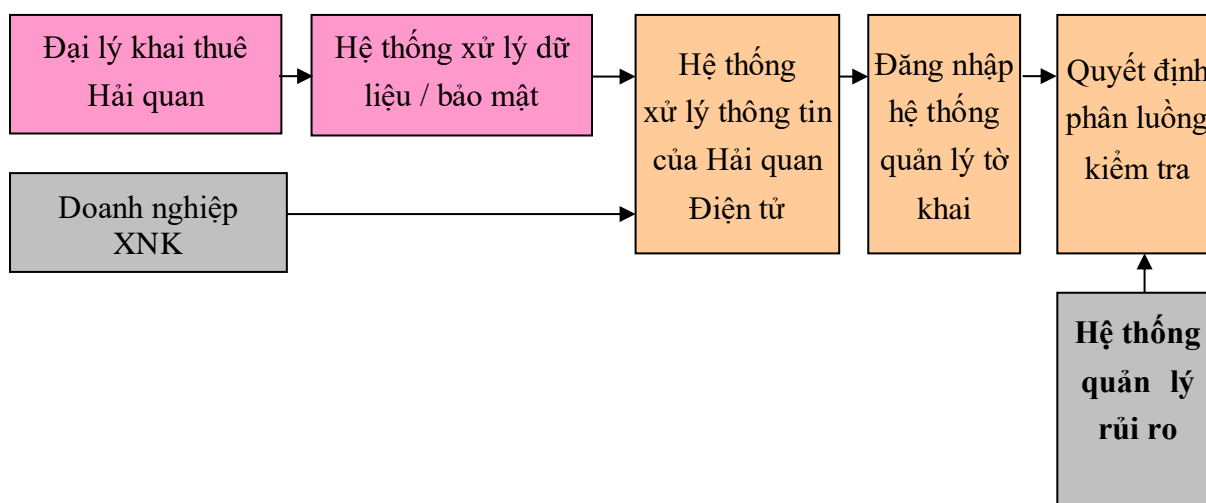
Để đạt được những yêu cầu trên, Hải quan Việt Nam đã thiết lập cơ chế tự khai, tự tính thuế. Hỗ trợ cho hệ thống này, cần tiếp tục đẩy mạnh triển khai các mô hình quản lý hiện đại dựa trên các cam kết quốc tế. Những mô hình hiện đại đang được triển khai và tiếp tục hoàn thiện, gồm:

*Một là, mô hình thông quan điện tử*

Thông quan điện tử là mô hình hoạt động theo đó sự trao đổi giao dịch giữa doanh nghiệp và cơ quan hải quan hầu như dựa trên dữ liệu điện tử. Đây là hình thức thông quan tiên tiến thực hiện dưới dạng “thủ tục phi giấy tờ” được áp dụng ở hầu hết các nước phát triển và đang phát triển. Bản chất của mô hình này là dựa trên cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại.

Việc triển khai mô hình thông quan điện tử làm gọn nhẹ, linh hoạt các khâu thủ tục hải quan, góp phần giảm thời gian đi lại của doanh nghiệp; rút ngắn thời gian thông quan hàng hoá; giảm chi phí hành chính cho cả doanh nghiệp lẫn cơ quan hải quan; tạo ra môi trường làm việc văn minh, hiệu quả, tính minh bạch cao, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp và cơ quan hải quan; giảm tối đa rủi ro gian lận thương mại do hạn chế môi trường tiếp xúc trực tiếp giữa doanh nghiệp và cán bộ hải quan; thúc đẩy thương mại quốc tế phát triển.

### **Sơ đồ 3.1: Mô hình hệ thống khai hải quan điện tử**



Hiện tại có hai cách thực hiện việc khai báo hải quan đó là: Đại lý hải quan (trước đây gọi là đại lý khai thuế) thực hiện dịch vụ làm thủ tục hải quan và trực tiếp các doanh nghiệp tiến hành thủ tục với cơ quan hải quan.

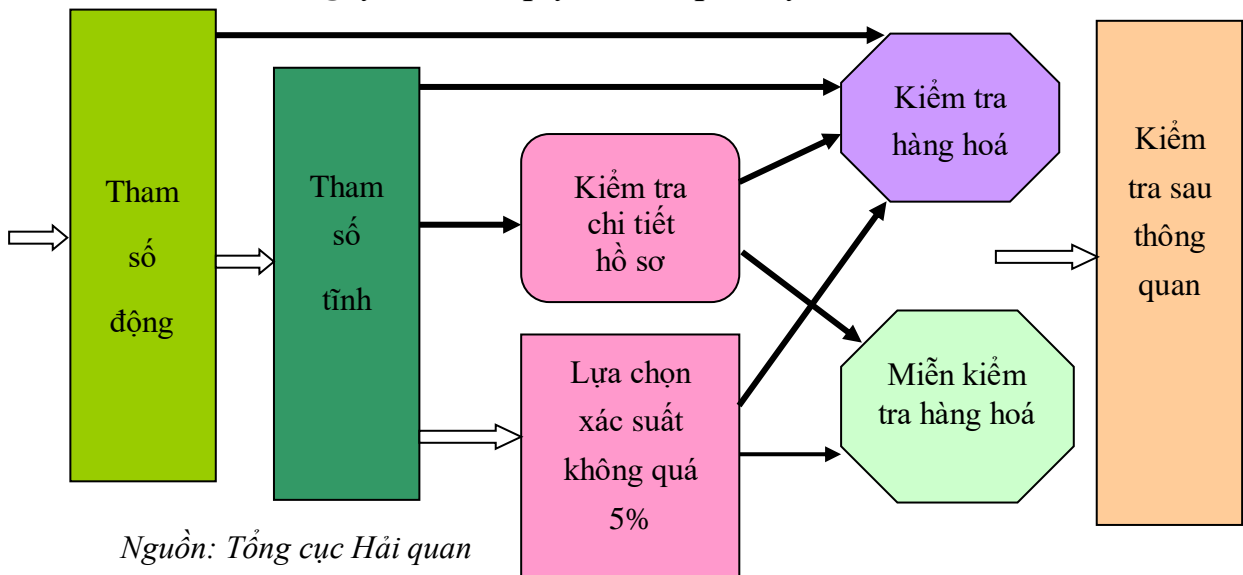
*Hai là, thực hiện quản lý rủi ro*

Kỹ thuật quản lý rủi ro (QLRR) là một khái niệm mới, một nội dung nghiệp vụ mới khó cả về khía cạnh nhận thức và tổ chức áp dụng. Quản lý rủi ro là vấn đề cấp thiết phải triển khai trong mô hình quản lý hải quan hiện đại.

"Quản lý rủi ro" là một quy trình được xác định nhằm hỗ trợ cho quá trình ra quyết định trên cơ sở nhận thức được các rủi ro tiềm tàng và những tác động của nó. Quản lý rủi ro gắn liền với việc xác định các cơ hội xảy ra rủi ro và việc đề ra các giải pháp đối phó với các thiệt hại do rủi ro gây ra. Nhờ đó có thể cải tiến được chất lượng, hiệu quả công việc và đảm bảo an toàn trong hoạt động.

Ngày 31/12/2005 Tổng cục Hải quan đã ban hành quyết định số 2148/QĐ-TCHQ về "Quy chế áp dụng quản lý rủi ro trong quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại". Quyết định cũng quy định về bộ tiêu chí quản lý, đánh giá và thẩm quyền thực hiện của các cấp hải quan. Bộ tiêu chí QLRR gồm: Các nhóm tiêu chí ưu tiên, nhóm tiêu chí đánh giá phân loại doanh nghiệp, nhóm tiêu chí phân loại hàng hóa, nhóm tiêu chí về xuất xứ v.v..

**Sơ đồ 3.2: Quy trình ra quyết định quản lý rủi ro**



Áp dụng qui trình QLRR, doanh nghiệp tự khai báo, tính thuế. Hình 3.2 cho thấy sau khi dữ liệu về tờ khai nhập khẩu được nhập máy, phần mềm QLRR sẽ phân tích tự động trên cơ sở các tham số động, tham số tĩnh thu thập được. Kết quả của việc phân tích là máy tính sẽ tự động phân loại lô hàng

nhập khẩu vào một trong ba luồng: xanh, vàng, đỏ. Nếu vào luồng xanh, hàng hóa sẽ được thông quan ngay mà không cần kiểm tra thực tế hàng hóa. Nếu vào luồng vàng, cán bộ hải quan sẽ kiểm tra chi tiết hồ sơ và miễn kiểm tra hàng hóa. Nếu vào luồng đỏ thì cần thiết phải kiểm tra chi tiết hồ sơ cũng như hàng hóa nhập khẩu.

Phải nói rằng quy trình quản lý rủi ro được áp dụng là một bước tiến quan trọng của Hải quan Việt Nam. QLRR góp phần quan trọng trong việc rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại, mặt khác cũng khuyến khích sự tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp.

Phân luồng thông quan hàng hóa theo nguyên tắc QLRR đặt ra vấn đề lớn đối với việc áp dụng các phương pháp xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu. Với gần 80% lô hàng nhập khẩu được phân loại vào luồng xanh, cần thiết phải hoàn thiện cơ sở để quản lý trị giá đối với những lô hàng thông quan theo luồng xanh.

#### *Ba là, thực hiện quản lý sự tuân thủ*

Cùng với việc thực hiện kỹ thuật quản lý rủi ro, thì cơ quan hải quan áp dụng mô hình quản lý sự tuân thủ. Theo nghĩa chung nhất thì "quản lý sự tuân thủ" là việc cơ quan hải quan áp dụng các nguyên tắc quản lý rủi ro để thực hiện vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

Mục tiêu quản lý sự tuân thủ là đảm bảo sự tuân thủ pháp luật Hải quan của các doanh nghiệp, sự hoàn thành vai trò, trách nhiệm của cơ quan hải quan.

Để áp dụng thành công các phương pháp xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu theo Hiệp định trị giá GATT/WTO thì các đối tượng liên quan phải thực hiện tuân thủ đúng quy trình xác định trị giá hải quan, qui trình tham vấn giá, qui trình KTSTQ trong lĩnh vực giá và các quy định khác của pháp luật. Nếu không tuân thủ theo quy định sẽ dẫn đến phá vỡ hệ thống và không đạt được mục tiêu quản lý.

Nguyên tắc quản lý sự tuân thủ là sử dụng các nguyên lý quản lý rủi ro làm nền tảng cơ bản, kiểm tra sau thông quan là công cụ hiệu quả để rà soát, đánh giá sự tuân thủ của các đối tượng trong hoạt động hải quan.

Trong lĩnh vực trị giá hải quan, việc tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp cũng như cán bộ hải quan có ý nghĩa rất lớn. Do vậy cần thiết phải hoàn thiện cơ sở pháp lý về trị giá hải quan theo hướng tạo điều kiện tối đa cho các doanh nghiệp có ý thức tuân thủ pháp luật.

*Bốn là, thực hiện các cam kết quốc tế trong lĩnh vực hải quan*

Song song với việc triển khai ứng dụng các mô hình quản lý mới thì Hải quan Việt Nam cũng cần phải thực hiện các điều ước, cam kết quốc tế mà chính phủ đã ký trong khuôn khổ WTO, WCO, ASEAN, APEC, Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, các Hiệp định song phương với các nước. Trên cơ sở đánh giá thực trạng hệ thống pháp luật về hải quan, nhằm nội luật hoá các cam kết quốc tế vào các văn bản pháp luật của hải quan. Có thể kể các cam kết quốc tế trong lĩnh vực hải quan bao gồm:

*Trong khuôn khổ ASEAN* có Hiệp định Hải quan ASEAN, Hiệp định quá cảnh ASEAN.

*Trong khuôn khổ APEC*: Tiểu ban thủ tục hải quan của APEC bắt đầu thực hiện việc xây dựng các cam kết nhằm hài hoà thủ tục Hải quan giữa các nền kinh tế dựa trên các chuẩn mực của WCO.

*Trong khuôn khổ WCO*: Là một thành viên WCO, Hải quan Việt Nam phải thực hiện các cam kết cụ thể sau:

- Công ước KYOTO là Công ước quan trọng nhất về thủ tục hải quan và kiểm tra giám sát hải quan nhằm đơn giản hoá và làm hài hoà thủ tục hải quan.

- Công ước về tạm quản hàng hoá liên quan đến việc cho hàng hoá được đưa vào một lãnh thổ hải quan theo chế độ tạm quản nhằm tạo thuận lợi cho việc tạm nhập, tạm xuất hàng hoá không phải nộp thuế hoặc các thủ tục liên quan khác thông qua việc ban hành và sử dụng bộ chứng từ mang tính quốc tế và các biện pháp đảm bảo tương ứng.



*Trong khuôn khổ WTO: Các cam kết liên quan đến hoạt động kiểm tra như: Hiệp định quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS); Hiệp định về chống bán phá giá (ADP).*

Thực tế cho thấy việc xây dựng các cơ chế xác định giá tính thuế hàng nhập khẩu theo GATT chưa tính đến các nội dung mà Việt Nam đã cam kết như: qui trình thủ tục theo Công ước KYOTO, các vấn đề về bán phá giá v.v.. trong các phương án hoàn thiện, bổ sung cơ sở áp dụng phương pháp trị giá hải quan thời gian tới phải xem xét đến các yếu tố trên. Có thể nói, để thực thi các điều ước quốc tế, trình độ Hải quan Việt Nam phải nâng lên một tầm cao mới, có như vậy mới đáp ứng được khối lượng công việc khổng lồ và theo kịp hải quan các nước trên thế giới.

### **3.1.2. Quan điểm hoàn thiện cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu ở Việt Nam**

Từ bối cảnh trên, việc hoàn thiện cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu phải dựa trên quan điểm sau:

*Một là*, phải thu hẹp và xoá bỏ hoàn toàn cơ chế xác định giá tính thuế theo phương pháp quốc gia tiến tới áp dụng duy nhất và đầy đủ hệ thống xác định giá tính thuế theo GATT cho tất cả hàng hoá nhập khẩu (không phân biệt nguồn gốc, xuất xứ, phương thức nhập khẩu,...) của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, nhằm thực hiện mục tiêu vừa đảm bảo ổn định được nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, vừa tạo môi trường thuận lợi, bình đẳng cho hoạt động thương mại, đầu tư phát triển.

*Hai là*, việc lựa chọn triển khai áp dụng cơ chế xác định giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu theo GATT/WTO phải là lựa chọn duy nhất.

*Ba là*, song song với việc hoàn thiện cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu phải đồng thời hoàn thiện các điều kiện cơ sở để áp dụng cơ chế một cách đồng bộ như cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ, nguồn nhân lực, cơ sở pháp lý liên quan của quốc gia,...

## **3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU Ở CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG HP KV3**

Tại các phần trên, đã phân tích thực trạng cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu hiện hành, cũng như đã nêu bật được những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế. Căn cứ vào kết quả phân tích đó, trong thời gian tới, để từng bước hoàn thiện, tiến tới xây dựng một cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu phù hợp với hội nhập kinh tế quốc tế và điều kiện hiện tại của đất nước, cần tập trung thực hiện đồng bộ những giải pháp sau:

### **3.2.1. Từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan**

Pháp luật hải quan chính là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh một nhóm quan hệ xã hội trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan. Do tính đặc thù riêng mà các quy phạm pháp luật hải quan có mối quan hệ chặt chẽ với các quy phạm pháp luật khác như hành chính, hình sự, kinh tế, môi trường cũng như các điều ước quốc tế có liên quan đến hải quan. Với các quan điểm trên, xin đưa ra một số nội dung cần hoàn thiện về cơ sở pháp lý đối với cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu như sau:

#### ***3.2.1.1. Hoàn thiện cơ sở pháp lý quy định về kiểm tra, xác định trị giá***

Nghiên cứu quy định về cơ chế kiểm tra, xác định trị giá theo những văn bản hiện hành, qua thực tế áp dụng và những hạn chế như đã phân tích, xin nêu ra một số nội dung cần phải tiếp tục hoàn thiện như sau:

*Thứ nhất*, cần quy định nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát của bộ phận giá của Vụ Kiểm tra thu thuế - Tổng cục Hải quan vào qui trình kiểm tra xác định trị giá để gắn kết trách nhiệm của các cấp trong hệ thống giá tính thuế toàn ngành.

*Thứ hai*, có các qui định làm rõ mối quan hệ phối hợp trong việc kiểm tra, xác định trị giá giữa khâu thông quan và khâu sau thông quan, đồng thời qui định cụ thể trách nhiệm, quyền hạn của lực lượng kiểm tra sau thông quan, lực lượng kiểm soát, điều tra chống buôn lậu, thanh tra trong cơ chế phối hợp của qui trình 1636: Lực lượng nào làm gì, làm vào lúc nào, trách nhiệm đến đâu? Qui trình luân chuyển hồ sơ từ khâu thông quan sang khâu sau thông quan như thế nào, nhất là việc cung cấp các thông tin nghi ngờ.

*Thứ ba*, cần qui định về việc thẩm định hồ sơ, thẩm định về giá khai báo trong qui trình như: Trường hợp nào phải thẩm định, thẩm định ở đâu, chi phí thẩm định do cơ quan hải quan hay doanh nghiệp chịu và chịu trong trường hợp nào, “trung mua” hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp trị giá khai báo thấp nhưng hải quan không đủ cơ sở bác bỏ.

*Thứ tư*, phải đồng nhất qui định về lượng thời gian kiểm tra tham vấn trong khâu thông quan (hiện tại là 30 ngày) và thời hiệu của dữ liệu tham chiếu của hàng hóa giống hệt, tương tự (lấy dữ liệu trước và sau 60 ngày kể từ ngày mở tờ khai hải quan cho lô hàng nhập khẩu, trong trường hợp phức tạp có thể mở rộng đến 90 ngày) để tránh tình trạng không có dữ liệu trong thời hạn 30 ngày, hải quan kết thúc tham vấn, đã thông báo trị giá thì ngày thứ 31 lại tìm được dữ liệu dẫn đến việc truy thu thuế khó khăn.

*Thứ năm*, có cơ chế phân cấp tham vấn trị giá phù hợp theo hướng giao việc kiểm tra, tham vấn cho Chi cục gắn với trách nhiệm hành chính, Cục Hải quan tỉnh (phòng giá hoặc phòng nghiệp vụ) chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm soát, đôn đốc, nhắc nhở và hỗ trợ các biện pháp kỹ thuật, cung cấp thông tin giá cho các Chi cục, không nên tập trung tham vấn toàn bộ hồ sơ tại Cục Hải quan tỉnh (Cơ chế phân cấp này trước thời điểm quyết định 640/TCHQ-QĐ đã áp dụng) gây ra hiện tượng ôm đồm, ùn tắc hồ sơ

tham vấn, việc tham vấn sơ sài, qua loa, chiếu lệ hiệu quả tham vấn thấp. Cục chỉ tham vấn trong trường hợp những lô hàng có số lượng, trị giá lớn, thuế suất cao mà doanh nghiệp nhập khẩu đồng thời tại nhiều cửa khẩu, nhiều Chi cục khác nhau.

*Thứ sáu*, có qui định đảm bảo tham vấn trị giá nhanh chóng, kịp thời dựa trên kỹ năng thu thập, phân tích, đánh giá thông tin, phát huy tính sáng tạo, tính chủ động của cán bộ làm công tác tham vấn. Trong thực tế hiện nay, việc doanh nghiệp khai báo trị giá thấp nhằm gian lận trốn thuế là hiện tượng hết sức phổ biến, vì vậy cần mở rộng áp dụng phương pháp suy luận vì đó là biện pháp tổng hợp của các phương pháp khác và rất hiệu quả. Xác định giá sau tham vấn đối với các trường hợp hải quan không có cơ sở dữ liệu phải vận dụng linh hoạt tuân tự 6 phương pháp xác định trị giá của GATT. Việc quy định tỷ lệ khấu trừ cụ thể cho hàng nhập khẩu bán tại thị trường nội địa sẽ tạo ra một cơ chế cứng nhắc vừa khó cho cơ quan hải quan, vừa không phù hợp với thông lệ thương mại quốc tế. Quy định này cần phải xóa bỏ.

***3.2.1.2. Hoàn thiện cơ sở pháp lý có liên quan đến kiểm tra, kiểm soát xác định trị giá như: Quản lý tài chính, tiền tệ, quản lý thuế, hạch toán kế toán, kiểm tra sau thông quan, điều tra chống buôn lậu, xử lý vi phạm hành chính,...***

Để nâng cao hiệu quả kiểm tra, tham vấn, xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu thì phải hoàn thiện đồng bộ các cơ chế liên quan sau:

- *Một là*, hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính, tiền tệ phù hợp nhất là đối với quản lý tài chính doanh nghiệp. Đây là nhiệm vụ hết sức quan trọng, giúp cơ quan hải quan kiểm soát được nguồn tiền thanh toán của doanh nghiệp trong các thương vụ XNK làm căn cứ xác định chính xác các khoản tiền đã thanh toán của doanh nghiệp cho lô hàng nhập khẩu

đang xác định trị giá. Để hoàn thiện cơ chế quản lý tiền tệ cần thêm các giải pháp sau:

+ Sửa đổi bổ sung Thông tư 102/2010/TTLT-BTC-NHNN ngày 14/7/2010 theo hướng quản lý hiện đại là cơ quan hải quan có đường link tới tất cả các ngân hàng thương mại để khi cần thiết có nhu cầu xác minh số tiền thanh toán của doanh nghiệp cho hợp đồng hay thương vụ nào đó hay trong một khoảng thời gian nhất định thì gửi yêu cầu (theo đường link hoặc bằng văn bản cụ thể) đến Ngân hàng Nhà nước trung ương. Trong thẩm quyền của mình Ngân hàng Nhà nước trung ương yêu cầu các Ngân hàng thương mại báo tất cả số liệu phát sinh của tất cả các tài khoản mà doanh nghiệp đang mở tại các ngân hàng thương mại khác nhau, sau đó tổng hợp chuyển cho cơ quan hải quan. Có như vậy mới quét hết được các khoản thanh toán của doanh nghiệp cho lô hàng đang cần xác định trị giá. Hiện nay hải quan chỉ kiểm tra, xác minh được nguồn tiền thanh toán trên tài khoản của doanh nghiệp ghi trên hợp đồng, những tài khoản khác ở những Ngân hàng thương mại khác, cơ quan hải quan không biết được.

+ Cơ chế xác minh tiền thanh toán của doanh nghiệp qua ngân hàng cũng cần điều chỉnh cụ thể và phù hợp. Qui định hiện nay tại Thông tư liên tịch số 102/2010/TTLT-BTC-NHNN ngày 14/7/2010 "*khi doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm bị cơ quan hải quan kiểm tra*", dẫn đến nhiều Ngân hàng thương mại hiểu rằng chỉ khi có quyết định kiểm tra của cơ quan hải quan mới cung cấp số liệu xác minh bởi vậy việc xác minh còn gặp nhiều khó khăn.

+ Cơ chế quản lý tiền tệ trong khâu lưu thông nội địa cũng cần có cơ chế quản lý chặt chẽ theo hướng qui định toàn bộ các khoản thanh toán giữa các tổ chức, doanh nghiệp với nhau (thậm chí đến cá nhân nếu sử dụng thẻ tín dụng) phải qua ngân hàng. Như thế Nhà nước vừa kiểm soát được lượng tiền mặt lưu thông trên thị trường, vừa thuận lợi cho các cơ quan chức năng trong quá trình kiểm tra.

*Hai là*, cơ quan Thuế, quản lý thị trường tăng cường công tác kiểm tra việc sử dụng hoá đơn, việc ghi giá hoá đơn thấp hơn giá bán thực tế. Việc kiểm tra chế độ kế toán hạch toán, sổ sách chứng từ của doanh nghiệp cần phải được làm thường xuyên và dứt điểm. Theo qui định, chậm nhất hết quý 1 năm sau, doanh nghiệp vẫn phải nộp báo cáo quyết toán cho cơ quan thuế nội địa và cơ quan thuế phải tiến hành kiểm tra, đánh giá, xác nhận việc tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp, việc tuân thủ chế độ sổ sách kế toán của doanh nghiệp. Tuy nhiên, thực tế có doanh nghiệp 2, 3 năm chưa được cơ quan thuế kiểm tra lần nào.

- *Ba là*, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan đến công tác kiểm tra sau thông quan, đưa thẩm quyền kiểm toán và điều tra vào Luật trong nghiệp vụ Kiểm tra sau thông quan nhằm tăng cường chức năng kiểm soát trị giá hải quan. Cần bổ sung cơ sở pháp lý qui định về quy chế phối hợp giữa lực lượng kiểm tra sau thông quan với lực lượng kiểm soát chống buôn lậu để tiến hành điều tra, xác minh đối tượng vi phạm pháp luật. Nội dung quy chế phải làm rõ trách nhiệm trao đổi thông tin, phối hợp nghiệp vụ giữa hai lực lượng này. Ban hành quy chế sử dụng “đặc tình” phục vụ nghiệp vụ trị giá hải quan nói riêng, nghiệp vụ hải quan nói chung. Về lâu dài cần thiết phải xây dựng và phát triển lực lượng tình báo hải quan. Điểm nổi trội của lực lượng tình báo là khả năng tổng hợp và phân tích thông tin. Với các khả năng như vậy, thông tin tình báo thường có độ chính xác cao rất thuận lợi để làm cơ sở đấu tranh với doanh nghiệp.

- *Bốn là*, phải qui định cụ thể và áp dụng nghiêm túc, triệt để chế tài về xử phạt hành chính khi doanh nghiệp vi phạm khai báo giá thấp hơn thực tế mua bán dẫn đến thiếu thuế phải nộp cho NSNN. Cơ chế quản lý này hết sức quan trọng vì đảm bảo tính tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp, tạo sự minh bạch, cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp với nhau, nâng cao uy tín của ngành Hải quan và sự nghiêm minh của Pháp luật. Hiện tại Nghị định 40 có qui định việc xử lý này nhưng rất chung chung, Thông tư 40 và qui trình kiểm tra trị giá kèm theo Quyết định 1636

thì không có dòng nào qui định. Thực tế hiện nay, hiện tượng doanh nghiệp khai báo trị giá thấp hơn thực tế diễn ra hết sức phổ biến, hải quan kiểm tra bác bỏ, xác định lại trị giá và ấn định thuế, doanh nghiệp chấp nhận nộp khoản chênh lệch thuế này nhưng chưa xử phạt trường hợp nào.

- *Năm là*, xây dựng và ban hành cơ sở pháp lý về mua thông tin giá, về thẩm định giá đối với: Giá cả thực tế giao dịch, mối quan hệ giữa hai bên mua và bán v.v... của một số lô hàng nhập khẩu từ các công ty thẩm định giá tại nước ngoài. Trong đó xác định rõ những trường hợp nào, qui mô nào, cấp nào thì được phép sử dụng cơ chế mua thông tin.

- *Sáu là*, xây dựng và từng bước hoàn thiện các qui định về chống bán phá giá, chống trợ giá để thực hiện đầy đủ Hiệp định trị giá GATT/WTO ngay cả trong trường hợp hàng nhập khẩu được bán phá giá, được trợ giá vẫn xác định được trị giá tính thuế. Trường hợp như vậy cần bổ sung cơ sở pháp lý để cơ quan hải quan có thể áp dụng cơ chế “trung mua hàng hóa” nhằm răn đe, ngăn chặn việc gian lận thương mại qua giá tính thuế ở một số mặt hàng nhạy cảm, tức là nếu doanh nghiệp khai báo trị giá hàng hóa nhập khẩu quá thấp mà cơ quan hải quan chưa thể có đủ căn cứ để đấu tranh thì có thể trung mua hàng hóa đó theo giá khai báo sau khi đã bù đắp một số chi phí hợp lý cho doanh nghiệp.

- *Bảy là*, hoàn thiện thêm một bước cơ chế về ấn định thuế trong trường hợp có cơ sở chứng minh giá khai báo không trung thực hoặc hồ sơ, chứng từ không hợp pháp, hợp lệ hoặc điều kiện, phương pháp xác định trị giá do doanh nghiệp khai báo không đúng; về bảo lãnh thuế trong trường hợp trì hoãn xác định trị giá hoặc giữ một bộ phận hàng hoá, hay giấy tờ pháp lý của hàng hoá nhập khẩu (trường hợp không được bảo lãnh hay ký quỹ về thuế)

- *Tám là*, xây dựng và từng bước hoàn thiện cơ chế về giao dịch điện tử giữa các doanh nghiệp với cơ quan hải quan, giữa cơ quan hải quan với Nhà nước, Chính phủ và các ngành hữu quan liên quan đến quản lý Nhà nước về hải quan theo Luật giao dịch điện tử ngày 29/11/2005.

Tăng cường và mở rộng tính pháp lý về chứng từ điện tử, chữ ký điện tử, dữ liệu điện tử thông tin điện tử,...

Đối với doanh nghiệp phải xây dựng cơ sở pháp lý đồng bộ cho triển khai mô hình thông quan điện tử vì hiện đại hóa các khâu nghiệp vụ sẽ tạo thuận lợi rất lớn cho áp dụng phương pháp trị giá hải quan. Để phát triển mô hình này cần thiết phải:

+ Xây dựng qui định về bộ hồ sơ điện tử trong đó các vấn đề như chữ ký điện tử, trách nhiệm, thời gian lưu trữ hồ sơ, giá trị pháp lý của hồ sơ phải được qui định rõ. Hạn chế tối đa việc doanh nghiệp sau khi khai điện tử vẫn phải nộp hồ sơ giấy cho cơ quan hải quan.

+ Xây dựng qui chế hỗ trợ, khuyến khích phát triển hệ thống khai báo điện tử nhất là các đại lý thủ tục hải quan như hỗ trợ về phần mềm khai báo điện tử, đào tạo cán bộ chuyên trách, ưu tiên thông quan nhanh đối với các doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật hải quan...

- *Chín là*, phải xây dựng qui chế hợp tác giữa cơ quan hải quan với cộng đồng doanh nghiệp trong việc tuyên truyền phổ biến quy định pháp luật về trị giá tính thuế để doanh nghiệp hiểu, tự giác thực hiện và hỗ trợ hải quan trong kiểm tra, xác định trị giá theo hướng cơ quan hải quan cung cấp thông tin, hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo cho doanh nghiệp kiến thức về trị giá, doanh nghiệp cung cấp cho hải quan thông tin về các hành vi gian lận của doanh nghiệp khác, cơ quan hải quan phải có trách nhiệm xác minh, trả lời và đảm bảo tính bảo mật thông tin.

### **3.2.2. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin trong thực hiện xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu**

#### **3.2.2.1. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ**

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật - công nghệ hỗ trợ công tác trị giá hải quan theo WTO gồm có 3 phần chính đó là phần cơ sở hạ tầng, phần cứng và phần mềm



về công nghệ thông tin. Các nội dung hoàn thiện dưới đây cũng tập trung theo 3 nội dung đó:

*Thứ nhất*, thiết lập hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ thống nhất trong toàn ngành hải quan nằm trong tổng thể chung của ngành Tài chính và đạt được các yêu cầu:

- Đảm bảo hệ thống xử lý dữ liệu tập trung tại trung tâm dữ liệu Tổng cục Hải quan;

- Thiết lập hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử theo chuẩn mực quốc tế giữa cơ quan hải quan với các cơ quan trong Bộ Tài chính, Chính phủ và các cơ quan liên quan khác như Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước, Bộ Công thương, phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam,... nhằm mục đích lâu dài là thực hiện toàn bộ thủ tục hải quan trên mạng.

- Đảm bảo hạ tầng mạng kết nối các đơn vị hải quan trong toàn ngành theo mô hình mạng WAN trên cơ sở tận dụng tối đa hạ tầng truyền thông có sẵn của Bộ Tài chính.

*Thứ hai*, rà soát lại hiện trạng trang thiết bị công nghệ thông tin trong toàn ngành từ đó lên kế hoạch đầu tư đủ trang thiết bị cho các đơn vị trong ngành. Đầu tư trang thiết bị chuyên dụng cho trung tâm dữ liệu của Tổng cục Hải quan để đảm bảo năng lực xử lý thông tin theo mô hình tập trung.

*Thứ ba*, xây dựng kho dữ liệu giá có đầy đủ các tiêu chí theo yêu cầu lưu trữ, cập nhật và khai thác. Để triển khai tốt xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu theo các phương pháp của GATT, cơ quan hải quan phải xây dựng được một kho dữ liệu về trị giá tổng hợp bao gồm dữ liệu giá khai báo, giá đã kiểm tra, giá đã xác định và các mức giá “chuẩn” có thể được lưu trữ, xử lý theo những nguyên tắc bảo mật. Sau hơn 4 năm triển khai, thực hiện Hải quan Việt Nam đã xây dựng được hệ thống dữ liệu trị giá GTT02, tuy nhiên trên thực tế dữ liệu GTT02 còn tồn tại nhiều điều bất cập, cần được hoàn thiện cả về hệ thống xử lý và cơ sở dữ liệu. Trước mắt cần phải hoàn chỉnh chương

trình phần mềm quản lý giá tính thuế trên cơ sở nâng cấp chương trình GTT02 hiện tại. Bổ sung một số tiêu chí cho hệ thống GTT02 để đảm bảo tính hiệu quả và thực dụng trong khai thác nhằm xác định chính xác trị giá hàng nhập khẩu như:

- Bổ sung tiêu chí dữ liệu giá chuẩn phục vụ công tác kiểm tra trị giá bao gồm dữ liệu QLRR (thay cho dữ liệu giá ban hành kèm theo công văn 4046 do Tổng cục Hải quan ban hành hiện nay) và dữ liệu giá hàng trọng điểm (do các Cục Hải quan địa phương xây dựng) để các Cục Hải quan địa phương khác nhau có thể tham khảo lẫn nhau trong quá trình xác định trị giá.

- Bổ sung thêm các tiêu thức rút ra từ nguyên tắc quản lý rủi ro như: hình thức giao dịch, đàm phán hợp đồng, các cấp bậc giao dịch,... Hiện nay, chỉ cập nhật vào hệ thống GTT02 các tiêu thức có sẵn trên tờ khai trị giá và tờ khai hàng hóa nhập khẩu do đó việc lợi dụng các thông tin của hệ thống này để đánh giá độ rủi ro là rất hạn chế.

- Tăng cường thêm các tiêu chí có thể khai thác cũng như các tiện ích với chức năng tìm kiếm. Chẳng hạn tiêu chí nước xuất khẩu, nhà xuất khẩu, nước xuất xứ v.v.. điều này giúp tìm kiếm, sàng lọc đối với các mặt hàng giống hệt, tương tự.

Các tiêu chí xây dựng trong chương trình GTT02 phải thể hiện tính chuẩn, thống nhất với các tiêu chí trong các phần mềm hệ thống khác từ đơn vị tính, cách thể hiện tên hàng hóa, đơn vị tiền tệ v.v.. tránh lỗi kỹ thuật do sự không đồng bộ giữa các phần mềm có thể gây ra. Đồng thời phải mang tính phù hợp nhất với các phần khác của các ngành hữu quan và các nước có lưu lượng hàng hoá nhập khẩu về Việt Nam (viết trên cùng loại ngôn ngữ), thể hiện được tính tương thích, thuận tiện trong truy cập và tích hợp dữ liệu.

*Thứ tư*, Tổng Cục Hải quan cần xây dựng cuốn "*cẩm nang trị giá hải quan*" ghi chép tất cả các tình huống thực tế phát sinh về trị giá và cách thức giải quyết của cơ quan hải quan. Việc tích lũy các tình huống sẽ là kinh nghiệm quý báu cho cán bộ hải quan tham khảo trong thực tiễn công việc hàng ngày.

### **3.2.2.2. *Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong việc kiểm tra, xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu***

Để hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ công tác kiểm tra, xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu cần thiết phải xây dựng, thường xuyên bổ sung các cơ sở thông tin về khách hàng, mặt hàng, giá cả.

- *Về hệ thống thông tin khách hàng.* Hiện nay đã được xây dựng và đang trong quá trình hoàn chỉnh (gọi là danh bạ doanh nghiệp xuất nhập khẩu), tuy nhiên lượng thông tin, qui mô và tính tự động hoá của chương trình còn hạn chế do vậy, ngoài việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng còn phải nghiên cứu, phân tích tiếp các tiêu chí thông tin cần khai thác. Hiện tại Tổng cục thuế đang có số liệu về tất cả các doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh, nhưng số liệu đó chủ yếu có liên quan đến thuế nội địa như báo cáo kế toán thuế, tình trạng thu nộp thuế. Kết hợp với Tổng cục thuế, Tổng cục Hải quan phải xây dựng bộ tiêu chí về khách hàng đảm bảo tiêu chuẩn sau:

+ Đầy đủ các tiêu chí thông tin như: Tên doanh nghiệp, mã số thuế, địa chỉ doanh nghiệp, số điện thoại và fax liên hệ, thông tin về các tài khoản đăng ký tại ngân hàng, vốn pháp định, tình hình vi phạm pháp luật về Thuế, Hải quan trong các năm, kim ngạch xuất nhập khẩu theo giai đoạn, tổng số thuế đã nộp, tên, địa chỉ các thành viên hội đồng quản trị, các chi nhánh hoặc các liên doanh, liên kết.

+ Phần mềm thông tin về khách hàng phải thiết kế để các đơn vị hải quan nơi làm việc trực tiếp với doanh nghiệp cập nhật, khai thác thông tin hàng ngày do vậy phần mềm phải tương thích và tích hợp được với các chương trình khác để có thể kết xuất được dữ liệu từ các chương trình khác như chương trình quản lý tờ khai, kế toán thuế, quản lý giá tính thuế, thông tin vi phạm doanh nghiệp,...

+ Phần mềm thông tin về khách hàng phải kết nối tự động với cơ quan thuế nội địa, thương mại, Kho bạc, ngân hàng,... để cập nhật thêm thông tin.

- *Về hệ thống thông tin mặt hàng:* Hiện tại chưa được xây dựng. Thực tế thực hiện công việc này rất khó khăn vì hiện tại có tới hàng trăm ngàn mặt

hàng khác nhau hàng năm nhập khẩu vào Việt Nam với phẩm cấp, chất lượng, ký mã hiệu, model,... khác nhau. Tuy nhiên, đối với trị giá hải quan thì thông tin về mặt hàng có vai trò rất quan trọng, vì vậy cần thiết phải xây dựng cơ sở thông tin này. Có thể xây dựng mô hình hệ thống thông tin về mặt hàng như sau:

+ Cải tiến phần mềm tra cứu mã hàng hóa hiện có theo hướng có thể bổ sung thêm thông tin vào từng mã hàng (tối thiểu phải đạt tới mã 6 số) để sử dụng cho mục đích xác định trị giá hải quan.

+ Các tiêu chí bổ sung thông tin bao gồm: Tên hàng theo cách gọi thương mại và kỹ thuật, tính năng sử dụng, thành phần cấu tạo, phương pháp chế tạo, đặc điểm kỹ thuật v.v..

+ Phần mềm phải có khả năng cập nhật thêm số liệu và khi khai thác có thể khai thác theo tên hàng và mã số HS.

- *Về hệ thống thông tin giá cả:* Hiện tại đã có một số nguồn thu thập thông tin về giá cả như hệ thống GTT02, Internet v.v.. thời gian tới cần xây dựng thêm nguồn cung cấp thông tin để làm giàu thêm dữ liệu giá. Có thể khai thác từ các nguồn sau: Tin từ cơ quan thuế, Công an, từ các đại sứ quán của Việt Nam ở nước ngoài, tin tình báo hoặc tin từ trao đổi với cơ quan hải quan các nước. Để chuyên hóa các thông tin này phục vụ cho công tác trị giá hải quan cần phải xây dựng một cơ chế trao đổi, cung cấp thông tin cũng như chuyển đổi thông tin từ các nguồn trên thành dữ liệu mang tính pháp lý.

Hệ thống giá “chuẩn” dùng để kiểm tra trị giá còn nhiều bất cập trong áp dụng thực tế như không linh hoạt trong việc loại bỏ các mức giá cũ cũng như cập nhật các mức giá mới, vì vậy phải thường xuyên cập nhật các mức giá mới, đồng thời hệ thống giá chuẩn này phải kết nối trong hệ thống GTT02.

### **3.2.3. Hoàn thiện mô hình tổ chức kết hợp với việc đào tạo nâng cao năng lực cán bộ làm công tác quản lý trị giá tính thuế**

#### ***3.2.3.1. Hoàn thiện mô hình tổ chức với các chức năng quản lý trị giá phù hợp với Hiệp định và thực tiễn***

Có thể nói, bộ máy tổ chức, quản lý đóng vai trò hết sức quan trọng, quyết định tới sự thành công trong áp dụng phương pháp trị giá hải quan. Vì vậy, trong hiện tại và thời gian tới, cần phải hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý công tác trị giá theo 3 cấp với chức năng cụ thể như sau:

- *Cấp Tổng cục Hải quan cần xây dựng trung tâm trị giá hải quan.* Hiện nay, Việt Nam đã là thành viên chính thức gia nhập WTO, theo nhận định của các nhà phân tích cũng như tham khảo kinh nghiệm quốc tế thì trị giá hải quan sẽ là một lĩnh vực quan trọng chiếm phần lớn công việc của nghiệp vụ kiểm tra thu thuế. Với khối lượng công việc lớn như vậy nếu chỉ phân công một số cán bộ chuyên trách sẽ không đáp ứng được yêu cầu. Hơn nữa, làm công tác trị giá hải quan bằng cách thu thập số liệu về giá cung cấp cho hải quan địa phương rồi yêu cầu tham vấn, bác bỏ, áp lại giá như hiện nay là chưa đủ. Thành lập trung tâm trị giá hải quan sẽ hình thành nên các bộ phận chuyên sâu về phân tích, dự báo các vấn đề liên quan đến trị giá hải quan, về thương phẩm hàng hóa, về giá cả, thị trường v.v.. Khi đó sẽ hỗ trợ được hải quan địa phương kỹ năng tham vấn, kỹ năng phân tích bộ hồ sơ, chứng từ cũng như cung cấp thông tin phục vụ xác định trị giá hải quan.

Chức năng của trung tâm chủ yếu bao gồm:

+ Luật hoá các qui định của GATT trong xác định trị giá thành các chuẩn mực chung về kiểm tra, xác định trị giá trong phạm vi quốc gia. Phối hợp với các Bộ, ngành trong việc chuẩn bị và duy trì pháp luật về trị giá.

+ Tổ chức tiếp thu, học tập kinh nghiệm của WCO, của các nước trên thế giới để đào tạo, xây dựng, triển khai thủ tục, chính sách tác nghiệp

chuẩn mực cho các công chức làm công tác xác định trị giá trong phạm vi toàn ngành.

+ Xử lý các trường hợp xác định trị giá khó do hải quan địa phương đề nghị trợ giúp, hoặc các trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu có qui mô lớn tại các Cục Hải quan địa phương khác nhau.

+ Tổ chức thu thập dữ liệu giá từ các nguồn khác nhau, đánh giá, phân tích, tổng hợp để xây dựng kho dữ liệu giá (đặc biệt là đối với hàng hoá QLRR có trị giá lớn, thuế suất cao) chia sẻ cho các Cục Hải quan địa phương sử dụng.

+ Thực hiện kiểm tra công tác trị giá tại các Cục hải quan địa phương, đôn đốc, nhắc nhở kịp thời những hành vi sai lệch trong xác định trị giá tại địa phương. Xem xét và giải quyết các kháng nghị cấp Tổng cục theo Luật khiếu nại tố cáo hiện hành.

+ Nghiên cứu, phân tích, triển khai các tiêu chí rủi ro để đưa vào các hệ thống tự động.

- *Cấp Cục hải quan tỉnh, thành phố là các phòng trị giá hải quan.* Đây là cấp trung gian tiếp nhận thông tin từ Tổng cục để chỉ đạo các Chi cục. Cơ chế quản lý hành chính cũng như qui mô công việc không cho phép thực hiện quan hệ nghiệp vụ trực tiếp giữa Tổng cục và Chi cục. Do vậy cần thiết phải thành lập phòng trị giá hải quan thuộc Cục hải quan tỉnh, thành phố (hiện nay mới có 8 Cục hải quan tỉnh thành lập phòng trị giá) thực hiện các chức năng sau:

+ Thẩm định sau (Post Entry Verification) các tờ khai được lựa chọn trên cơ sở đánh giá rủi ro. Trực tiếp tham vấn trị giá đối với những lô hàng thuộc diện QLRR có trị giá lớn, thuế suất cao.

+ Tổ chức tiếp thu nghiệp vụ, chính sách, qui trình kiểm tra, xác định trị giá, theo dõi, hướng dẫn, đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ xác định trị giá tại

các Chi cục. Với những Chi cục hải quan có lưu lượng hàng hóa lớn cần bố trí các chuyên gia của phòng thường xuyên, trực tiếp trợ giúp.

+ Phối hợp với bộ phận kiểm tra sau thông quan trong việc kiểm tra doanh nghiệp.

- *Cấp Chi cục hải quan là nhóm công chức chuyên trách trực thuộc lãnh đạo Chi cục.* Về mặt chức năng, nhóm này trực tiếp làm công tác kiểm tra, xác định trị giá và chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp từ lãnh đạo Chi cục.

### **3.2.3.2. *Đẩy mạnh đào tạo và nâng cao năng lực cán bộ làm công tác kiểm tra xác định trị giá***

Song song với việc hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý thì vấn đề xây dựng nguồn nhân lực cho mô hình đó cũng cần phải được quan tâm đúng mức. Việc thiết lập một mô hình tổ chức quản lý khoa học, hiệu quả là điều có thể làm được, tuy nhiên, để đào tạo được một lớp cán bộ vận hành mô hình đó còn khó hơn nhiều. Theo kết quả đánh giá của ngành hải quan năm 2007 thì hiện tại cán bộ liên quan đến công tác trị giá mới chỉ đáp ứng được yêu cầu về mặt số lượng, về mặt chất lượng vẫn còn nhiều hạn chế. Với nguồn lực khan hiếm (xét trên tiêu chí giữa yêu cầu công tác trị giá hải quan và chất lượng nguồn nhân lực hiện có) cần tập trung hoàn thiện các nội dung sau:

- *Cần phải tiến hành đánh giá lại cán bộ và phân tích công việc có liên quan đến xác định trị giá hải quan.* Trước đây việc bố trí cán bộ chưa căn cứ vào đầu việc cụ thể mà chủ yếu dựa vào lưu lượng tờ khai nhập khẩu, gây lãng phí nguồn nhân lực. Muốn vậy, đơn vị hải quan các cấp phải chỉ ra cụ thể nghiệp vụ trị giá tại đơn vị mình bao gồm những công việc gì, yêu cầu năng lực cán bộ đối với công việc đó, cần bao nhiêu người để thực hiện công việc đó. Trên cơ sở số liệu phân tích sẽ lập kế hoạch bố trí cán bộ phù hợp để thực hiện.

- *Xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ trị giá hải quan theo hướng chuyên sâu về nhóm hàng, ngành hàng.* Căn cứ vào khả năng của từng cán bộ

và lĩnh vực của khoá đào tạo để cử cán bộ tham gia cho phù hợp. Các kỹ năng về các chuyên đề có liên quan cần chú trọng đào tạo như:

+ Chuyên đề về các dấu hiệu, hình thức và thủ đoạn gian lận thương mại qua giá diễn ra phổ biến trong giai đoạn chuyển tiếp.

+ Chuyên đề kiểm tra trị giá khai báo của doanh nghiệp và các biện pháp nghiệp vụ để phát hiện gian lận trị giá từ khâu đăng ký tờ khai, khâu kiểm hoá, khâu xác định trị giá tính thuế,...).

+ Chuyên đề về công tác tham vấn giá bao gồm: Chuẩn bị tham vấn; nội dung, hình thức tham vấn; cách lập biên bản tham vấn; kết luận sau tham vấn,...).

+ Chuyên đề về thu thập, cập nhật, khai thác, sử dụng thông tin phục vụ công tác kiểm tra, xác định trị giá.

+ Chuyên đề về phương pháp xác định lại giá tính thuế sau tham vấn bao gồm trình tự áp dụng các phương pháp xác định trị giá; nguồn thông tin sử dụng để xác định lại giá; cách thức xác định trị giá; cách thức xác định lại trị giá...).

+ Chuyên đề về kỹ thuật quản lý rủi ro, chuyên đề kiểm tra sau thông quan, kiểm toán Hải quan.

- *Cải cách cơ chế tuyển dụng và phân công cán bộ mới tuyển dụng.* Tuyển dụng cán bộ làm công tác trị giá phải căn cứ vào yêu cầu của các công việc cụ thể. Số cán bộ mới này phải được đưa đi đào tạo trực tiếp tại các Chi cục trong khoảng thời gian tối thiểu là 2 năm - khoảng thời gian cần thiết để họ nắm bắt kinh nghiệm thực tế, kiến thức chung về nghiệp vụ hải quan. Một số trường hợp, có thể nhận cán bộ có năng lực, kinh nghiệm về quản lý giá nhất là kinh nghiệm thực tiễn chuyên về ngành Hải quan từ những cơ quan chuyên trách quản lý giá như Uỷ ban vật giá (nay là Cục quản lý giá - Bộ Tài chính).



- *Xây dựng cơ chế luân chuyển cán bộ trị giá trong ngành hải quan cần phải đảm bảo tính chuyên sâu và khả năng đào tạo thay thế, tránh hiện tượng bố trí cán bộ không đúng với chuyên môn của họ. Đề khuyến khích sự phấn đấu, rèn luyện của cán bộ, thường xuyên có sự đánh giá dựa trên các tiêu chí về chất lượng công việc, tính tích cực, sáng tạo và khả năng phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ.*

- *Xây dựng "Văn hoá" ngành Hải quan. Nhìn vào những yếu tố văn hoá, người ta có thể đánh giá được tính chuyên nghiệp cao hay thấp của mỗi tổ chức, cá nhân. Về cơ sở vật chất, "văn hoá" thể hiện ở cơ sở vật chất, công nghệ phục vụ như: Công sở, bàn ghế, máy móc, trang thiết bị và sự ngăn nắp trong việc sắp xếp các thiết bị đó. Về mặt tinh thần, "văn hoá" chính là sự lịch thiệp trong giao tiếp (thông qua lời nói, cử chỉ) là tinh thần trách nhiệm, là khả năng chuyên môn, nghiệp vụ v.v..*

- *Cuối cùng Ngành Hải quan cần tăng cường, bổ sung đủ biên chế làm công tác giá tại các đơn vị cơ sở, đảm bảo lực lượng này đủ về số lượng, mạnh về chất lượng để thực thi nhiệm vụ có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu công tác khi triển khai áp dụng đầy đủ Hiệp định trị giá GATT/WTO trong thời gian tới.*

#### **3.2.4. Hoàn thiện cơ chế, tăng cường hiệu lực và hiệu quả của các công cụ kiểm tra, kiểm soát trị giá khai báo**

*Thứ nhất, xây dựng hệ thống kiểm tra sau thông quan đủ mạnh cả về thể chế, cơ sở vật chất kỹ thuật và lực lượng để hỗ trợ kiểm tra các lô hàng sau tham vấn nhưng không đủ cơ sở để bác bỏ trị giá khai báo, vẫn còn nghi ngờ về tính trung thực của trị giá khai báo.*

Theo Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) thì "kiểm tra sau giải phóng hàng là quá trình các công chức Hải quan kiểm tra tính chính xác của tờ khai hải quan, thông qua việc kiểm tra sổ sách kế toán, hệ thống kinh doanh và mọi dữ liệu thương mại của doanh nghiệp" [44, tr.5].

Kiểm tra sau thông quan là một nghiệp vụ quan trọng của Hải quan hiện đại, nhằm kiểm tra tính tuân thủ pháp luật, tính chính xác của các nội dung khai báo hải quan. Kiểm tra tại doanh nghiệp là công việc rất quen thuộc đối với các cơ quan quản lý như Thuế, Thanh tra,... nhưng đây là hoạt động khá mới mẻ đối với Hải quan Việt Nam.

Kiểm tra sau thông quan không chỉ được coi là biện pháp đảm bảo thực thi GATT mà có thể xem như môi trường để tồn tại và phát triển GATT trong khuôn khổ quốc gia, bởi lẽ:

- GATT đưa ra các điều kiện về xác định trị giá dựa trên nguyên tắc tuân thủ tự nguyện của cộng đồng doanh nghiệp và trao cho cơ quan Hải quan quyền nghi ngờ, kiểm tra các lô hàng nhập khẩu mà họ cho là có vấn đề về trị giá. Rõ ràng để thông quan nhanh chóng, việc kiểm tra trị giá vốn dĩ khá phức tạp không thể tiến hành ngay tại cửa khẩu mà phải thực hiện ở doanh nghiệp hoặc tại cơ quan Hải quan sau khi hàng hoá đã được thông quan.

- Trong môi trường hoạt động của Hải quan hiện đại vẫn phải tiếp tục cuộc đấu tranh với các hiện tượng gian lận thương mại, trong đó có gian lận về trị giá là hiện tượng hết sức phổ biến nhất là đối với những nước đang phát triển và chậm phát triển. Nhưng với nguồn lực có hạn cơ quan Hải quan không thể tiến hành kiểm tra toàn bộ hàng hoá nhập khẩu mà phải chọn lọc ra những lô hàng có nghi vấn để kiểm tra thông qua kỹ thuật quản lý rủi ro. Vấn đề cần phải giải quyết ở đây là phải tách được những lô hàng gian lận ra khỏi những lô hàng khai báo trung thực để đảm bảo tính công bằng, trong sáng, chính xác và minh bạch của các nguyên tắc xác định trị giá theo GATT.

Chính vì lẽ đó mà hệ thống kiểm tra sau thông quan phải đủ mạnh để tạo tiền đề cho việc thực hiện một cách đầy đủ GATT tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3.

*Thứ hai, ứng dụng kỹ thuật quản lý rủi ro trong công tác quản lý giá tính thuế hàng nhập khẩu.*

Để đáp ứng yêu cầu thông quan nhanh chóng hàng hoá xuất nhập khẩu theo cơ chế quản lý hải quan hiện đại, cơ quan Hải quan không thể tiến hành kiểm tra trị giá một cách tràn lan mà phải xác định trọng tâm, trọng điểm kiểm tra thông qua việc phân loại doanh nghiệp và mặt hàng dựa trên mức độ rủi ro được ứng dụng rộng rãi ở hầu hết các khâu nghiệp vụ, riêng trong công tác quản lý giá tính thuế, nó giúp cơ quan tập trung nguồn lực kiểm tra, kiểm soát những doanh nghiệp, những mặt hàng có độ rủi ro cao nhằm ngăn chặn hiện tượng gian lận giá, chống thất thu cho ngân sách Nhà nước.

Doanh nghiệp trọng điểm là những doanh nghiệp thường xuyên vi phạm pháp luật Hải quan, những doanh nghiệp từng bị xử lý về hành vi gian lận thương mại qua giá.

Mặt hàng trọng điểm cần tập trung quản lý giá tính thuế bao gồm: Những mặt hàng, nhóm hàng có nguy cơ gian lận giá cao; những mặt hàng có thuế suất cao, trị giá lớn, mặt hàng nhạy cảm; mặt hàng có xuất xứ từ một số quốc gia hoặc khu vực có hiện tượng gian lận giá nhiều hơn quốc gia hoặc khu vực khác; mặt hàng có nguy cơ chuyển giá cao.

*Thứ ba, thiết lập một hàng rào kỹ thuật thương mại nhằm bảo vệ một cách hữu hiệu nền sản xuất trong nước trước tình trạng cạnh tranh không lành mạnh của hàng hoá nhập khẩu được bán phá giá, trợ giá từ các nước.*

Theo các nguyên tắc xác định trị giá của GATT, khi hàng hoá nhập khẩu có trị giá giao dịch thực tế thấp hơn trị giá thông thường của hàng hoá đó thì vẫn được chấp nhận trị giá giao dịch là trị giá tính thuế. Tuy nhiên, nếu có đủ căn cứ để xác định hàng hoá đó được bán phá giá hoặc được trợ giá từ nước xuất khẩu thì để bảo hộ nền sản xuất trong nước trước tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, đồng thời đảm bảo thu đúng thuế cho NSNN, Chính phủ và các ngành hữu quan cần tiếp tục hoàn thiện

các quy định về căn cứ pháp lý, quy trình kiểm tra, điều tra xác định hàng hoá được bán phá giá, trợ giá đến Việt Nam để áp dụng hữu hiệu các biện pháp chống bán phá giá, trợ giá.

### **3.2.5. Phát huy tối đa và đồng bộ các nguồn lực**

#### **3.2.5.1. Phát huy các nguồn nội lực**

- *Nguồn lực tài chính* đóng vai trò quan trọng để thực hiện mọi nội dung cần hoàn thiện. Xây dựng cơ sở thông tin về mặt hàng, khách hàng phải có nguồn tài chính, trang bị cơ sở hạ tầng kỹ thuật - công nghệ v.v.. đòi hỏi phải có nguồn tài chính. Huy động đủ nguồn tài chính theo đúng yêu cầu là rất khó khăn. Do vậy, sử dụng nguồn tài chính một cách tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả là rất quan trọng. Với thực tế hiện nay, ngành hải quan có thể khai thác từ các nguồn sau:

+ Đề nghị Chính phủ cho giữ lại phần thu thuế xuất nhập khẩu vượt chỉ tiêu kế hoạch hoặc trích một phần số thuế thu được để triển khai hiện đại hóa ngành hải quan, trong đó có việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật nhằm hiện đại hoá công tác kiểm tra, xác định trị giá.

+ Đề nghị Bộ Tài Chính cho giữ lại toàn bộ số thu lệ phí làm thủ tục hải quan để nâng cấp cơ sở hạ tầng như trụ sở làm việc, thiết bị, máy móc phụ trợ v.v.. đảm bảo điều kiện làm việc của cơ quan hải quan (khoảng 150 tỷ đồng hàng năm).

+ Sử dụng nguồn vốn ngân sách từ chương trình xây dựng Chính phủ điện tử. Theo chương trình này, Chính phủ sẽ thiết lập mạng lưới tin học đến tất cả các Bộ, ngành, đồng thời đào tạo đội ngũ cán bộ vận hành để quản lý và điều hành qua mạng. Có thể sử dụng nguồn vốn này cho nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác trị giá hải quan.

+ Nguồn Tài chính do Ngân hàng thế giới tài trợ (cho dự án hiện đại hóa hải quan với số tiền là 70 triệu USD); do tổ chức JICA - Nhật Bản tài trợ (2 máy soi container). Tổng cục hải quan cần đẩy nhanh tiến trình giải ngân dự án này. Đây là nguồn tài chính cơ bản để triển khai mở rộng mô hình

thông quan điện tử. Nguồn tài chính này chủ yếu sử dụng để trang bị hệ thống máy tính, xây dựng mạng WAN.

- *Nguồn lực con người* luôn là đề tài nóng bỏng và được sự quan tâm hàng đầu. Sự phát triển của khoa học kỹ thuật, công nghệ và đời sống xã hội đã khiến cho công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trở nên cấp thiết. Yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phải tập trung vào duy trì, nâng cao trình độ nguồn nhân lực hiện có, mở rộng, thu hút, bổ sung nguồn nhân lực mới.

Thực hiện phương pháp trị giá hải quan không thể thiếu một đội ngũ cán bộ trẻ, được đào tạo cơ bản, năng động, sáng tạo, có khả năng ngoại ngữ và tin học tốt bên cạnh một đội ngũ cán bộ dày dặn kinh nghiệm, nắm vững nghiệp vụ hải quan. Việc điều phối tốt hai đội ngũ này sẽ bổ sung, hỗ trợ cho nhau rất hiệu quả trong quá trình thực thi nhiệm vụ. Để có một nguồn cán bộ tốt đáp ứng được yêu cầu công việc, Ngành Hải quan cần tập trung vào một số việc:

+ Lên kế hoạch đào tạo theo các chuyên đề ngắn hạn về các lĩnh vực liên quan đến nghiệp vụ trị giá hải quan như: Nghiệp vụ trị giá, chứng từ thanh toán, chứng từ vận tải, thương phẩm hàng hóa, thương mại quốc tế v.v.. Các lớp đào tạo này không chỉ giảng dạy lý thuyết mà phải rèn luyện kỹ năng áp dụng trong thực tế. Thông thường, để trở thành một chuyên gia trong lĩnh vực trị giá hải quan, mỗi cán bộ cần phải được đào tạo trong một khoảng thời gian liên tục từ 7 đến 10 năm. Đối với số cán bộ trẻ có trình độ, tâm huyết với ngành cần có chương trình đào tạo họ trở thành những chuyên gia về trị giá để sử dụng trong tương lai.

+ Tổng cục Hải quan phải không ngừng tạo ra môi trường làm việc tốt nhất cho cán bộ trị giá hải quan. Tạo điều kiện cho những cán bộ này có thể tiếp cận, học hỏi được những kiến thức mới nhất nhằm phục vụ công việc của mình. Phải tạo ra cơ chế đánh giá, phân loại, cơ hội thăng tiến của cán bộ dựa trên công việc. Ngoài ra thường xuyên mở các buổi thuyết trình, hội thảo khoa học về kinh nghiệm, kỹ năng trong

công tác trị giá của các nước nhằm hoàn thiện hơn kiến thức của cán bộ trị giá hải quan. Đồng thời, tổ chức các buổi thảo luận giữa các cán bộ trị giá của các Chi cục, Cục hải quan khác nhau để bổ sung kinh nghiệm, kiến thức giúp những cán bộ này có cái nhìn tổng hợp hơn về trị giá hải quan.

+ Song song với việc đưa các nội dung xây dựng nét “văn hóa công sở” ngành hải quan vào quy chế của ngành, các đơn vị hải quan cần thường xuyên tổ chức các buổi nói chuyện nhằm giáo dục tư tưởng, khuyến khích sự tự giác phấn đấu của cán bộ hải quan. Vấn đề văn hóa là một trong những vấn đề rất nhạy cảm vì nó liên quan trực tiếp đến quyền lợi và sự tự do cá nhân v.v.. Thay đổi thói quen đòi hỏi phải có thời gian, sự tự giác và nỗ lực cá nhân. Chính vì vậy mỗi cán bộ lãnh đạo và cán bộ đảng viên phải là những người tiên phong, gương mẫu thực hiện.

Có thể nói, một môi trường làm việc cởi mở, năng động, được trang bị đầy đủ các kỹ năng cần thiết sẽ là nguồn nuôi dưỡng sự lao động nhiệt tình, sáng tạo và hiệu quả. Quan tâm thường xuyên đến phát triển nguồn nhân lực sẽ đem lại sự thành công trong việc áp dụng phương pháp trị giá hải quan theo GATT.

### ***3.2.5.2. Huy động các nguồn lực hỗ trợ bên ngoài khác***

Nguồn lực bên ngoài cũng là yếu tố cần thiết góp phần vào sự thành công của ngành hải quan nói chung, lĩnh vực trị giá hải quan nói riêng. Các lĩnh vực liên quan đến trị giá hải quan rất rộng, không chỉ bao gồm trong ngành hải quan mà liên quan đến cả những ngành khác. Thực tế cho thấy, nhiều khi sự thành công không chỉ do nỗ lực của ngành hải quan mà còn do sự tác động của các yếu tố bên ngoài. Tổng cục hải quan cần huy động các nguồn lực bên ngoài phục vụ cho nghiệp vụ trị giá hải quan. Cụ thể là:

- Hiện tại việc mua bán biên lai, ghi giá bán hàng trên biên lai không đúng thực tế giao dịch đang diễn ra phổ biến, công khai. Việc làm sai lệch giá hóa đơn mua bán nội địa sẽ gây khó khăn cho cơ quan hải quan trong việc truy tìm giá nhập khẩu thực tế. Bộ Tài Chính cần tăng cường quản lý chặt chẽ hơn việc phát hành và quản lý sử dụng các loại biên lai, ấn chỉ. Hoàn thiện chế độ hạch toán kế toán tại các doanh nghiệp và các tổ chức có hoạt động kinh tế.

- Tranh thủ sự ủng hộ của các cơ quan như Kho bạc và thuế nội địa. Thuế xuất nhập khẩu và các loại thuế khác có quá trình hình thành, phương pháp hạch toán khác nhau nhưng cùng tồn tại trong một chủ thể là các doanh nghiệp. Do vậy, mỗi doanh nghiệp đều có thể là đối tượng quản lý của hai cơ quan thuế nội địa và hải quan.

- Với các cơ quan như báo chí, truyền hình v.v.. ngành hải quan cần tìm kiếm sự thông cảm, chia sẻ trong công việc. Báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng là các cơ quan tuyên truyền rất có hiệu quả đối với hoạt động trị giá hải quan. Do hiệu ứng lan truyền, chỉ một bài viết hay một phóng sự cũng sẽ phổ cập thông tin đến hàng triệu người. Với việc gây tiếng vang trong dư luận, báo chí tạo nên sức ép lớn để giải quyết các vấn đề nóng bỏng, mang tính thời sự.

- Nguồn lực từ hệ thống các ngân hàng cũng rất quan trọng. Hầu hết nghiệp vụ thanh toán ngoại thương đều phải thông qua hệ thống ngân hàng. Nếu các Ngân hàng tăng cường kiểm soát chặt chẽ việc chuyển tiền ra nước ngoài sẽ hạn chế được thủ đoạn gian lận qua trị giá giao dịch hàng hóa nhập khẩu.

- Nguồn lực từ các tổ chức khác trong nền kinh tế bao gồm các cơ quan chính phủ, các ngành công nghiệp, thương mại, công an, viện kiểm sát v.v.. Tổng cục Hải quan cần phải tổ chức những buổi thuyết trình, làm việc với các cơ quan này nhằm giới thiệu, cung cấp thông tin về trị giá hải quan, những khó khăn khi thực hiện v.v.. Qua đó đưa ra

thông điệp rằng thực hiện Hiệp định trị giá hải quan theo WTO không chỉ cần sự nỗ lực của ngành hải quan mà có cả trách nhiệm trợ giúp của các cơ quan khác. Chẳng hạn các cơ quan thương mại, ban vật giá chính phủ, viện nghiên cứu giá cả có thể giúp cơ quan hải quan củng cố cơ sở thông tin về giá cả hàng hóa, thị trường; các ngành công nghiệp có thể giúp thông tin về mặt hàng có liên quan; các cơ quan tư pháp có thể giúp củng cố cơ sở pháp lý v.v.. Có thể nói, việc tận dụng các nguồn lực này sẽ làm tăng thêm sức mạnh cho ngành hải quan trong thực thi nhiệm vụ.

Tóm lại, nguồn lực bên ngoài là yếu tố rất cần thiết, đôi khi đóng vai trò quan trọng hơn nguồn lực bên trong. Nếu ngành Hải quan thường xuyên quan tâm khai thác sẽ tạo ra được hiệu ứng tác động rất thuận lợi cho công tác trị giá hải quan.

### **3.2.6. Nâng cao năng lực nhận thức của hải quan và cộng đồng doanh nghiệp. Xây dựng chiến lược tự nguyện chấp hành pháp luật của doanh nghiệp**

- *Nhận thức của toàn ngành hải quan về áp dụng phương pháp trị giá hải quan hàng nhập khẩu theo GATT*: Có thể nói, phương pháp trị giá hải quan là một nghiệp vụ hoàn toàn mới đối với ngành hải quan nói chung. Các điều kiện áp dụng, kỹ năng thực hiện hoàn toàn mới và gần như không kế thừa gì từ hệ thống trị giá trước đây. Do vậy, ngành Hải quan cần phải nhận thức rằng mục đích của việc áp dụng phương pháp trị giá hải quan không phải là nhằm tăng thu thuế mà là đưa ra phương pháp xác định trị giá chính xác, minh bạch tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc chủ động tự khai báo tính thuế và hạch toán kinh doanh, tạo điều kiện phát triển thương mại quốc tế.

Vì là nghiệp vụ mới và khó nên việc các cán bộ ở các khâu nghiệp vụ khác chưa có sự hiểu biết rõ ràng cũng là điều dễ hiểu. Tuy nhiên, áp dụng phương pháp trị giá hải quan đều ít nhiều liên quan đến



các nghiệp vụ khác. Sự hiểu biết một cách hạn chế về trị giá hải quan của các khâu nghiệp vụ sẽ tác động không tốt đến sự hoàn thành nghiệp vụ trị giá hải quan.

- *Nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân trong xã hội* đóng vai trò rất quan trọng, vì đây là những đối tượng trực tiếp tham gia xác định trị giá hải quan. Sự nhận thức và hành động của họ sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến ngành hải quan.

Thực tế hiện nay, nhận thức của các doanh nghiệp về trị giá hải quan nhìn chung còn thiếu và yếu. Thực tế cho thấy các doanh nghiệp không có hoạt động xuất nhập khẩu gần như đứng ngoài cuộc, họ không quan tâm đến trị giá hải quan hàng nhập khẩu, mặc dù việc áp dụng phương pháp này phần nào tác động đến công việc kinh doanh của họ. Với đối tượng này, hải quan cần đưa ra một thông điệp rõ ràng rằng việc áp dụng phương pháp trị giá hải quan theo GATT là để đánh giá đúng thực tế giao dịch thương mại, góp phần tạo lập một môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp. Kêu gọi các doanh nghiệp hợp tác với cơ quan hải quan vì lợi ích của cộng đồng và của chính họ. Nếu có được sự hợp tác của các doanh nghiệp, hiệp hội các ngành hàng v.v.. cơ quan hải quan sẽ có thêm nguồn thông tin và sự hỗ trợ đắc lực trong thực thi nhiệm vụ.

- *Xây dựng chiến lược tự nguyện chấp hành pháp luật của hải quan và doanh nghiệp.*

Cơ quan Hải quan và doanh nghiệp đều phải nhận thức rằng họ là bạn đồng hành với nhau. Mỗi quan hệ đó dựa trên các quy định của pháp luật và sự tin tưởng lẫn nhau trong quá trình thực thi pháp luật.

Để giúp cơ quan Hải quan có thể tập trung nguồn lực vào việc kiểm soát những rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động của mình và giúp doanh nghiệp ý thức được điều đó, rất cần đến tác động của các biện pháp chế tài hành chính nhằm giáo dục, động viên, điều chỉnh một bộ phận thiểu số các

doanh nghiệp có ý thức chấp hành kém phải tuân thủ pháp luật, từ đó hình thành nên ý thức tự giác chung của cộng đồng doanh nghiệp.

Hướng tới mục tiêu đó, các cơ quan quản lý cùng với cộng đồng doanh nghiệp cần đưa ra các chương trình hành động cụ thể như:

1. Xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về giá tính thuế và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Đưa ra các hình thức khen thưởng động viên kịp thời cho các doanh nghiệp có truyền thống chấp hành tốt các quy định của pháp luật, kể cả việc giành cho họ những ưu tiên thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát Hải quan thuận lợi nhất.

3. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia hỗ trợ một số công việc của cơ quan Hải quan, nhất là động viên họ hợp tác với cơ quan Hải quan thực hiện giám sát lẫn nhau trong quá trình thực thi pháp luật.

4. Cơ quan Hải quan thường xuyên tổ chức các chuyên đề nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật về hải quan nói chung và pháp luật về trị giá Hải quan nói riêng cho cộng đồng doanh nghiệp.

## KẾT LUẬN

Trong công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay, yêu cầu đơn giản hoá và hài hoà hoá thủ tục hải quan đang là vấn đề mang một ý nghĩa vô cùng quan trọng và cần thiết, đặc biệt khi Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức thứ 150 của Tổ chức thương mại thế giới. Thời gian qua Hải quan Việt nam đã có nhiều cố gắng trong việc cải cách hành chính và hiện đại hoá qui trình thủ tục hải quan theo tiêu chuẩn của hải quan thế giới. Một trong những hoạt động đó là triển khai áp dụng phương pháp xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu theo Hiệp định trị giá GATT/WTO. Tuy nhiên, thực tế triển khai cho thấy còn tồn tại nhiều bất cập liên quan đến cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu theo qui định của Hiệp định trị giá GATT/WTO. Đó là những vấn đề về cơ chế kiểm tra, xác định trị giá; cơ chế phối hợp giữa các cơ quan hải quan với các cơ quan hữu quan và cộng đồng doanh nghiệp trong kiểm tra, xác định trị giá; về cơ sở pháp lý, cơ sở kỹ thuật, công nghệ và thông tin và vấn đề con người v.v.

Với mục đích hoàn thiện một bước cơ chế xác định trị giá tính thuế đối với hàng hoá nhập khẩu trong điều kiện riêng của Việt nam, Luận văn tập trung giải quyết một số vấn đề sau:

1. Phân tích nội dung cơ chế xác định trị giá cụ thể của Hiệp định trị giá GATT/WTO.

2. Trình bày những vấn đề lý luận về cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu trên cơ sở luật hoá các qui định của Hiệp định trị giá GATT/WTO và việc triển khai áp dụng tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3.

3. Phân tích, đánh giá thực tiễn cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu Việt Nam hiện nay.

4. Đề xuất một số nội dung và giải pháp hoàn thiện cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu ở Việt Nam hiện nay.

Xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu ở Việt Nam hiện nay đang có những bước đi đầu tiên trên cả phương diện lý luận và thực tiễn theo hướng quản lý hiện đại, phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới. Trước sức ép của hội nhập kinh tế quốc tế, việc nghiên cứu cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 trở nên hết sức cấp thiết, vì vậy, tôi đã lựa chọn và thực hiện đề tài này với mong muốn được đóng góp một phần công sức vào sự nghiệp cải cách, hiện đại hoá của ngành Hải quan cũng như sự phát triển của nền kinh tế đất nước hiện nay.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Thương mại (2000), *Kết quả vòng đàm phán U-ru-guay và Hệ thống thương mại đa biên*, NXB Thống kê, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2001), *Triết học*, tập 3, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
3. Bộ Tài chính (2006), *Hệ thống các văn bản pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan*, Hà Nội.
4. Bộ Tài chính (2008), *Thông tư số 40/2008/TT-BTC ngày 21/5/2005 hướng dẫn thi hành Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007 của Chính phủ*.
5. Chính phủ (2000), *Nghị định 24/2000/NĐ-CP ngày 31-7-2000 quy định chi tiết chi hàng loạt ĐTNN tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3*.
6. Chính phủ (2007), *Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007 quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*, Hà Nội.
7. Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) - Đại học Kinh tế quốc dân (NEU) (2004), *Chính sách công nghiệp và thương mại của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập*, tập I & II, NXB Thanh Hóa, Hà Nội.
8. Vương Thị Thu Hiền (2002), “Đi tìm giải pháp cho vấn đề gian lận thương mại trong thu thuế xuất nhập khẩu”, *Tạp chí Tài chính* (8), trang 33-35.
9. Nguyễn Thương Huyền, Bùi Nhật Tân (2008), “Những vấn đề cơ bản về hóa đơn theo pháp luật thuế”, *Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán*, số 2 (55), Hà Nội.

10. Khoa Quản lý kinh tế (2000), *Giáo trình khoa học quản lý*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
11. Khối Liên hiệp thịnh vượng chung và Phòng Thương mại quốc tế (1994), *Hướng dẫn kinh doanh thực hiện các kết quả của vòng đàm phán U-ru-guay*, Geneve.
12. Kiểm toán Nhà nước (2000) Cẩm nang kiểm toán viên Nhà nước, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Đặng Ngọc Lợi (1995), *Chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế trong quá trình chuyển sang kinh tế thị trường ở nước ta*, Luận án PTS kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
14. Ngọc Lợi (2005), “Hướng dẫn của WCO về xây dựng và sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu về trị giá hải quan trong quản lý rủi ro”, *Tạp chí Nghiên cứu Hải quan*, (4), tr.24-25.
15. Tổng cục Hải quan (2001), *Cộng đồng doanh nghiệp - cơ quan Hải quan và Hiệp định trị giá GATT/WTO*, Hà Nội.
16. Tổng Cục Hải quan (2002), *Hệ thống quản lý thông tin giá tính thuế*,
17. UNCTAD (1994), *Báo cáo về thương mại và phát triển*, New York.
18. Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế (NCIEC) - Tổng Cục Hải quan(GDC) - Chương trình phát triển Liên hiệp quốc (UNDP) (2000), *Hội thảo về thực hiện Hiệp định trị giá GATT/WTO ở Việt Nam*, Hà Nội.
19. Viện Nghiên cứu quản lý Trung ương (2003), *Hội nhập kinh tế áp lực cạnh tranh trên thị trường và đối sách của một số nước*, NXB Giao thông vận tải, Hà Nội
20. Viện Nghiên cứu tài chính (2001), *Định giá chuyển giao và thủ thuật chuyển giá của các công ty đa quốc gia ở Việt Nam*, NXB Tài chính Hà Nội.

## 21. Các trang web

- Tổng cục Hải quan: <http://www.customs.gov.vn>
- Bộ Thương mại: <http://www.mot.gov.vn>
- Bộ Tài chính: <http://www.mof.gov.vn>
- Hải quan thế giới: <http://www.wcoomd.org>
- Hải quan Mỹ: <http://www.cbp.gov>
- Hải quan Nhật Bản: <http://www.customs.go.jp>